

Ths: VŨ ĐỨC HUYNH

Con người với

Tâm Linh



Huongthuy
Bookstore
Reading for Everyone



HONGDUC

KHAI LUẬN

Chúng ta đang ở thế kỷ 21, thuộc Hạ Nguyên trong Tam nguyên Cửu vận theo quan niệm Thiên văn học cổ Trung Hoa bắt đầu từ năm Giáp Tý 1984 và sẽ kết thúc vào năm 2044 - Quý Hợi, Giáp Tý.

Trong Hạ Nguyên này, một trong bốn hiện tượng nổi bật lớn nhất, đặc trưng nhất là vấn đề tâm linh. Nói tổng quát là “Nguyên của Tâm linh”. Một nguyên có nhiều hiện tượng thuộc về tâm linh. Và các học giả để tâm nghiên cứu, tìm hiểu, một cách nghiêm túc các hiện tượng tâm linh xảy ra trong cuộc sống đương đại gây chú ý nhiều của đại chúng, nhằm giải thích một cách hợp lý mang tính khoa học trên cơ sở, hoặc của khoa học duy vật - thực nghiệm, hoặc của khoa học duy tâm - tâm linh suy luận logic.

Ngay vào cuối “Thất vận niên” (1984 - 2003), trên thế giới đã xảy ra nhiều sự việc, hiện tượng kỳ bí siêu thực như vong linh, tái sinh, trẻ đầu thai là hậu thân của người kiếp trước, và những người có khả năng đặc biệt như: Có công năng chữa bệnh không dùng thuốc; có thể giao tiếp với vong hồn ở cõi vô hình; nhìn thấu đất tìm mộ v.v...

Các sự việc là có thật. Hiện tượng là có thật đã từng xảy ra trong lịch sử loài người. Song nó không nổi lên rầm rộ như thời gian qua thu hút sự chú ý của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu và các học giả trên khắp thế giới. Họ đặt ra nhiều câu hỏi. Các câu hỏi không phải là mới nhưng chưa được giải đáp thỏa đáng. Quan niệm về các vấn đề luôn đối lập giữa tôn giáo và Khoa học thực nghiệm. Các câu hỏi không được thống nhất lý giải giữa khoa học và tâm linh cứ tồn tại.

Một bên cho rằng: Chết là hết, “thân cát bụi lại về với cát bụi”.

Một bên lại bảo vệ quan điểm của khoa học tâm linh: Con người chết là bước vào thế giới bên kia, một thế giới vô hình siêu thực. Cứ như vậy mỗi bên có một cách bảo vệ quan điểm riêng nhưng không có cơ sở nào lý giải cho quan niệm ấy một cách thiết thực.

Hiện nay với Tri thức tâm linh và đề xuất Thuyết tự nhiên giúp rất nhiều cho việc lý giải một cách khoa học các sự việc, hiện tượng thuộc về lĩnh vực tâm linh đã và đang có trong thực tế của đời sống Trần gian. Không phải mọi vấn đề, hiện tượng xảy ra trong cuộc sống cũng có thể bằng kiến thức trên cơ sở khoa học thực nghiệm duy vật để chứng minh nhận thức được. Có rất nhiều vấn đề lại được giải

quyết bằng suy luận logic. Ví dụ trong toán học, trong dự báo vận mệnh, trong nghiên cứu vũ trụ, mặt trời, các sao v.v...

Bằng 5 giác quan của con người, nhiều hiện tượng, hình ảnh v.v... còn tự nhận thức rất sai lệch so với tính chân thật của các hiện tượng, các hình ảnh mắt thấy, tay sờ, tai nghe...

Nhiều vấn đề tâm linh lại là sự thách đố các khoa học gia, các học giả, các nhà nghiên cứu đã từ nhiều thế kỷ nay.

Ví như những năm 1950 rộ lên hiện tượng một phụ nữ mù người Bungari tên là Vanga (1911 - 1996) công bố rằng: Bà đã “nhìn thấy” các vong linh (ma) và “nghe” được tiếng nói của họ. Bà đã chứng kiến các vong linh bày tỏ cảm nghĩ của họ đồng thời trả lời các câu hỏi đưa ra...

Bà Brennan, một người có khả năng ngoại cảm, người Mỹ hiện thời từng phát biểu: “... chết không phải cái mà chúng ta thường hiểu, mà là sự chuyển tiếp từ trạng thái ý thức này sang trạng thái ý thức khác...”

Bà Brennan đã gián tiếp khẳng định rằng: Con người chết không phải là hết mà là chuyển dạng thức thực thể. Nếu như con người chết là sang một thế giới vô hình, thành các vong hồn, như công bố của bà Vanga, hay của bà Phan Thị Bích Hằng (Việt Nam), thì sẽ có biết bao câu hỏi cần trả lời bằng một cơ sở nào đó mà con người có thể chấp nhận được.

Ví dụ: Các vong hồn sinh hoạt thế nào?

Họ giao tiếp với nhau và với người Trần gian bằng gì, khi mà họ không còn phần Xác (cơ quan phát âm)?

Các vong hồn “ăn” gì để tồn tại? Họ có cần “ăn, uống” hay không?

Trẻ con ở cõi vong hồn có lớn lên không?

Cõi vong có các hệ thống chính quyền không?

Vong hồn vận động ra sao? Vong hồn hiển hiện ở cõi Trần là thế nào?

Vong hồn đầu thai, tái sinh bằng cách gì?

Sinh linh mới ra đời ở cõi Trần là từ đâu?, v.v...

Hàng trăm câu hỏi có thể đặt ra từ một hiện tượng kỳ bí. Các tôn giáo, đặc biệt là Đạo Phật có hàng nghìn kinh, hàng vạn sách nói về thế giới của người Âm, nói

về hệ thống hành pháp của cõi Âm với địa ngục, với quỷ sứ, với diêm vương và các quan cai! Họ nói về quá trình chết và các nơi cư trú của vong hồn, nói về Lục đạo, Niết bàn, Luân hồi, Trả nghiệp v.v...

Tất cả những thứ kể trên chỉ là sự bày vẽ? miêu tả mà chưa có một sự giải thích có cơ sở, nguyên nhân thực sự rõ ràng để hiểu cho dù chỉ là sự suy luận.

Các nhà Khoa học thực nghiệm chưa dám thẳng thắn công nhận con người chết là chưa hết. Vì thế, họ vẫn bế tắc trước các hiện tượng hiển nhiên thuộc về lĩnh vực tâm linh đã và đang xảy ra trong cuộc sống.

Hiện nay với Tri thức tâm linh có thể giải đáp các câu hỏi liên quan tuần tự, xuất phát từ các hiện tượng Tâm linh mà không bị bế tắc khó lý giải. Phương pháp nghiên cứu suy luận giống như nghiên cứu Vũ trụ.

Trên cơ sở Thuyết Tự nhiên, Thuyết Âm dương và Thuyết Ngũ hành và Tri thức tâm linh để lý giải phần nào sự chết của con người, cuốn **“Con người với tâm linh”** sẽ đề cập các vấn đề về cõi vô hình, và các vấn đề, sự việc, hiện tượng sẽ được lý giải như sự gợi mở đi vào một hiện tượng được ghi nhận nhưng chưa có lời giải thích cuối cùng này.

PHẦN I CON NGƯỜI Ở CỠ TRẦN THEO QUAN NIỆM CỦA KHOA HỌC TÂM LINH VÀ TRI THỨC TÂM LINH

CHƯƠNG I MỘT SỐ NỘI DUNG RẤT CƠ BẢN CỦA CÁC THUYẾT LIÊN QUAN THUYẾT TỰ NHIÊN

(Thuyết này do tác giả đề xướng)

* Sơ lược về thuyết tự nhiên

I. LUẬN ĐỀ.

1. Trong Bao la có nhiều dạng thức thực thể, có thực thể hữu hình và thực thể vô hình.
 2. Mọi thực thể ở các dạng thức đều tàng chứa năng lượng.
 3. Trong Bao la các thực thể có quan hệ qua lại, có giới hạn thời gian tồn tại ở một dạng thức.
1. Các thực thể trong bao la không bao giờ biến mất mà chỉ thay đổi dạng thức tồn tại.

II. NỘI DUNG THUYẾT TỰ NHIÊN

Nội dung một: Trong Bao la có các dạng thức thực thể khác nhau với hạn mức tồn tại của từng thực thể trong từng cõi là rất khác nhau.

Giải thích:

Trong Bao la có nhiều dạng thức thực thể: đậm đặc nặng là các hành tinh (đại hành tinh, tiểu hành tinh, trăng...); có các thực thể hoàn toàn đậm đặc; có dạng thức thực thể đặc nhẹ là các sao như mặt trời; có dạng thức thực thể đặc vừa có dạng lỏng nhẹ là loài người và các loài sinh vật sống trên trái đất và ở một số hành tinh; có dạng thức thực thể to, nhỏ, rất to lớn, to vừa, nhỏ, rất nhỏ; có nhỏ nặng vừa là nguyên tử, nhỏ nhẹ là các hạt, nhỏ rất nặng là hạt nhân, nhỏ rất nhẹ là các electron, ion vô cùng nhỏ nhẹ là nano...; có các dạng thức vô cùng loãng và nhẹ là các loại tia, sóng...

Các thực thể ở bất kỳ dạng thức nào cũng đều có một hạn mức thời gian tồn tại ở dạng thức ấy. Thời gian tồn tại của mỗi thực thể là hoàn toàn khác nhau tùy theo từng thực thể và nguồn năng lượng tự thân của chúng ở các dạng thức thực thể.

Nội dung thứ hai: Mỗi dạng thức trong Bao la có không gian và thời gian riêng gồm các không gian và thời gian khu biệt. Mỗi dạng thức thực thể có quy luật vận động riêng và các thực thể tuân thủ quy luật vận động đó. Song không phải không có ngoại lệ của quy luật.

Giải thích:

Mỗi dạng thức thực thể có không gian riêng không gian khu biệt, có cách tính thời gian riêng và rất riêng. Thời gian là khái niệm riêng biệt theo nhận định của từng dạng thức thực thể.

Mỗi dạng thức thực thể và mỗi thực thể có quy luật vận động chung và riêng theo một trật tự nhất định.

Có thể có sự vận động của thực thể ngoài quy luật chung. Đó là các trường hợp ngoại lệ hãn hữu.

Nội dung thứ ba: Mọi thực thể trong Bao la đều có năng lượng và cần năng lượng để hoạt động, có tàng chứa năng lượng do khả năng tự hấp thụ năng lượng và phát ra năng lượng; có năng lượng nội tại, tự sinh. Thực thể này có thể tạo hay cung cấp năng lượng thô hay tinh cho thực thể khác ở cùng hoặc ngoài dạng thức thực thể.

Giải thích:

Mỗi dạng thức thực thể có dạng năng lượng riêng và khả năng tàng chứa và tàng trữ khác nhau; có khả năng thu và phát năng lượng khi cần hoặc để hoạt động, hoặc để chuyển tải thông tin dưới dạng sóng sinh học để giao tiếp trong các thực thể

cùng dạng thức với nhau hay với các thực thể khác dạng thức.

Thực thể cùng dạng thức thu năng lượng có trong Bao la hoặc ở một thực thể khác cùng dạng thức và khác dạng thức. Thực thể tĩnh hay động đều có nguồn năng lượng tự thân ở các mức độ khác nhau và có thể phát ra dưới các dạng, loại và phương cách khác nhau.

Thực thể ở dạng thức này có thể là nguồn năng lượng của thực thể kia hay là nguồn cung cấp năng lượng cho thực thể ngoài dạng thức.

Nội dung thứ tư: Các dạng năng lượng có trong Bao la dù là ở dạng tự do hay được phát ra từ các thực thể ở mọi dạng thực thể nếu tương tác có thể gây ra hiệu ứng, hậu quả tích cực hoặc tiêu cực song đều có giới hạn về sức mạnh.

Giải thích:

Năng lượng của thực thể phát ra hoặc tương tác, hoặc giao thoa, cộng hưởng đều có thể gây ra hiệu ứng hoặc hậu quả tích cực giúp cho thực thể khác cùng dạng thức hay khác dạng thức; có thể gây ra hiệu ứng hay hậu quả xấu như ảnh hưởng xấu, cản trở, thậm chí làm phá tán, biến dạng thực thể khác. Quá trình phát, truyền năng lượng, thực thể này có thể tác động đến một hay nhiều thực thể khác trong một thời gian và sức mạnh tùy thuộc vào dạng thức thực thể và vào tiềm năng của từng thực thể.

Nội dung thứ năm: Các thực thể trong Bao la thu, phát, truyền năng lượng bằng nhiều phương cách khác nhau, hình thức khác nhau, sắc thái khác nhau. Năng lượng tự thân giúp thực thể tồn tại, hoạt động với các cấp độ, mức độ và thời gian khác nhau ở các thực thể và dạng thức thực thể là rất khác nhau. Giải thích: Phát, truyền năng lượng của thực thể ra môi trường là đặc tính chung nhất của mọi thực thể ở tất cả các dạng thức thực thể.

Có rất nhiều hình thức, phương cách thu, phát, truyền năng lượng của các thực thể ở mọi dạng thức tùy thuộc tiềm năng, khả năng và dạng thức thực thể: thực và siêu thực, vô hình, đặc, loãng...

Ví dụ các loại năng lượng có từ: Chuyển động, tương tác, nội nhiệt, nội lực, phản lực, sóng, độ cao...

Ví dụ các phương cách phát năng lượng: Sóng, tia, bức xạ nhiệt, từ, âm thanh, chuyển động...

Đặc biệt có dạng thức thực thể phát truyền sóng sinh học không cần môi trường; lan toả mọi phương trong Bao la với vô vàn bước sóng, tần số... Tuy nhiên, mọi

phương cách phát truyền năng lượng đều bị ảnh hưởng bởi các tác nhân có trong môi trường của từng không gian và trong Bao la.

THUYẾT ÂM DƯƠNG

I. SƠ LƯỢC VỀ THUYẾT ÂM DƯƠNG

Học Thuyết Âm Dương ra đời ở Trung Quốc từ thời cổ xưa và trở thành quan niệm triết học trong một thời gian dài hàng nghìn năm. Đến nay, Thuyết Âm Dương vẫn được nhiều học giả Trung Quốc, nơi khởi nguồn của thuyết này, ứng dụng trong Đông y, trong nghiên cứu các môn dự đoán học...

Ở Trung Quốc, các sách về dự đoán được đông đảo độc giả đón nhận như Dự đoán theo tứ trụ, Chu dịch với dự đoán học, Đàm thiên thuyết địa luận nhân. Đặc biệt, Kinh dịch đã được một viện nghiên cứu ứng dụng đảm trách. Kinh dịch được châu Âu nghiên cứu chuyên sâu. Các tác phẩm trên đều dựa trên Thuyết Âm Dương và Thuyết Ngũ hành.

II. NỘI DUNG CỦA THUYẾT ÂM DƯƠNG

Thuyết Âm Dương đề cập tới năm quy luật chính: Âm Dương thuộc tính, Âm Dương đối lập, Âm Dương là gốc của nhau, Âm Dương biến hóa và Âm Dương vận hành.

Đó là 5 nội dung cơ bản của Thuyết Âm Dương giúp sáng tỏ thêm phương hướng suy luận và phương pháp nghiên cứu mang tính khoa học.

1. Thuộc tính Âm và Dương.

Tiêu chí để phân biệt thuộc tính âm, dương trong sự vật và hiện tượng là:

- Dương là sự biểu lộ của trời (càn - thiên), là nam, cha, vua chúa, bề trên, sang trọng, ban ngày, ánh sáng, sức nóng, năng lượng, sức mạnh; màu trắng; sự chuyển động mạnh mẽ, bằng phẳng; náo nhiệt, hưng phấn... (thuộc tính mạnh).

- Âm là sự biểu lộ của đất (khôn - địa), là nữ, mẹ, bóng tối đêm, mặt trăng, mềm mại, thụ động, lạnh, tính trầm, màu đen... (thuộc tính yếu mềm).

Âm, Dương là một hệ thống “nhị nguyên” mang những thuộc tính trái ngược nhau nhưng lại bổ trợ nhau trong đối lập.

2. Âm Dương đối lập.

Bên trong vạn vật, hiện tượng đều đồng thời tồn tại hai thuộc tính âm và dương đối lập nhau, nó tạo nên sự cân bằng, hỗ trợ thúc đẩy sự hình thành, phát triển; đồng thời nó cũng tàng chứa sự mất cân bằng giúp sự đối lập phát triển để đi tới sự phân tách.

Trong bát quái, Âm và Dương được biểu hiện bằng hai màu đối nghịch: Trắng và đen, Âm và Dương, “nhị nguyên” thể hiện sự hòa hợp, hỗ trợ lẫn nhau, đồng thời phát sinh như quy luật phát triển: Sinh và diệt. “Chu dịch càn tại đô” viết rằng: “Càn, Khôn là căn bản của Âm, Dương là tổ tông của vạn vật...”. Quy luật âm dương đối lập và thống nhất xuyên suốt trong tất cả các sự vật và hiện tượng. Không có sự vật hiện tượng nào không mang hai thuộc tính âm dương và tàng ẩn quy luật đối lập và thống nhất.

Sự hợp nhất Âm, Dương để sinh và diệt. Trong sinh có diệt, trong diệt có sinh; cái này là gốc của cái kia; cái này là nguyên nhân của cái kia, đồng thời tồn tại trong một thể đối lập - thống nhất.

3. Âm Dương là gốc của nhau.

Âm, Dương có cùng trong vạn vật vừa đối lập vừa thống nhất, vừa dựa vào nhau để tồn tại, Âm và Dương luôn lợi dụng nhau để phát triển, tác động qua lại; đó là sự tồn tại. Không có Âm thì không có Dương tồn tại, và ngược lại. Không có sự thuần Dương hay thuần Âm.

4. Âm Dương biến hóa.

Âm, Dương là hai thuộc tính khác biệt trong một thực thể, nhưng cả Âm và Dương đều có quy luật biến hóa.

Dưới những điều kiện nhất định, yếu tố này sẽ chuyển hóa thành yếu tố kia. Sự dịch chuyển không làm mất đi thuộc tính riêng biệt. Song chỉ khi nào Âm và Dương kết hợp thì mới thúc đẩy sinh thành và phát triển. Sách “Hệ từ” viết: “Âm, Dương hợp đức thì cương nhu thành hình”.

Âm và Dương tuy đối lập nhưng phải dựa vào nhau và hợp nhất bền vững cân bằng để cùng tồn tại lâu dài.

Trong Âm tàng ẩn Dương và trong Dương vẫn có Âm. Đó là sự chuyển hóa; thuần Dương và thuần Âm chỉ là khái niệm. Thực thể luôn tồn tại hai thuộc tính đó.

Sự chuyển hóa Âm, Dương là quy luật phát triển tất yếu của sự vật. Và như vậy, nếu mọi thứ tuân thủ theo quy luật cân bằng phát triển sẽ tạo ra sự phát triển hài hòa, giúp tồn tại lâu bền. Nếu có sự lệch lạc, mất cân đối sẽ không bền vững.

5. Âm Dương vận hành.

Âm, Dương luôn ở thế động. Đó là một quy luật. Do đó, sự cân bằng Âm, Dương ở thực thể là cân bằng động, khi thế cân bằng cũ bị phá vỡ theo quy luật vận hành âm dương thì thế cân bằng mới lại được thiết lập. Nhờ sự chuyển hóa không ngừng mà vũ trụ và sự vật, hiện tượng luôn thay đổi, vận động. Sinh và hủy không ngừng thay thế nhau. Hết ngày lại đêm, hết sáng lại tối. Nóng đi lạnh đến... Âm mạnh thì Dương yếu, Dương mạnh thì Âm yếu.

Nhờ quy luật vận hành Âm, Dương luôn tìm đến sự cân bằng giúp sự vật sinh trưởng và phát triển không ngừng.

- Nhờ quy luật vận hành âm dương, cái mới sinh ra thay thế cái cũ. Thế cân bằng cũ bị phá vỡ nhanh hay chậm là tùy vào khả năng duy trì của thực thể. Từ quy luật vận hành âm dương ta nhận thấy: Không có cái gì là vĩnh cửu.

Tất cả mọi sự vật, hiện tượng đến con người, vũ trụ đều không nằm ngoài quy luật này của Thuyết Âm Dương.

THUYẾT NGŨ HÀNH

I. SƠ LƯỢC VỀ THUYẾT NGŨ HÀNH.

Sau Thuyết Âm Dương, Thuyết Ngũ Hành kế tiếp ra đời. Thuyết Ngũ Hành ra đời giải thích thêm sự vật, hiện tượng một cách rõ ràng hơn với quy luật sinh khắc vô thường.

Thuyết này là cơ sở để nhận thức hiện tượng, sự vật của người Trung Hoa xưa, mọi biến đổi, phát triển của thực thể đều được thuyết này lý giải. Có thể nói Thuyết Âm Dương là nguyên lý và Thuyết Ngũ hành là quy tắc. Con người dựa vào hai thuyết đó để lý giải các hiện tượng tự nhiên, xã hội và con người.

*** Quan niệm Ngũ Hành trong y mệnh**

Để phòng tránh tai họa, người ta có Y mệnh. Loài người có quá trình tìm đến các môn dự báo, dự đoán như: Dự báo khí tượng, dự đoán vận hạn đất nước, xã hội, dự báo về con người trong các thời vận bằng dự đoán học mà hai Thuyết Âm Dương và Ngũ Hành đều có mặt trong Dịch, Lý, Số... Tất cả các môn đó nhằm phân nào biết

trước vận hạn lành, dữ để phòng tránh, đem lại bình an cho con người.

Các môn dự đoán đều dựa trên hiện tượng và thực thể cụ thể cho trước, có trước rồi trên cơ sở của nguyên lý Âm Dương và quy tắc của Ngũ Hành mà suy luận, dự đoán cho điều sắp xảy tới. Dự đoán Y mệnh muốn có cơ sở vững chắc thì ngoài nguyên lý của Âm Dương còn phải cần đến quy tắc của Ngũ Hành.

II. NỘI DUNG THUYẾT NGŨ HÀNH.

Thuyết Ngũ hành được ứng dụng với những quy tắc: Tương sinh tương khắc và phản ngược của tương sinh tương khắc; sự thái quá của từng Hành, giúp lý giải, ứng xử phù hợp đối với từng sự việc, hiện tượng của thiên nhiên, xã hội, con người...

1. Đặc tính của Ngũ Hành

Ngũ Hành gồm năm Hành: Thủy, Hỏa, Kim, Mộc, Thổ.

Mỗi Hành có đặc tính riêng biệt, hình thái và biểu lý phương cách khác nhau.

- Hành Thủy có đặc tính hàn lạnh, hướng xuống, thâm trầm, thể hiện màu đen, uyên chuyên...

- Hành Hỏa: Có đặc tính nóng, bốc lên, sung lực, sắc đỏ, không hòa hoãn...

- Hành Kim: Có đặc tính sắc bén, thụ sát, thanh tĩnh, biểu hiện sắc trắng, nhu động...

- Hành Mộc: đó là tính sinh sôi nảy nở, ngay thẳng, cong dài với sắc khí xanh, dịu êm...

- Hành Thổ: Tính nuôi dưỡng, che chở, hóa đục với sắc vàng, nâu...

Đó chính là sự so sánh biểu lý, quy tụ những đặc tính cơ bản tàng ẩn trong sự vật hiện tượng, từ đó có sự so sánh để đi đến một lý giải hợp lý.

Nhờ có Ngũ Hành với đặc trưng biểu lý mà một sự vật, hiện tượng có thể quy vào một Hành đặc trưng nào đó, từ đó con người có thể nắm bắt các thuộc tính của sự vật hiện tượng một cách dễ dàng. Ngũ Hành khái quát hóa thuộc tính, đi từ khó hiểu, trừu tượng đến sự rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhận biết một thực thể nào đó.

Nói Hành Hỏa thì mơ hồ nhưng nói sắc đỏ, nóng, bốc... thì rất dễ hiểu.

2. Quy luật sinh khắc của Ngũ Hành.

Quy luật tương sinh và tương khắc là hai phạm trù đối lập nhau như Âm và Dương. Quy luật tương sinh tương khắc bao hàm nội dung sinh trưởng và kiềm chế, sinh và khắc để giữ thế cân bằng trong tự nhiên, xã hội cũng như con người. Không có tương sinh thì không có tương khắc. Bởi nếu chỉ sinh thì vạn vật phát triển đến hỗn loạn rồi tự diệt, vì vậy phải có sự khắc chế để kìm hãm, chế ngự. Nhờ đó, sự phát triển hài hòa được tạo lập, hiện diện hai mặt đối lập: Không có cái này thì không có cái kia và ngược lại. Hai vế dựa vào nhau làm cơ sở cho sự phát triển của vạn vật trên thế gian. Trong sinh có khắc; trong khắc có sinh. Sinh khắc không ngừng thì phát triển không ngừng. Cái này sinh cái kia nhưng lại bị cái kế tiếp khắc chế. Một chuỗi mối liên quan tạo ra sự phát triển cân đối và hài hòa. Nếu quy luật tương sinh và tương khắc bị vi phạm sẽ xảy ra hiện tượng quá sinh hay quá khắc. Quá sinh sẽ dư thừa, quá khắc sẽ bị triệt tiêu.

Sự dư thừa dẫn đến nội sinh theo quy luật sinh tồn Âm, Dương để trở lại thế cân bằng. Sự triệt tiêu sẽ ra đời thực thể khác tự sinh cũng theo quy luật sinh tồn của tạo hóa.

Tương sinh tương khắc và sự tương đồng sinh khắc để thúc đẩy sự vật sinh trưởng phát triển bình thường, biến hóa không ngừng. Không có sinh thì sự vật không phát triển. Không có khắc thì không thể duy trì thế cân bằng.

Sự sinh khắc trong ngũ hành:

- Tương sinh là hỗ trợ cùng thúc đẩy phát triển và trợ giúp nhau.
- Trong tương sinh có các quan hệ Hành là: Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc.

Như vậy tương sinh mang ý nghĩa biểu lý, là một vòng khép kín tạo sự liên quan tương hỗ cho sự phát triển.

- Tương khắc là hai Hành có nghĩa biểu lý chế khắc nhau, khống chế nhau nhằm kìm hãm sự phát triển thái quá. Tương khắc cũng là sự liên hoàn khắc chế: Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc.

Như vậy sự khắc chế cũng chỉ mang ý nghĩa biểu lý, giúp giữ sự vật ở thế cân bằng.

Sự sinh và khắc đều là “tương”. “Tương” chỉ sự hỗ trợ qua lại. “Tương” còn có ý là tương đối. Quy luật tương sinh hay tương khắc có tính tương đối. Quy luật tương sinh - tương khắc cũng yêu cầu một lượng nhất định để đạt mức khắc, từ đó mới có thể sinh ra cái mới. Ví dụ, Hỏa muốn “đốt” được Mộc để sinh ra Thổ thì Hỏa phải đủ

manh. Lửa đèn, lửa nền làm sao đốt được rừng rậm (đại mộc lâm). Tính chất tương đối là như vậy.

3. Quy luật phản ngược của Ngũ Hành.

Trong Ngũ Hành có quy luật tương sinh và tương khắc, song đó là mối quan hệ thuận chiều: “Lượng đổi” để “chất đổi” sức mạnh của khắc chế chỉ thực hiện được khi bản thân nó đủ mạnh. Tuy nhiên, phạm trù sinh khắc giữa các Hành và trong từng Hành rất rộng, ví dụ: Hành Thủy có Đại hải thủy, Khê hạ thủy, Thiên hà thủy (nước biển lớn, nước dưới khe, nước trên trời)...; Hành Thổ có ốc thượng thổ, bích thượng thổ (đất nóc nhà, đất vách tường)...

Thổ khắc Thủy nhưng đất vách tường sẽ bị nước lũ cuốn trôi. Như vậy không phải “mạnh” khắc “yếu” mà cũng xuất hiện cái “yếu” khắc ngược lại; suy khắc vượng; “yếu” khắc “mạnh”!

Mạnh yếu, suy vượng của các Hành mang ý nghĩa biểu lý Thổ vượng thì Mộc suy chứ không thuần túy Mộc vượng thì Thổ suy; ở đây Mộc đã bị Thổ khắc. Thuận và nghịch tương quan. Cũng như vậy, theo quy luật khắc chế đảo của Ngũ hành: Mộc vượng thì Kim suy, Kim vượng thì Hỏa suy, Hỏa vượng thì Thủy kiệt, Thủy vượng thì Thổ tan, Thổ vượng thì Mộc úa. Vòng phản ngược của Ngũ Hành cũng liên hoàn giống quy luật tương khắc vậy.

4. Quy luật thịnh quá hóa thừa.

- Sự phát triển cực thịnh sẽ dẫn đến thừa và thừa sẽ đưa đến suy. Như vậy trong thịnh đã tàng ẩn mầm móng của sự suy vong.

- Phàm vật quá rắn thì dễ vỡ, cứng quá thì dễ gãy... sự thịnh phát quá là thừa mà dư thừa sẽ dẫn đến suy là vậy.

CHƯƠNG 2

I. CẤU TỔ VÀ CÁC THÀNH TỔ TRONG MỘT CON NGƯỜI THEO TRI THỨC TÂM LINH. MỘT CON NGƯỜI SỐNG VÀ BƯỚC VÀO SỰ CHẾT THEO TRI THỨC TÂM LINH LÀ THỂ NÀO

1. Một con người còn tồn tại trên Thế Gian - cõi Trần là một người còn mọi hoạt động của sự sống như hoạt động của trí óc, của các cơ quan nội tạng, cơ bắp, các biểu hiện bên ngoài như thở, ăn uống v.v...

Ngay cả các trường hợp “sống đời sống thực vật”: trí não không còn nhận biết và phản ứng; con người ấy vẫn còn ăn uống, bài tiết, tim còn đập, còn hít thở. Nhưng không còn các hoạt động...; con người đó vẫn là con người còn hiện diện trên cõi Trần.

Họ nằm trơ như khúc gỗ bất động, vô tri, vô giác nhưng họ vẫn là con người. Họ chưa bước vào sự chết, chưa phải bước vào quá trình chuyển dạng thức thực thể ở cõi Vong hồn, theo cách hiểu của tri thức tâm linh.

Con người bước vào sự chết là phần Hồn tách khỏi phần Xác và bước vào chuyển dạng thức thực thể khác; dạng thức Vong hồn. Ngay cả khi mọi hoạt động sống nhất thời ngưng lại (theo nhận biết bằng các giác quan) trong một khoảng thời gian có thể đến vài giờ vẫn chưa thể gọi là một người đã bước vào sự chết. Đó là thời gian chết giả, hoàn toàn chưa phải thực chết. Y khoa gọi những hiện tượng ấy bằng thuật ngữ “chết lâm sàng”. Theo Tri thức tâm linh, dù là một con người đã chết như: Chết tươi, chết đột tử, chết trẻ, chết trước tuổi và cho là chết già chẳng nữa, thì trong 48 giờ, thậm chí đến 72 tiếng đồng hồ con người ấy vẫn chưa phải là thực chết. Vì khi đó, người chết ấy chưa bắt đầu chuyển dạng thức ở bậc một của Trung giới, một cõi siêu thực ở tầng thấp nhất. Họ đang còn ở một không gian giống như là “phòng chờ” để lên tàu xe, lên máy bay. Ở nơi ấy vẫn là không gian của cõi Trần, con người gọi là chết có thể có người không lên tàu đi tiếp mà sẽ quay trở lại cõi Trần, nếu nhờ gặp được một tương tác sóng mạnh nào đó đẩy ngược lại. Đó là các trường hợp chết rồi sống lại. Gọi là hiện tượng hồi sinh!

Hiện tượng này không chỉ đã có trên thế giới mà ngay ở Việt Nam cũng đã từng

xảy ra mà dân chúng từng được biết, phương tiện truyền thông, báo trí có đưa tin.

2. Một vài ví dụ cụ thể về người chết đã sống lại trên thế giới và cả ở Việt Nam gần đây

Một trường hợp xảy ra ở Nga. Đó là bà Fagilya Mukhametzryanow ở thành phố Kazan nước cộng hòa Tatarstan thuộc Nga. Bà đã bất ngờ ngồi dậy trong quan tài chưa đầy nắp ở buổi lễ tiễn biệt tại nhà thờ sau khi bà đã chết một ngày. Bà hoảng sợ khi thấy người ta sắp đem mình đi chôn! nên sau 12 phút, bà được đưa tới bệnh viện cấp cứu. Do bà tưởng người ta chôn sống mình, bà đã quá sợ, hoảng loạn quá mức dẫn đến truy tim và bà lại chết thực sự (theo như tuyên bố của bác sỹ về lý do dẫn đến cái chết ở lần sau. Khi ấy bà mới 49 tuổi. Một trường hợp xảy ở Hoa Kỳ. Đó là bà M.C. Donal 64 tuổi bị đau tim đột ngột. Bà được bệnh viện mổ cấp cứu trong 2 giờ đồng hồ, ngày 15 tháng 5 năm 2011. Nhưng sau đó tim của bà hoàn toàn ngừng đập và được xem như bà này đã chết lâm sàng, bởi sau một tháng, ngày 15/6/2011, bà lại đột ngột sống lại như người thường. Bà lại nói chuyện, đi lại và sinh hoạt bình thường! Các tổ chức y tế đang nghiên cứu, xem xét trường hợp hồi sinh thần kỳ này. Đó là một trường hợp chết lâu nhất sống lại chưa hề có ghi nhận trong văn y của bất kỳ nước nào từ trước đến thời điểm đó!

Một số trường hợp người chết sống lại ở Việt Nam cách nay trên 30 năm, và gần đây nhất là một trường hợp xảy ra năm 2010.

Trường hợp thứ nhất: Bà Nguyễn Thị Kỳ ở Quảng Bình. Khi bà 50 tuổi sau hai tuần ốm không ăn, không uống. Bà đã chết và được khâm niệm. Sau hai tiếng đồng hồ bà bỗng kêu: “Cho tao chén nước khát quá!”.

Người nhà hoảng hốt tháo vải khâm niệm, đưa bà ra khỏi quan tài. Bà tiếp tục sống thêm 31 năm sau; 81 tuổi bà mới chết lần thứ hai. Bà thực sự qua đời sau 31 năm đã từng chết giả kéo dài đến 2 giờ đồng hồ!

Trường hợp thứ hai: bà Trần Thị Ban ở thôn 2, xã Xuân Lam, huyện Nghi Lộc, Hà Tĩnh đã từng chết một lần khi ở tuổi 40 được đắp chiếu chờ sáng hôm sau khâm liệm. Song đêm khuya bà đột nhiên sống lại, bà tiếp tục sống bình thường với con gái của bà ở thôn 2 đến 83 tuổi. Tức là sống tiếp thêm 43 năm nữa sau lần chết “giả” tới 4 giờ đồng hồ!

Trường hợp thứ ba: Bà Nguyễn Thị Dí 67 tuổi ở xã Đông Thanh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh bị chết ngột nước (chết trôi) ở sông được kéo vào bờ và được xem đã chết vì không còn thở, tim ngừng đập. Nhưng ông Nguyễn Văn Nhiên người cùng xóm làm hô hấp, bà Di ít lâu sau cử động và tỉnh dậy, bà được bệnh viện Hóc Môn và sau đó là bệnh viện 115 cứu chữa hai ngày sau bà ấy đã hoàn toàn sống lại bình thường. Chuyện mới xảy ra năm 2009.

Trường hợp gần nhất: Lúc 17 giờ ngày 14 tháng 6 năm 2010, anh Nguyễn Văn Hùng, 37 tuổi (bị ung thư túi mật) được xem là tắt thở đưa vào áo quan che chắn, chưa đóng ván thiên vì còn chờ người vợ đang từ Vũng Tàu trở về nhìn mặt lần cuối. 23 giờ cùng ngày, sau 6 tiếng đồng hồ đã chết, anh Hùng ngồi bật dậy nhìn quanh nói: “Cho tao xin điều thuốc Lào!” Mọi người có mặt đỡ anh ra khỏi quan tài, anh Hùng sống lại thêm một tháng nữa, ngày 15 tháng 7 năm 2010 mới thực sự chết do ung thư đã ở giai đoạn cuối!

Hiện tượng người chết sống lại có nhiều; đặc biệt nhiều người đã bị chôn mới sống lại, nhưng tiếc thay đã không còn cơ hội sống tiếp. Người ta nhận biết được hiện tượng này khi cải táng do hài cốt thay đổi tư thế không giống như khi khâm liệm, hay móng tay cào cấu vào ván thiên của quan tài v.v...

Trước hiện tượng này, những thầy cúng, thầy mo, thầy phù thủy thường giải thích bừa rằng người chết bị “Trùng khảo tra?”. Để tránh điều đáng tiếc, người chết có thể còn sống nhưng lại bị đem chôn (được xem là bị chôn sống), vì vậy nên để người chết sau 72 tiếng đồng hồ mới đem an táng; nhất là các người chết còn trẻ hay bị đột tử.

3. Khoa học duy vật ngày nay giải thích về các hiện tượng chết có thể sống lại là do cơ thể con người có nhiều loại tế bào trong khoảng 10 tỷ loại tế bào có khả năng duy trì sự sống trong những thời gian khác nhau sau khi cơ thể nói chung đã được xác định là đã chết

Ví dụ tế bào não được xem là loại tế bào rất nhạy cảm với sự thiếu oxy, nên chỉ cần con người ngừng thở 5 đến 10 phút là các tế bào này rối loạn và chết theo lý thuyết. Song trong thực tế nhiều trường hợp người đã ngừng thở từ 30 phút đến 2 giờ đồng hồ và còn lâu hơn vẫn được cứu sống hay tự sống lại. Từ các nghiên cứu thực tế, ngày nay khoa học biết tới các tế bào thần kinh ở hành tủy não - Medulla Oblongata có khả năng chịu đựng sự thiếu hụt oxy lâu hơn nhiều so với các tế bào não khác ở các vùng não khác! Và có thể vì vậy mà chết lâm sàng có thể sống lại được.

Với khả năng đó, các Medulla Oblongata có thể khôi phục lại hệ điều hành sự sống, và con người có thể sống lại! Xác minh nhận định này, các nhà khoa học Nhật Bản đã thực nghiệm cấy một số điện cực vào vỏ não người đã được xem là đã chết theo nhận thức của y khoa lý thuyết. Kết quả thực nghiệm cho thấy vẫn còn các sóng điện não phát ra ở những khoảng cách khác nhau của hệ thống thần kinh.

4. Khoa học thực nghiệm đã dựa vào cơ sở thực tế để dần làm sáng tỏ hiện tượng chết lâm sàng hay chết rồi vẫn có thể sống lại sau một thời gian khá lâu.

Khoa học tâm linh và Tri thức tâm linh giải thích hiện tượng chết đi sống lại là

thế nào? Để có thể giải thích, trước hết ta cần nhận biết về các cấu tố trong một con người khi còn sống như thế nào.

II. CÁC THÀNH TỐ TRONG CON NGƯỜI.

Một con người sống luôn có hai phần: Phần Hồn và phần Xác. Phần Hồn là linh hồn của con người. Phần Xác là Thân vật lý, cơ thể, là công cụ thực hiện mọi chỉ đạo của phần Hồn.

Với Tri thức tâm linh, phần Hồn và phần Xác của con người khi con người còn sống là một thể thống nhất, gắn kết chặt chẽ xen kẽ vào nhau. Phần Hồn được xem như cái cốt dựa để các cấu tố vật lý phần Xác đắp vào.

Phần Hồn có các cấu tố nào, và cấu trúc của nó ra sao, theo quan điểm của khoa học tâm linh và trí thức tâm linh?

1. Các cấu tố của phần Hồn:

Theo Tri thức tâm linh đồng tình với các thuật từ dân gian đã dùng phần Hồn có ba thành tố cơ bản đó là:

- Thành tố Thần thức
- Thành tố Vía
- Thành tố Phách

Dân gian quan niệm từ lâu là “ba Hồn”. Chính là ba cấu tố trên này của phần Hồn. Phần Hồn là gọi chung cả ba cấu tố chính, cơ bản của một phần Hồn trong con người khi còn sống, theo quan niệm dân gian chính là Linh hồn.

2. Bản chất các cấu tố của phần Hồn thế nào?

Phần Hồn gồm các hạt điện năng lượng sinh học âm và dương liên kết với nhau thành mạng lưới có thể co lại và giãn rộng ra tùy trường hợp hay có thể móc thêm vào các mắt lưới mới vẫn theo nguyên dạng mẫu đã được định hình ngay từ khi lọt vào “cửa sinh” của người phụ nữ để hình thành sinh linh mới khi có điều kiện Âm (vợ), Dương (chồng) giao hòa thuận hợp. Mạng lưới các hạt điện sinh học âm và dương là “cái cốt” ban đầu của thai nhi để người mẹ, người mang thai, lấy “nguyên liệu” từ sinh thực: Thở, ăn, uống (nguồn năng lượng xanh từ không khí, động, thực vật - nguồn thực phẩm), “đắp” vào để thành hình của một hài nhi cụ thể, như dân gian thường nói suốt 9 tháng 10 ngày trong bầu thai.

Ba thành tố được sắp xếp theo dạng mạng hạt vòng đứng lần lượt như sau:

3. Thành tố Vía:

Gồm mạng hạt điện sinh học âm và dương có hai phần và ở ngoài cùng; phần mạng vòng các hạt điện sinh học âm ở phía trong giáp vòng Thần thức. Và phần mạng vòng các hạt điện sinh học có dương ở ngoài giáp “Vòng trường sinh âm tính” ở bên ngoài bao quanh cơ thể cấu tạo vòng Vía là hoàn hảo, vì có cả âm và dương nên cấu tố Vía tương đối độc lập; nó có thể uyển chuyển tạm thời tách được khỏi phần Hồn, hay tương tác dễ dàng với các sóng lạ mang thông tin có tràn ngập bên ngoài cơ thể và trong Bao la.

4. Thành tố Thần thức.

Thành tố Thần thức chỉ gồm các hạt điện năng lượng sinh học dương liên kết với nhau thành mạng lưới vòng đứng sát vòng mang điện tích âm của thành tố Vía phía bên trong. Thành tố Thần thức là thành tố trọng yếu, là thành tố mang chức năng nhạc trưởng của phần Hồn. Cấu tố này giữ trọng trách dịch mã thông tin từ bên ngoài thu nhận được, nơi hình thành mọi “ý tưởng” và điều hành các hoạt động nhịp nhàng, cũng là nơi lưu giữ nhiều nhất các ký ức chung và riêng so với hai thành tố Vía và Phách.

Thành tố Thần thức của phần Hồn là thành tố giăng kết và liên thông chặt chẽ nhất với hai thành tố Vía và Phách để tạo mọi sự hài hòa đồng bộ trong các hoạt động của con người sống.

Thành tố Thần thức cũng là thành tố nhẹ nhất, hoạt động mạnh nhất, gồm các hạt điện năng lượng sinh học dương; nó vừa nhẹ, vừa tàng chứa nguồn năng lượng lớn mà con người có được.

5. Thành tố Phách.

Thành tố Phách gồm toàn các hạt điện sinh học âm với cấu tạo mạng lưới vòng đứng theo chiều dài cơ thể nằm ở trong cùng.

Thành tố Phách nặng nhất và mang nhiều ký ức bản ngã dục vọng của con người, vì nó điều hành chủ yếu mạng này.

Các nhà khoa học duy vật cũng đã công nhận có “ba thân thể tế vi bậc cao của con người... cần đến nguồn năng lượng vũ trụ”⁽¹⁾, và “các trình độ tế vi làm nền móng cho mỗi thời khắc tâm thức thành hình mà còn diễn tả những trạng thái Tâm

thức con người...”⁽²⁾

III. CÁC CẤU TỔ CỦA PHẦN XÁC Ở CON NGƯỜI SỐNG THEO QUAN NIỆM CỦA KHOA HỌC TÂM LINH VÀ VỚI TRI THỨC TÂM LINH

1. Phần Xác

Phần xác của một con người sống là phần cơ bản thứ hai của một con người đang còn mọi hoạt động sống. Khoa học duy vật xem phần này là “Thân vật lý” nghĩa là phần Xác cấu trúc bởi các thành phần vật chất thô. Các tôn giáo cho phần này là “sắc tướng” là phần mà linh hồn (phần Hồn) trú ngụ trong đó: “Tôi không phải là thể xác này mà là sự sống trong nó... con người (linh hồn) không phải là thể xác mà là một sự sống trường cửu... thể xác không phải là con người vì: khi thiêu nó, nó không nói nó không chịu đi, nó thích ở lại...”⁽³⁾. Điều đó nói lên rằng phần “Thân vật lý” hay “sắc tướng” hay “phần Xác” là phần vật chất thô cần thiết của người sống được tạo nên từ các nguyên tố vật lý thành một cơ thể để thực hiện mọi sự chỉ đạo và hiển thị các “ý” của một phần chính quan trọng tàng chứa trong nó mà quan niệm của một số nhà khoa học duy vật gọi là “cơ thể tế vi”, một số tôn giáo gọi là “linh hồn”, khoa học tâm linh với Tri thức tâm linh gọi là phần Hồn. Vậy cơ thể tế vi; linh hồn - con người; phần Hồn đều là phần tàng chứa trong cơ thể vật lý mà khoa học tâm linh gọi là phần Xác. Và dưới sự nhận biết bằng Tri thức tâm linh, phần Xác có những cấu tổ nào?

2. Các cấu tổ của phần Xác theo Tri thức tâm linh

Theo thuyết Âm Dương: “Mọi sinh vật, mọi hình thức tồn tại đều tàng chứa khí Âm và khí Dương, tất cả mọi vật hình thành biến hóa và phát triển đều do sự vận động của hai khí Âm Dương mà thành...”⁽⁴⁾. Hai khí này cân bằng, hài hòa là tồn tại bình thường; nó mất cân bằng, không hài hòa là bị xáo động; nó tách biệt nhau là không còn tồn tại nguyên thủy nữa.

Như vậy để tồn tại “nguyên thủy”, phần Xác cần phải tàng chứa cân bằng khí Âm và khí Dương.

Khoa học tâm linh cũng đồng nhất quan niệm của Thuyết Âm Dương và mối quan hệ giữa Âm và Dương trong một thực thể ở bất kỳ dạng thức thực thể nào có trong Bao la.

Mặt khác với Tri thức tâm linh, phần Xác của con người, có các cấu tố cấu tạo tuân thủ Thuyết Ngũ Hành. Ngũ Hành biểu đạt trong lục phủ ngũ tạng, trong mọi cơ quan của cơ thể sống với các sắc Hành: Thủy - Mộc - Hỏa - Thổ - Kim. Đó là vòng tương quan sinh khắc để luôn giữ thế cân bằng cần thiết và sự giàng buộc liên kết trong tồn tại của phần Xác. Quan niệm như sau: Phần Xác có thể phân định Âm Dương và theo Ngũ hành đối với năm cấu tố cụ thể như sau:

- Toàn bộ vật chất cấu thành não bộ và hệ thống thần kinh mang thuộc tính hành Hỏa, thuộc khí Dương.

- Toàn bộ vật chất cấu thành bộ khung xương mang thuộc tính hành Thổ, thuộc khí Dương.

- Toàn bộ vật chất cấu thành các cơ quan nội tạng và thịt da, cơ gân mang thuộc tính hành Mộc, thuộc khí Âm.

- Toàn bộ dịch, nước mang thuộc tính hành Thủy, thuộc khí Âm.

- Các chất khí lưu hành trong cơ thể mang thuộc tính hành Kim, thuộc khí Dương.

3. Toàn bộ vật chất tạo nên phần Xác là những gì?

Ngay khi “nhập Mệnh” các hợp tố tự do hay một vong hồn lọt vào được cửa sinh của người phụ nữ - thai phụ để chuyển dạng thành phần Hồn, người mẹ liền vận kết tinh cha huyết mẹ bắt đầu đắp vào cái cốt là phần Hồn bằng các thành tố tàng chứa trong sinh thực bởi chính người mẹ chuyển vận vào. Nguồn năng lượng xanh này có trong thực phẩm, nước, vi lượng, khoáng chất và các chất khí qua thở và ăn, uống của người mẹ đưa vào vừa để sinh tồn của chính cơ thể - Thân vật lý của người mẹ, vừa để tạo xây cơ thể - Thân vật lý của hài nhi suốt 9 tháng 10 ngày, một thời hạn tạo hình tối đa để hoàn thành quá trình chuyển từ dạng thức thực thể siêu thực sang dạng thức thực thể thực là con người thực.

Dạng vật chất xanh cấu tạo nên phần Xác của một cơ thể sống theo quan niệm của khoa học tâm linh là từ các dạng vật chất thô trong tự nhiên như không khí và nước cùng với các dạng vật chất xanh từ các thực phẩm mà động vật và thực vật đã đào luyện từ các nguyên tố tự nhiên trong đất, nước, không khí trước đó. Con người lại tiếp tục chọn lọc thừa hưởng.

4. Các dạng vật chất của phần xác.

Các dạng vật chất xanh - năng lượng xanh tạo nên phần Xác đều tuân thủ theo

nguyên lý Ngũ hành. Các dạng vật chất này được phân theo: Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ phù hợp cho việc hình thành các cơ quan của cơ thể vật lý của một con người sống như:

Ngũ hành	Mộc		Hỏa		Thổ		Kim		Thủy	
Dương Âm	Dương	Âm	Dương	Âm	Dương	Âm	Dương	Âm	Dương	Âm
Tạng		Gan		Tim		Lá lách		Phổi		Thận
Phủ	Mật		Ruột non		Dạ dày		Ruột già		Bàng quang	

5

Qua sinh thực (ăn uống thở) các thành tố được hấp thụ một cách chọn lọc phù hợp với việc cấu tạo nên từng cơ quan của một cơ thể. Tức là các cấu tố của phần Xác của một con người sống.

Việc hấp thụ các thành tố không đầy đủ và không phù hợp với các cấu tố sẽ không có một cơ thể hoàn hảo khỏe mạnh - phần Xác sẽ hoạt động không trơn tru theo sự điều hành của phần Hồn!

Một phần Xác khiếm khuyết cũng sẽ không thực hiện tốt các “ý” của phần Hồn. Và một con người như vậy tất sẽ có thời hạn tồn tại ngắn trong dạng thức ở cõi Trần. Không phải chỉ có lỗi của phần Xác mà nếu với một phần Hồn (từ dạng thức siêu thực tạo thành) Không hoàn hảo khi lọt vào “cửa sinh” của người phụ nữ để làm cái cốt cho một quá trình chuyển dạng thức (quá trình hình thành thai nhi) cũng sẽ tạo ra một sinh linh không hoàn hảo về các phương diện thuộc phạm vi linh hồn. Khi con người hết hạn mức thời gian tồn tại ở cõi Trần, phần Xác sẽ phá tán dần. Các thành tố cấu tạo nên nó sẽ hoàn nguyên trở lại các nguyên tố ban đầu vào đất, nước và không khí.

IV. VÒNG TRƯỜNG SINH ÂM TÍNH

Vòng trường sinh không thuộc các cấu tố trong một con người. Song nó là phần đi cũng như một cái bóng với hình khi một con người còn sống và chỉ tồn tại khi con người còn sống.

Vòng trường sinh âm tính bao gồm các electron và các ion âm bao quanh con người khi con người còn sống, và nó sẽ tan biến mất khi con người chết vì không còn sự hấp dẫn của từ trường do các hạt điện năng lượng dương ở phần ngoài cùng của thành tố Vía. Vòng trường sinh âm tính này rộng hay hẹp bao quanh cơ thể con

người còn sống phụ thuộc vào sức hấp dẫn của vòng Vía. Nghĩa là nó phụ thuộc vào sức mạnh năng lượng từ trường của thành tố Vía của từng cá thể. Người nào có nguồn năng lượng lớn sẽ có “Vòng trường sinh âm tính” rộng bao quanh cơ thể. Vòng trường sinh âm tính được người đời mô tả là “vàng hào quang” bao quanh người. Bởi vì vòng này phát ánh sáng lạnh. Đó là do sự tương tác, do sự chuyển động lộn xộn của các electron và ion và đập vào nhau trong trường từ làm phát sáng. Các dòng hạt âm này luôn bị trường từ của vòng Vía giữ giữ, hấp dẫn. Khi con người chưa đến lúc chuyển dạng thức khác, nghĩa là khi con người chưa thực chết, nó vẫn còn tồn tại.

1. Dạng vật chất của vòng trường sinh

Vòng trường sinh gồm dạng vật chất vật lý trong tự nhiên bị hút giữ bởi năng lượng của cả 2 phần: Hồn và Xác của con người khi con người còn sống.

Người khi còn sống có một trường từ vật lý nên có khả năng bắt giữ các electron, các ion và các hạt điện tích âm trong tự nhiên tạo thành một bộ trang phục tàng hình (invisible costume) mặc ngoài. Nó vừa làm nhiệm vụ bảo vệ vô hình các tác động của các dòng hạt, tia bức xạ v.v... ở cường độ thấp có thể xâm nhập vào cơ thể con người; vai trò của nó giống như vòng khí quyển ozon bảo vệ Quả đất khỏi các loại tia vũ trụ, vừa có thể truyền các tương tác của các sóng sinh học mà qua đó phần Hồn của con người có thể thu nhận và giải mã thông tin tàng chứa trong các sóng.

2. Cơ chế tương tác

Cơ chế tương tác của các sóng sinh học và các Vòng trường sinh âm tính khác vào Vòng trường sinh âm tính của một người nào đó tạo cho con người đó sự linh cảm. Đây chính là một kênh tạo ra linh cảm của con người và các sinh vật khác. Gọi kênh linh cảm này là kênh linh cảm đơn chiều gián đơn mà con người và các đại sinh vật có được.

3. Bất cứ một con người còn sống nào cũng có một Vòng trường sinh âm tính

Điều khác biệt là vòng này sẽ rộng dày hay thưa mỏng rất khác nhau ở từng cá thể người khác nhau. Sự loãng đặc, rộng hẹp là phụ thuộc năng lượng sinh học của cá thể đó. Năng lượng này cũng giống năng lượng trường từ của một nam châm. Một nam châm mạnh có thể bắt hút được dễ dàng một khối lượng và trọng lượng lớn của một vật chứa sắt.

Vòng trường sinh âm tính của con người cũng được hiểu về cơ chế hút giữ đối

với các hạt tích điện và từ tự do trong tự nhiên mà con người có được một cách rất ngẫu nhiên một “bộ trang phục tàng hình” bảo vệ mình. Người ta chưa nhận thức được những lợi ích thiết thực của cái bộ trang phục ảo kỳ diệu mà thiên nhiên ban tặng cho. Con người có được nhờ hiệu ứng tự nhiên của các cấu tổ từ chính con người tạo ra.

Con người chỉ mới nhận thức được có Vòng trường sinh âm tính là một “vàng hào quang” bao quanh bên ngoài con người mà chưa hiểu thấu triệt các giá trị của nó, cấu trúc và nguyên lý tạo thành nó thế nào.

Các Đạo Giáo chỉ xem “vàng hào quang” - Vòng trường sinh như là biểu thị khả năng siêu việt của các Đấng tối cao. Và chỉ các Đấng tối cao mới có “vàng hào quang” mà thôi và không nghĩ rằng ai cũng có! Đó là một sự nhận thức chưa đúng.

Họ không biết rằng bất cứ một con người còn sống nào cũng có một “vàng hào quang” - Vòng trường sinh âm tính bao quanh. Vì họ chưa hiểu bản chất và nguyên lý hình thành nó. Con người lại chưa nhận thức được tác dụng và lợi ích mà Vòng trường sinh này đem lại cho mỗi con người sống.

4. Vòng trường sinh âm tính, những giải thích làm sáng tỏ

- Vòng trường sinh có được là nhờ sức hấp dẫn của năng lượng sinh học của mỗi con người. Cấu trúc của con người ở cả phần Hồn và phần Xác đều có các hạt điện sinh học ở phần Hồn, và các nguyên tố vi lượng có lực hấp dẫn ở phần Xác. Tất cả tạo ra một trường lực có sức thu hút các vi hạt tích điện và các electron, các ion tự do tràn ngập môi trường xung quanh mỗi con người tạo thành một vòng các hạt mang điện bao quanh.

- Các loại hạt điện này bị bắt giữ và chuyển động lộn xộn (chuyển động Boraone) hướng vào cơ thể con người. Chúng chuyển động, va đập vào nhau trong một trường từ phát ra ánh sáng lạnh. Một dạng ánh sáng thấp nên mắt thường của con người khó nhìn thấy.

- Các hạt tích điện và các electron, các ion đều mang điện dấu âm.

Tại sao như vậy?

Vì phần vòng mạng lưới ở nửa phía bên ngoài của mạng vòng Vía mang các hạt điện sinh học dương hoàn toàn (như đã trình bày ở phần cấu tổ của các thành tố của phần Hồn) vì vòng ngoài của thành tố Vía mang các hạt điện sinh học dương. Do đó nó chỉ hút các hạt mang điện âm mà thôi. Năng lượng càng mạnh sức hấp dẫn càng lớn sẽ bắt giữ được các hạt mang điện âm càng dày và vòng bao quanh cơ thể càng

rộng.

5. Hiệu ứng của Vòng trường sinh âm tính này là gì?

Vòng trường sinh (như đã đề cập sơ qua ở phần trước) sẽ được cụ thể hóa và giải thích rõ thêm như sau:

- Trước hết, nó là hàng rào bảo vệ, ngăn cản được phần nào các tác nhân: điện, tia, sóng v.v... ở môi trường xâm vào cơ thể. Mặt khác Vòng trường sinh càng đậm đặc và càng rộng bao nhiêu thì độ nhạy cảm trong tương tác truyền vào bên trong cơ thể con người càng cao bấy nhiêu; thành tố Thần thức sẽ nhận được thông tin từ các tương tác bên ngoài qua Vòng trường sinh càng nhanh và nhiều.

Nguồn thông tin tương tác từ Vòng trường sinh âm tính vào Vía rồi vào Thần thức. Tại đây các xung tương tác được giải mã ngay lập tức và cho con người một sự linh cảm nào đó.

Ví dụ có người đang bí mật đi theo sau. Ta không nhìn thấy họ, song linh tính cho ta biết có ai đó đang bí mật đi theo, hoặc có một cảm giác bất bình thường như có sự theo dõi.

Giải thích hiện tượng nói trên như sau:

Mỗi người đều có Vòng trường sinh âm tính. Đặc biệt người đi theo do có chủ định nên tạo ra sự tập trung năng lượng cao ở thành tố Vía làm tăng khả năng dao động và phạm vi của Vòng trường sinh. Tương tác có định hướng vào các dòng hạt trung gian tự do giữa người đi theo với Vòng trường sinh của người đi trước tạo ra sự lan truyền tập trung các sóng xung. Các sóng xung này được truyền qua Vòng trường sinh vào thành tố Vía rồi truyền đến thành tố Thần thức gây ra cảm nhận linh tính có người bí mật theo sau. Cảm nhận linh tính chính là sự linh cảm mà con người có được nhờ có Vòng trường sinh là như vậy.

Vòng trường sinh không chỉ nhận các xung động sóng hay sự va chạm giữa hai Vòng trường sinh của hai con người sống, mà vòng này cũng có thể truyền các sóng xung giữa nó với sóng phát ra từ một thực thể siêu thực nào đó đang lẫn khuất xung quanh tạo ra linh cảm có gì lạ bất thường đang gặp phải thoáng qua hay kéo dài.

“Thực thể siêu thực” dịch chuyển nhờ năng lượng sóng. Do đó tạo ra xung động tác động vào Vòng trường sinh của con người tạo ra linh cảm cho con người.

Thậm chí, “Thực thể siêu thực” còn phát sóng tương tác trực tiếp vào con người.

Trong trường hợp này các sóng được phát ra trực tiếp của Thực thể siêu thực có thể lan truyền tới cửa thu và phát sóng. “Cửa cảm sóng” của con người cùng lúc, tạo ra linh cảm mạnh như: đột nhiên thấy ròn rợn, đột nhiên thấy ớn lạnh, đột nhiên thấy rùng mình, đột nhiên thấy sờ sợ v.v...

Các hiện tượng cảm thấy đột nhiên ấy là các phản ứng của cơ thể vật lý do từ các thông tin mà Thần thức đã nhận được, gây ra hiệu ứng thông báo tức thời.

Linh cảm được tạo ra do hiệu ứng của hiện tượng vừa trình bày trên là thuộc linh cảm thông báo. Nó không thuộc loại linh tính về một điều gì đó sẽ xảy ra hay sắp xảy ra trong tương lai.

Linh tính là cảm nhận điều của tương lai, là hiệu ứng của “cửa cảm sóng” mà Thần thức nhận được các thông tin từ các sóng sinh học lan truyền trong không gian tới và “cửa cảm sóng với màn cảm sóng” cảm thụ được. Giải thích thế nào?

Cơ chế cảm thụ thông tin của “cửa cảm sóng với màn cảm sóng” (hai bộ phận này nằm ở giữa hai chân mày tại “thông thiên đại huyệt” - Ấn đường tôn giáo có cách gọi khác là: Thần nhãn, hay Thấu thị; khoa học ngày nay gọi là “Thị giác cao cấp”. Đông y học gọi là huyệt Ấn đường; cảm xạ học gọi là huyệt Ngạc trung.

6. Theo nghiên cứu của Khoa học tâm linh

Về “nơi” có nhiều tên gọi vừa nêu trên của các khoa học và tôn giáo, chính là nơi thu và phát sóng sinh học của một người còn sống. Nó chỉ được kích hoạt thực sự làm chức năng thu và phát sóng sinh học khi thóp của đứa bé thực sự đóng lại hoàn toàn. Tác dụng của “cơ quan” này có thể tìm hiểu thêm ở tác phẩm “cõi Trần và cõi vô hình” của cùng tác giả.

Tóm lại, một con người sống là sự tồn tại trong sự liên kết chặt chẽ giữa phần Hồn và phần Xác và được hỗ trợ nhờ hiệu ứng tự nhiên của hai phần trên là Vòng trường sinh âm tính, bao quanh cơ thể khi con người chưa về thế giới bên kia, một thế giới vô hình, một thế giới siêu thực - thế giới của dạng thức thực thể vong hồn. Đó là một thế giới có nhiều tầng, bậc mà con người ở cõi Trần sẽ đi đến khi đã hết hạn mức thời gian tồn tại ở cõi Trần - chết con người phải chuyển sang dạng thức thực thể mới. Chết không phải là đã chấm dứt sự sống. Chết là đi vào quá trình tách phần Xác và phần Hồn rời nhau. Phần Hồn đi chuyển dạng.

Phần Xác sẽ phá tán dần thành các nguyên tố tự nhiên, là quá trình hoàn nguyên của các thành tố cấu tạo nên nó. Phần Hồn sẽ đi vào quá trình chuyển dạng thức thực thể để trở thành thực thể vong hồn của Cõi vô hình, siêu thực!

PHẦN II

CON NGƯỜI SAU KHI CHẾT DƯỚI CÁCH LÝ GIẢI CỦA CÁC QUAN NIỆM KHÁC NHAU TỪ TRƯỚC TỚI NAY VÀ SỰ CHẾT CỦA CON NGƯỜI

CHƯƠNG I

CÁC QUAN NIỆM VỀ SỰ CHẾT CỦA CON NGƯỜI

Trước hết cuốn sách này nêu ra mà không phê phán bất cứ quan điểm khác nhau nào về sự chết. Quan điểm nào cũng đều xuất phát từ nhận thức của tri thức mà họ có. Bởi vậy tác giả cuốn sách chỉ đơn cử các quan điểm về sự chết mà không có ý định hướng các nhận thức vào những kiến giải mới.

I. QUAN NIỆM VỀ SỰ CHẾT CỦA KHOA HỌC THỰC NGHIỆM NÓI CHUNG

1. Quan niệm của khoa học thực nghiệm.

Khoa học thực nghiệm phát triển mạnh từ thế kỷ 17 đến ngày nay luôn bảo vệ quan niệm: “Con người ta chết là hết, là kết thúc mọi thứ, là không còn gì hết”. Vì thực tế, con người khi chết sẽ được các hình thức an táng khác nhau song đều đi đến sự tan rã và hết dần dần mà không để lại ấn tượng gì! Con người chỉ là một Thân vật lý, có mỗi thân xác mà thôi. Bởi vì các hình thức an táng như địa táng (chôn cất) hỏa táng (đốt xác); Thiên táng (treo lên cây, bỏ trên núi); Thủy táng (thả trôi sông hay đưa xuống biển, chìm xuống nước); hung táng (cũng thuộc hình thức địa táng, song không bao giờ cải táng mà chỉ “đào sâu chôn chặt” một lần và hàm táng có hai dạng: Uớp xác và dạng không ướp xác. Thi hài để lộ trong hàm mộ hay để lộ trong hang động, trong hàm mà không lấp đất. Do vậy kiểu an táng này không

hắn là hình thức địa táng. Dù là hình thức an táng nào đã nói trên sẽ cùng với thời gian lâu hay chóng người đã chết cũng chẳng còn lưu lại một tí vật chất nào nữa. Điều đó chứng tỏ một khi con người đã chết là không còn gì! Cái còn có chẳng là sự nhắc đến tên tuổi ở các đời sau.

Như vậy với quan niệm của Khoa học thực nghiệm đồng nhất với quan điểm duy vật, con người chỉ là cái “Thân vật lý trống rỗng” và khi cơ thể đó ngừng mọi hoạt động biểu hiện của sự sống thì không còn gì mà còn duy nhất cái xác sinh ra từ cát bụi sẽ tan vào cát bụi.

Khoa học thực nghiệm và quan điểm duy vật chỉ xác nhận những gì có thể chứng minh được bằng thực nghiệm khoa học mà thôi. Mọi thứ không được xác minh bằng khoa học đều là huyền hoặc, đều là phi thực tế, đều là không tưởng, dị đoan, hoang đường!

Mặc dù vậy, Khoa học thực nghiệm ngày nay đứng trước những hiện tượng và sự việc từng xảy ra từ cái chết hay sau sự chết luôn băn khoăn và tìm cách chứng minh, xác minh bằng thực nghiệm. Một khi, hiện tượng, sự việc chưa được làm sáng tỏ bằng các thực nghiệm phù hợp với các lý thuyết khoa học thì khi đó, các hiện tượng và sự việc vẫn chỉ là thứ huyền ảo! “Tinh thần và thể xác luôn đi song đôi. Không có một tinh thần bạc nhược trong một thể xác cường tráng, hay tinh thần minh mẫn trong một thể xác bệnh hoạn...”⁽¹⁾, Spalding viết như vậy. Trích dẫn câu nói trên của một vị đạo sĩ mà Spalding tác giả cuốn “Hành trình về phương Đông” có đề cập để nói đến cái vẻ song đôi với “Thể xác” là “Tinh thần” ở đâu đó trong con người. “Tinh thần là sản phẩm của cái gì trong con người sống?” Khoa học thực nghiệm cũng như quan điểm duy vật thường đề cập. Song chỉ có Thể xác mới được xem là thứ có thật, là vật chất vật lý mà thôi. Hơn nữa, con người sống hay chết cũng duy nhất có một Thân vật lý. Đó là Thể xác. Nhưng nhiều hiện tượng “hồn ma” làm khoa học phải đặt vấn đề suy nghĩ và nghiên cứu nghiêm túc.

Khoa học thực nghiệm, những năm gần đây có đề cập tới “vật lý vi tế là nguyên tử điện từ” trong con người, nhưng đó cũng chỉ là ước đoán mà thôi không phải biết một cách trực tiếp qua phương pháp thực nghiệm, hơn nữa càng không đi đến nhận thức các “vi tế” đó nằm ở phần nào trong con người sống. Và khi sự chết diễn ra thì các “vi tế” đi đâu hay cũng trở về với cát bụi!

Khoa học thực nghiệm với quan điểm duy vật luôn cho rằng con người chỉ là một Thân vật lý cấu tạo thuần túy từ các vật chất thô, còn cái gì điều khiển mọi hoạt động sống là bộ não cũng là một bộ phận của Thân vật lý. Sự tách bạch Tinh thần và Thể xác chỉ là sự tách biệt vai trò của từng phần của Thân vật lý. Đó là não bộ và các cơ quan còn lại của cơ thể. Như thế, Khoa học thực nghiệm cho rằng:

Về sự chết của con người là đặt dấu chấm hết cho một kiếp người trên Thế gian này. Chết là hết tất cả. Tuy vậy thời gian gần đây có nhiều hiện tượng, nhiều sự việc làm các nhà khoa học không thể không lưu tâm suy nghĩ xem xét tường tận và đặt các câu hỏi cần lời giải.

Những sự việc tìm mộ, gọi hồn (áp vong) rộ lên từ những năm 90 cuối thế kỷ 20 đến ngày nay đã cho nhiều kết quả cụ thể rõ ràng. Bởi có những mộ đã tìm được không chỉ là mộ của các liệt sỹ đã hy sinh trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam, mà còn có mộ của các vị lãnh đạo cao cấp của Đảng bị thực dân Pháp giết hại đã được một số nhà ngoại cảm tìm được nhờ “nhìn thấy” dưới đất và có sự “chỉ dẫn thêm của các thực thể vong linh” siêu nhiên ấy!

2. Thực thể siêu nhiên, thực thể vô ảnh, vô hình là các thực thể không thể nhìn thấy ấy từ đâu mà có? Họ ở đâu ra?

Những vong hồn người quá cố có thể giao tiếp với nhà ngoại cảm mà với năm giác quan của con người bình thường không thể nhìn thấy chỉ có người có “Thị giác cao cấp” (theo sự công nhận của Khoa học hiện đại) mới có khả năng thực hiện được.

3. Nếu chết là hết, vậy các vong hồn ấy là gì?

Ở đây, cụ thể là chính vong hồn của các hài cốt được tìm thấy đã “hướng dẫn” nhà ngoại cảm là thực hay chỉ là ảo thuật?

“...Nhưng cái chính là do nền khoa học hiện đại chưa giải thích được những khả năng đặc biệt của con người dựa trên những nguyên lý và mô hình khoa học hiện hữu...”⁽²⁾

Giáo sư tiến sỹ Đoàn Xuân Mượu đã phát biểu như vậy trong tác phẩm “Khoa học và vấn đề Tâm linh” của ông. Những thứ không có ở một “mô hình khoa học hiện hữu” đâu phải là không hiện hữu!? Cũng trong những thập kỷ cuối của thế kỷ 20 có sự xuất hiện bộ môn “Cận tâm lý” để nghiên cứu, thực nghiệm, khảo sát thực tế các hiện tượng, sự việc được cho là siêu nhiên là mê tín dị đoan, nhằm phân nào kiến giải các hiện tượng, sự vật ấy bằng các luận cứ khoa học khả dĩ có thể chấp nhận được.

Gọi là “Cận tâm lý” bởi vì đây là môn khoa học mới, không nghiên cứu về các lĩnh vực tâm lý thông thường như nghiên cứu về các trạng thái tâm lý, các biểu hiện về khía cạnh tinh thần qua tính cách, bản chất, khí chất v.v... của con người. Mà môn “Cận tâm lý” này đề cập tới một số hiện tượng thuộc lĩnh vực tinh thần của con người như là các khả năng đặc biệt của một số người, không thể quy vào các biểu

hiện thuộc Thể xác, cụ thể là các hiện tượng khác thường của con người. Nhờ đó, môn khoa học “Cận tâm lý” đang tiếp cận dần đến vấn đề thuộc lĩnh vực hoàn toàn tâm linh, trong đó có sự chết của con người đã chết mà ngày nay cần được lý giải cụ thể hơn.

Có thể nói, bộ môn “Cận tâm lý” là cầu nối giữa khoa học thực nghiệm với khoa học Tâm linh. Là bộ môn khoa học trung gian mang sắc thái tâm linh. Điều này chứng tỏ nhiều vấn đề, sự việc, hiện tượng thực tế không thể chỉ được giải thích bằng khoa học thực nghiệm với quan điểm duy vật cổ hữu từ lâu trong quan niệm của các nhà khoa học của các học giả. Các nhà nghiên cứu không thể lý giải thấu triệt, thỏa đáng trên cơ sở các học thuyết đã có. Một thuyết mới “Thuyết tự nhiên” (đã trình bày sơ lược ở phần đầu) sẽ là luận cứ khoa học nhằm lý giải các lĩnh vực thực tiễn về tâm linh, nhằm làm sáng tỏ nguyên nhân của các vấn đề mà quan niệm lâu đời của chúng ta vẫn mơ hồ, hoài nghi thậm trí hiểu sai lệch, ngộ nhận, biến nó thành các biến thái mê tín dị đoan.

II. QUAN NIỆM CỦA NGƯỜI XƯA VỀ SỰ CHẾT CỦA CON NGƯỜI

1. Quan niệm nguyên thủy.

Với quan niệm tâm linh, thời Cộng sản nguyên thủy đã cho rằng con người sau khi đã chết sẽ tiếp tục cuộc sống ở Thế giới bên kia như thế giới con người ở Trần thế.

Điều này được biểu hiện ở việc chia các đồ dùng, công cụ v.v... cho người chết. Vì họ cho rằng người chết vẫn cần những thứ đó ở thế giới của người chết. Việc làm như vậy đã thành một tục đạo trải qua hàng nghìn năm trước Công nguyên, và hàng nghìn năm sau Công nguyên vẫn còn tục đạo này! Đó là chôn theo đồ tùy táng cho vua, chúa, công thần... Ngày nay các tộc người thiểu số ở các châu lục, các dân tộc ít người ở nhiều nước vẫn còn giữ lệ chôn theo đồ vật cho người đã chết.

Hành động đó nói lên điều gì?

Nó nói lên quan niệm người đã chết là đi về cõi âm, một thế giới đối ngược của người sống. Chết là chưa hết. Chết là về - “sống gửi thác về”. Vậy thì sự chết đó được hiểu là việc chấm dứt một giai thời ở cõi Trần, một trạm dừng “sống gửi” để rồi sẽ “trở về cội nguồn” của sự sống.

Vậy Cội nguồn của sự sống ở đâu? Để kiến giải cho vấn đề này sẽ được trình bày

rõ ràng ở phần “sự chết theo quan niệm tâm linh dưới ánh sáng của Thuyết tự nhiên”.

2. Quan niệm về sự chết của Đạo Phật.

Như ở trên đã trình bày, sự chết được người xưa quan niệm và nhận biết rất đơn giản: Chết là về thế giới của người chết. Họ cần mọi thứ như người sống.

Đi sâu vào thực chất quan niệm về sự chết của Đạo Phật thì sao?

Ngay khi ra đời, các thuyết và giáo lý của Đạo Phật sơ khai từ thế kỷ thứ sáu trước Công nguyên cho đến ngày nay với hàng trăm bộ kinh đồ sộ, Đạo Phật luôn có quan niệm nhất quán về sự chết của con người là chưa hết mà là một chuỗi cái chết theo Thuyết Luân hồi, Nhân quả của một con người, và nó chỉ chấm dứt sự chết khi thật sự hết nhân quả để về cõi vĩnh hằng của các đấng siêu nhiên cao cả, cõi Niết Bàn hay Tây Phương cực lạc, Đông Phương hoan hỷ!

Như vậy sự chết là không chấm hết một sự “sống” mà chỉ là sự ngắt đoạn của nhân quả trong vòng luân hồi.

Trong giáo lý “Thập nhị nhân duyên” của Đạo Phật dạy rằng “... Do Vô Minh mà có Hành, do Hành mà có Thức, do Thức mà có Danh sắc, do có Danh sắc mà có Lục nhập, do có Lục nhập mà có Xúc, do có Xúc mà có Thọ, do có Thọ mà có Ái, do có Ái mà có Thủ, do có Thủ mà có Hữu, do có Hữu mà có Sinh, do có Sinh mà có Lão Tử... Rõ ràng là vòng tròn nhân quả luân hồi sinh diệt, diệt sinh trùng trùng điệp điệp vô lượng kiếp sống, chết của một con người...”⁽³⁾.

Dùng Thuyết Luân hồi nhân quả, Đạo Phật xác định rằng sự chết là không phải chấm dứt mọi thứ. Nó chỉ là đánh dấu xong một nhân quả của một con người. Và khi con người còn tạo ra quả xấu sẽ bước vào vòng luân hồi bất tận cho đến khi trả hết các quả xấu đã tạo ra trong một quãng thời gian sống để được chuyển sang kiếp sống vĩnh viễn ở miền cực lạc viên mãn vĩnh hằng như các Đấng tối cao đang trú ngụ.

Phật giáo Mật Tông lại cho rằng con người có thể tu tập một loại Thiên. Đó là “... Thiên tập Du-già: Hành động, Tư duy, Dù già và Tối thượng Du già. Dạng thức cao nhất, Tối thượng Du già, có thể chấm dứt vòng sinh tử luân hồi và cả Thân Trung âm, giai đoạn trải qua giữa khi chết và tái sinh, và nhằm mục đích chuyển hóa tam thân (sinh, tử và Trung âm) để thành Phật...”⁽⁴⁾.

Phật Giáo phái Mật Tông cũng cho rằng chết là chưa hết, vì còn phải tái sinh để trả nghiệp nhân quả do chính người đó đã tạo ra ở kiếp trước. Song, tu tập Du già có

thể chấm dứt được nghiệp quả, thoát khỏi vòng luân hồi để đến cõi của Phật. Như vậy nghĩa là sự chết của một con người sống ở cõi Trần không phải là chấm dứt, không phải là hết mà còn phải tiếp tục đi hoặc tái sinh trở lại kiếp người ở cõi Trần nếu còn nghiệp của luân hồi, hoặc đi đến cõi bất tử. Chết không phải là đã hết! Đạo Phật rất nhất quán về vấn đề này, và đặt một dấu chấm trên chặng đường luân hồi do nghiệp nhân quả để rồi phải tiếp tục đi trả nghiệp báo! Đạo Phật chỉ nói đến Thiên đường, Địa ngục và tái sinh mà không nói đến một cảnh giả nào khác. Nghĩa là sau khi chết con người tiếp tục đi đến một trong ba nghiệp cảnh tùy vào kết quả tu đạo của bản thân người chết mà không còn cảnh giả nào nữa để tới.

Trái với quan niệm khoa học, chết là hết. quan niệm của Đạo Phật thì chết là còn phải trả nghiệp nên luân hồi nhiều kiếp thậm chí còn mãi mãi, nếu đã chấm dứt luân hồi mới được đến cõi Niết Bàn. Song, ngay trong Đại Đạo Phật, các Tông phái lại có các quan điểm khác nhau về Niết Bàn và đến cõi Niết Bàn.

Nam Tông Nguyên Thủy Phật giáo cho rằng: “Vũ trụ sự vật chung quanh ta đều do Ngũ-uẩn hoặc bảy mươi hai Pháp tạo thành. Những Ngũ-uẩn và Pháp này là thực có. Những Pháp Hữu - Vi gồm Tâm-Pháp và Sắc-Pháp phát sinh từ các nhân duyên biến đổi từng Sát-Ma và không có thực thể. Nghĩa là không có sự vật gì thường hằng ngoài các Pháp đó. Chính do sự diệt trừ quan niệm sai lầm về sự hiện hữu của một cái Ngã (Atman) thường đồng nhất bất biến với Ngũ-uẩn hay khúc Ngũ-uẩn mà một người chứng được Niết Bàn”⁽⁵⁾

Qua đó ta thấy một hướng đi tới của con người sau khi chết là Niết Bàn; nhưng để được đến Niết Bàn thực không dễ theo quan niệm của phái Nam Tông Nguyên Thủy Phật giáo. Con đường đến Niết Bàn sau khi chết không dành cho mọi người mà chỉ còn lại hai con đường khả dĩ nhất là Địa ngục và tái sinh vào vòng luân hồi trả nghiệp Nhân quả của mỗi người mà thôi. Quan niệm của hai Tông phái Đạo Phật trên là vậy!

Phái Đại Thừa Bắc Tông Phật giáo không thừa nhận sự hiện hữu của các Ngũ-uẩn và Pháp hợp thành của con người mà cho rằng: “Các Uẩn chỉ hiện hữu do ảo tưởng của hữu hình bị vô minh che lấp bản tâm thanh tịnh khiến phát sinh vọng kiến sai lầm mà không thấy được sự thật là “KHÔNG”. Chính vì không hiểu được đặc tính Vô-ngã của các pháp... nên chưa chứng được Niết Bàn”⁽⁶⁾.

Như vậy, theo Phật giáo dù là Tông, Phái nào đi nữa thì Niết Bàn là có thật và con đường đến Niết Bàn của con người vừa khó, vừa dễ tùy vào nhận thức về thuyết giáo của Phái. Một Phái cho rằng: muốn đến Niết Bàn phải dày công tu tập Uẩn và Pháp, nên con đường này không phải ai cũng đi đến đích đó sau khi chết.

Một Phái cho rằng: Khi quan niệm “Sắc - Không”, “Không cũng là Sắc; Sắc cũng là Không” thì Niết Bàn là để “chứng”.

Tóm lại các Tông Phái của Đạo Phật đều cho rằng sự chết của con người ở cõi Trần không phải là chấm dứt sự sống, mà chỉ là chấm dứt một giai đoạn “sống”. Vì sau đó con người sẽ “sống” ở Địa ngục, ở Niết Bàn, ở các cõi vĩnh hằng khác hay “sống lại” ở cõi Trần theo vòng tròn luân hồi để trả hết nghiệp nhân quả của bản thân tạo ra.

Đạo Phật nói chung cho rằng trong con người ngoài thân Xác còn có linh hồn và linh hồn mới thực là “con người” và vì vậy “con người - linh hồn” là không chết khi rời thân xác để đi vào “Tam nghiệp” mà không bao giờ chấm dứt!

3. Các chính kiến khác về sự chết.

Đồng quan điểm về linh hồn con người ở nhiều chính kiến và quan niệm về linh hồn rất khác nhau. Và họ luôn bàn cãi về có hay không có linh hồn?

Linh hồn, người Pháp gọi là L'âme noble (tâm hồn cao thượng) của một con người.

Người Anh gọi linh hồn là: The Soul (may his soul rest in peace! - cầu cho linh hồn ông ấy an nghỉ!). Chúng tôi người Anh cho rằng linh hồn là thứ vẫn sẽ còn ở một cõi khác - the body.

Người Đức gọi linh hồn là: Die Seele (- Linh hồn đến một thực thể khác) nghĩa là linh hồn là một phần của con người và khi chết nó có thể đi đến một thân thể khác - tái sinh.

Tiếng Hy Lạp - Latinh gọi linh hồn là Psyche nghĩa là sự sống, tinh thần, ý thức. Điều này cho rằng linh hồn tồn tại ngoài Thân vật lý.

Một số nhà triết học, khoa học tiền bối đã coi linh hồn là một phần trong con người và nó độc lập với Thân vật lý: Như Socrates cho rằng linh hồn là một “tinh thể” cơ bản (Essence) còn Platon thì giảng giải linh hồn bao gồm Logos (lý trí), Thymos (tình cảm) và Eros (dục vọng). Nhưng Aristote lại định nghĩa linh hồn là hoạt tính của một cơ thể sống và cho rằng linh hồn sẽ ra đi khi cơ thể không còn nữa.

Như vậy cách ta năm sáu trăm năm các triết gia tuy phát biểu dưới các ngôn từ khác nhau, nhưng đều chung quy lại là con người có hai phần thân Xác - Thân vật lý - Physique body và linh hồn - the Soul. Và khi con người chết chỉ là thân Xác - le

corp, còn linh hồn L'âme rời khỏi. Còn rời đi đâu thì họ không nhận thức được rõ ràng nên không phát biểu!

Nhìn chung các tôn giáo: Đạo Phật, đạo Indu, Do Thái giáo, Hồi giáo, Thiên chúa giáo... đều cho rằng linh hồn (con người) là bất diệt và do Thượng đế ban cho như là sự sống, và khi con người rời khỏi cõi Trần mà ai từng sống một cuộc đời thiện tâm, nhân ái, thờ kính Thượng đế thì khi chết đi, linh hồn của “người ấy” sẽ được sống hạnh phúc vĩnh viễn bên Thượng đế ở thế giới cực lạc!

4. Quan điểm về sự chết của một số giáo phái khác nhau.

Ấn Độ giáo quan niệm: “linh hồn sau chết là bản ngã, là Tư ngã (Atman, Jila, Purusa) luôn trường tồn với Đại ngã hay Phạm Thiên (Brahman)”⁽⁷⁾

Giáo phái Sikh cho rằng “... linh hồn - vong hồn hay Tư ngã (Atma) của mỗi người là thành phần của linh hồn vũ trụ vĩnh hằng, của Thượng đế... (Parmatma)”⁽⁸⁾

Kina giáo cho rằng “...linh hồn có trong con người, loài vật và cây cỏ, và là những thực thể bất diệt...”¹³

Hai quan điểm của Sikh giáo ấn và Kina giáo đã có những điểm mà Khoa học tâm linh dưới ánh sáng của “Thuyết tự nhiên” cũng đồng tình và xác nhận. Đó là “linh hồn là thành phần của vũ trụ”. Và “con người, động, thực vật đều có linh hồn và đó là các loại thực thể bất diệt” theo ý nội dung Thuyết tự nhiên. Về quan niệm linh hồn có ở con người, loài vật và cây cỏ mà Kina giáo đề cập cũng đã được nói đến trong tác phẩm “Tổng luận về tương pháp” của Thạc sỹ Vũ Đức Huynh rằng: “... Người có linh hồn. Súc vật có sinh hồn. Cỏ cây có giác hồn. Khi đã có hồn thì có tính cách. Hồn là được hình mà biểu hiện ra ngoài. Cái gọi là nhân cách, súc cách và giác cách là do thiên tạo...”⁽⁹⁾

Về linh hồn của mỗi người là thành phần của linh hồn vũ trụ vĩnh hằng theo quan niệm của Sikh ấn giáo, Thuyết tự nhiên mà tác giả Vũ Đức Huynh đã đề xuất có nội dung như: “Trong Bao la có các dạng thức thực thể khác nhau, có các hạn mức tồn tại và sẽ chuyển dạng thức mà không bao giờ mất đi hoàn toàn...”.

Nghĩa thực đối với con người là: loài người là một dạng thức thực thể ký sinh trên một dạng thức thực thể - Trái đất và có hạn mức thời gian tồn tại. Khi hết thời gian tồn tại - chết, con người sẽ chuyển dạng thức thực thể mới là phần Hồn (linh hồn) sẽ thành vong hồn, một dạng thức thực thể siêu thực tồn tại trong Bao la ở các cõi khác nhau.

Trong cuốn sách: “Talking to Heaven” xuất bản ở Mỹ năm 1997 (nói chuyện về

Thế giới vô hình - Thiên đường) tác giả James Van Praagh đã kể: “... Khi lớn lên, tôi biết rằng không ai khác có khả năng nhìn thấy những gì tôi đã nhìn thấy, và biết rằng nhờ có khả năng đó mà tôi có thể biết được bí quyết để chung sống cùng các linh hồn (vong hồn theo cách gọi của khoa học tâm linh và Tri thức tâm linh)... Nhiều khi tôi phải điều hòa những gì tôi đã nhìn thấy với những gì người khác nói với tôi về thế giới vô hình. Sau đó tôi nhận thấy niềm tin của mọi người về các linh hồn và sự tồn tại sau cái chết là những điều khá đáng sợ...”⁽¹⁰⁾

Qua đó ta thấy, chết là sang một thế giới khác và những con người đã chết đó là linh hồn - vong hồn của thế giới vô hình. Vì con người chưa hiểu rõ nên rất sợ hãi.

5. Quan niệm về sự chết của Khoa học tâm linh với Tri thức tâm linh thế nào?

Với Tri thức tâm linh, con người có hai phần: “Phần Hồn và phần Xác. Mỗi phần có các cấu tố tạo nên (đã trình bày ở phần một các cấu tố của con người khi còn sống theo khoa học tâm linh với Tri thức tâm linh) phần Hồn là phần chủ đạo mà các quan niệm của các triết gia tiền bối và các tôn giáo gọi là linh hồn. Khoa học tâm linh với tri thức tâm linh được Thuyết tự nhiên soi sáng xem phần Hồn là phần tồn tại khi rời khỏi phần Xác (thân xác, cơ thể, thân vật lý, Corps body...). Khi một người được xem là đã chết để chuyển dạng thức sang thực thể vong hồn và sẽ tồn tại ở các tầng khác nhau ở Trung giới và ở Thượng giới (sẽ trình bày cụ thể ở phần “sau khi chết”).

Nghĩa là Khoa học tâm linh quan niệm rằng sự chết của con người sống ở cõi Trần - Hạ giới là không mất đi mà chuyển sang dạng thức thực thể siêu hình; đó là “các loại vong hồn”. Sự chết không phải là hết là đồng quan niệm của tôn giáo và dân gian. Điều khác biệt là nhận thức và cách lý giải về sự chết theo Khoa học tâm linh. Những kiến giải mang tính khoa học, không mơ hồ khó hiểu.

Điều khẳng định của Khoa học tâm linh là sự chết không phải là hết. Con người luôn tồn tại hoặc ở cõi này hoặc ở cõi khác dưới các dạng thức khác nhau mà thôi. Từ cõi này sang cõi khác, loài người có thời gian tồn tại ở từng cõi và phải chịu một quá trình chuyển dạng thức thực thể để thành một dạng thức phù hợp với từng cõi đó trong quá trình tồn tại.

Quan niệm về sự chết của con người theo Khoa học tâm linh không phê phán quan niệm của các nhà khoa học hay của tôn giáo, mà thống nhất với quan điểm của tôn giáo, thống nhất với quan điểm của nhiều Đạo và Giáo phái về một số hiện tượng tâm linh tuy nó được kiến giải bằng các ngôn từ mà dân gian đã dùng, thường dùng, khoa học và dễ hiểu, dễ nhận thức. ý nghĩa của từ vựng mà tri thức tâm linh dùng không mang tính chuyên biệt như của các giáo lý tôn giáo khó biết, khó hiểu.

- Một con người chết chỉ có phần Xác là sẽ tan rã dần cùng với thời gian nhanh hay chóng tùy thuộc vào cách an táng như: địa táng, thiên táng, hỏa táng, thủy táng, hung táng có ướp xác và không ướp xác, đắp cốt (bọc xác làm tượng) và phụ thuộc vào nơi và môi trường an táng.

Phần Xác sẽ “hoàn nguyên” các cấu tố vào đất, nước và không khí thành các nguyên tố tự do trong tự nhiên, trong Bao la để rồi lại được con người, các loài động thực vật thu nạp qua sinh thực, qua hấp thụ nhằm hình thành một phần Xác mới của các dạng thực thể ở cõi Trần. Chu trình chuyển hóa tuần hoàn như vậy không ngừng nghỉ của các nguyên tố (chimiques éléments) tự do trong Bao la góp phần tạo nên các dạng thức thực thể: đặc; đặc và loãng; loãng hoàn toàn có trong Bao la: Đó là các hành tinh và các sao; đó là loài người và muôn loài: vi sinh vật, động vật, thực vật sống ký sinh trên các hành tinh đó là các loại vong hồn.

- Riêng phần Hồn (linh hồn, theo quan niệm của tôn giáo và các nhà khoa học duy vật) không bị tan rã sau khi con người chết sẽ có 3 con đường đi đến sau khi hoàn tất quá trình chuyển dạng thức ở tầng một của Trung giới là từ phần Hồn chuyển thành thực thể vong hồn với cấu trúc thay đổi nhưng còn nguyên dáng hình của tiền kiếp người ở cõi Trần.

Ba con đường đó là:

- Vong hồn sẽ thành các loại sau: Vong linh, linh vong và siêu linh tùy thuộc vào năng lượng tồn dư và ký ức tồn dư từ tiền kiếp.

- Đó là vong hồn sẽ tái sinh lại loài người hay các loài đại động vật ở cõi Trần sớm hoặc muộn.

- Đó là tan rã thành các hợp tố sinh học (bio constiment) hay sẽ hoàn nguyên thành các nguyên tố sinh học tự do (free bioelements) trong Bao la.

Các hợp tố sinh học hay các nguyên tố sinh học này sẽ theo vòng tuần hoàn để hình thành các phần Hồn mới - new spirit (linh hồn mới). Đây là tiền tố hình thành các sinh linh mới (sẽ nói rõ hơn ở phần sau khi chết).

Tóm lại, Khoa học tâm linh với trí thức tâm linh có cơ sở khoa học là Thuyết tự nhiên khẳng định sự chết của con người (không chỉ có con người) chỉ là chấm dứt một dạng thức thực thể để chuyển sang một dạng thức thực thể khác mới còn giữ lại dáng hình tiền kiếp của con người. Như vậy con người chết không phải là hết như khoa học duy vật vẫn quan niệm. Hai quan niệm hoàn toàn trái ngược nhau.

CHƯƠNG 2

NHẬN THỨC VỀ SỰ CHẾT CỦA CON NGƯỜI

I. BẢN CHẤT CỦA SỰ CHẾT.

Về sự chết của một con người được xác định bằng Y học gọi là chết sinh học, chết thật, không phải chết lâm sàng là nhất quán về khía cạnh cơ lý với mọi quan niệm của Tôn giáo và cả của Khoa học tâm linh. Không có sự mâu thuẫn hay trái ngược nhau trong việc xác định một con người đã chết thực.

1. Một con người như thế nào được xem là chết thực?

Một con người được xem là đã chết là con người đó thực sự chấm dứt mọi hoạt động sống, mọi nhu cầu sống. Phổi ngừng hô hấp, tim ngừng đập, thân xác lạnh cứng hoàn toàn và bắt đầu phân hủy. Trong trạng thái như vậy được xác định là đã chết thực sự của một con người ở cõi Trần. Con người ấy sẽ không bao giờ còn thấy ở cõi Trần. Bóng dáng thực sự của họ đã vĩnh viễn biến mất mãi mãi đối với gia đình người thân v.v...

Những điều còn lại của một con người sau khi chết là con cháu của họ có thể còn lưu giữ hình ảnh, những kỷ niệm về người đã quá cố mà thôi.

2. Những điều còn lại của người đã chết.

Đối với các tôn giáo có tục thờ cúng những người quá cố, con cháu hậu thế còn nhớ ngày chết của người quá cố để làm giỗ kỵ cúng hàng năm vào ngày đó.

Tuy vậy, việc thờ cúng vào ngày chết ở gia đình thường chỉ tồn tại đến ngũ đại (năm đời) là tối đa. Sau đó chắt, chít năm đời không còn cúng giỗ riêng hàng năm vào ngày các người thân năm đời quá cố nữa. Song chút chít vẫn nhắc đến họ trong các lễ Tết và các ngày giỗ của ông bà hay những người khác ở các đời sau. Những gia đình không có tục giỗ kỵ sẽ không còn lưu tâm gì đến ngày người thân quá cố nữa! Còn chăng là đôi lúc tưởng nhớ!

Những người đức cao, vọng trọng, những người có công trạng, danh tiếng... Ở đời tuy không còn trên cõi Trần, nhưng người đời vẫn nhắc đến vào ngày sinh, ngày chết, hoặc được tôn thờ ở các nơi thờ cúng công cộng. Như vậy sự chết thực sự ở cõi

Trần của họ chỉ mất biến bóng dáng của họ nhưng danh tiếng vẫn còn được lưu giữ ít nhiều theo thời gian.

II. CÁC LOẠI CHẾT.

Trong thực tế, con người có hai loại chết. Đó là loại người chết thật và loại người chết giả.

1. Chết thật.

Chết thật là sự chết không bao giờ còn “sống lại” nữa. Những người chết thật gọi là đi vào sự chết. Họ sẽ bước vào giai đoạn chuyển dạng thức để thành thực thể vong hồn. Chính xác hơn là phần Hồn của người sẽ vào “phòng chờ làm thủ tục” chuyển dạng thức trong một thời gian nhất định để trở thành một dạng thực thể mới. Đó là dạng thức vong hồn ở các cõi vong hồn (sẽ trình bày rõ ở phần sau).

2. Chết giả.

Loại chết thứ hai là loại chết giả. Y khoa gọi loại chết này là “chết lâm sàng”, tâm linh gọi là “cận tử”...

Chết lâm sàng là người đã ngừng thở, tim ngừng đập, đồng tử giãn rộng; có thể xem như trạng thái của người đã chết. Song sau 20 phút đến sau hàng giờ, thậm chí sau vài ngày bỗng nhiên người được coi là đã chết sống lại có thể vài giờ có thể tiếp tục sống vài ba chục năm đối với nhiều người khi bị coi là chết mà đang còn trẻ thân xác còn nguyên lành.

Chết lâm sàng có hai trạng huống. Một là người đang bị bệnh dẫn đến chết. Hai là bị ngạt, hay đột tử; (chết ngạt như bị đuối nước, bị ngột thở do hóc, do khí độc); đột tử do điện giật, tai nạn bất ngờ nào đó v.v... Khoa học Y kết luận mọi cái chết rồi sống lại là “chết lâm sàng” dưới góc độ Khoa học thực nghiệm. Khoa học tâm linh xem việc người chết rồi sống lại dưới các nguyên nhân mang sắc thái siêu nhiên. Nó được kiến giải bằng Tri thức tâm linh. Khoa học tâm linh không dùng một biệt từ nào để chỉ riêng mà đi sâu vào thực chất của sự chết với những nhận thức mới trên cơ sở khoa học tâm linh (sẽ trình bày ở phần sau).

III. CÁC KIỂU CHẾT

Con người ta chết hay bị chết ở nhiều kiểu, nhiều dạng rất khác nhau. Nhưng có thể quy vào hai dạng chết cơ bản theo quan điểm của Khoa học tâm linh đối với

hàng trăm kiểu chết khác nhau.

1. Dạng chết già.

Chết vì đã hết hạn mức thời gian ở dạng thức thực thể ở cõi Trần. Vì theo Thuyết tự nhiên: “Mọi thực thể ở các dạng thức đều có hạn mức thời gian tồn tại; hết hạn mức phải chuyển dạng thức...” và nữa “Mỗi thực thể có hạn mức thời gian tồn tại khác nhau. Không thực thể nào giống thực thể nào”. Và cũng không một thực thể nào có thể không tuân theo quy luật “sinh lão bệnh tử”; đến hạn phải chết là chung và phổ biến của loài người. Có thể gọi dạng chết này là chết già, chết theo mệnh bệnh.

2. Dạng chết ngoại lệ.

Dạng chết ngoại lệ có tới trăm kiểu chết.

Có cái chết tự nguyện - tự tử bằng nhiều kiểu: uống độc tố, treo cổ, nhảy lầu, dìm nước, cắn lưỡi, đập đầu, cắt cổ, cắt tay, tự thiêu v.v... Có cái chết do bắt buộc gọi là bức tử hay cưỡng tử. Cưỡng tử có nhiều kiểu: án tử hình, luật rừng của băng đảng, nghĩa vụ trách nhiệm (mang tính chính trị), từ bỏ hài nhi, loại bỏ một thai nhi có chủ ý hay không chủ ý đi chẳng nữa vẫn được xem là bị bức tử, cưỡng tử đối với một con người! Ngộ sát do cãi lộn, đánh nhau, các loại tai nạn như tai nạn giao thông, trong khi hành nghề v.v... đều là thuộc dạng cưỡng tử đối với con người sống. Đó là do miễn cưỡng phải chết mà không theo quy luật tự nhiên dành cho loài người và muôn loài sinh vật, thực vật ở cõi Trần: Đó là sinh ra, trưởng thành, già, chết.

Các dạng chết ngoại lệ là do con người tự tạo nên. Nó không phải là tuân thủ quy luật tự nhiên, tất yếu. Và như vậy, sự chết chỉ có một bản chất (đã đề cập) cho dù đó là kiểu chết vì dạng thức chết nào và cũng là một điểm dừng để chuyển dạng thức mà thôi. Do vậy sự chết không có gì phải sợ hãi. Con người từ bỏ một thế giới này để đến một thế giới khác, một thế giới siêu thực, giản đơn hơn, nhưng có thể lại quay lại cõi Trần một vài lần nữa. Điều duy nhất có thể tiếc khi chết đó là cõi Trần là cõi hạnh phúc nhất, tuyệt vời nhất; vì con người có thể thỏa sức mơ ước và thực hiện các ước mơ, thỏa sức thi thố tài năng, có đầy đủ điều kiện để khám phá, để yêu, để vui chơi lễ hội, thăm thú và thưởng thức... Các điều nói trên không có đủ ở cõi khác trong Bao la, Phật giáo Bắc Tông cũng cho rằng: “...Chính trong hiện tại, con người mới tìm thấy Niết Bàn”⁽¹¹⁾.

CHƯƠNG 3

QUÁ TRÌNH CỦA SỰ CHẾT DIỄN RA NHƯ THẾ NÀO THEO CÁC QUAN NIỆM KHÁC NHAU VÀ QUAN NIỆM CỦA KHOA HỌC TÂM LINH VÀ TRI THỨC TÂM LINH

Sau khi một con người được xác định bằng các giác quan của con người là đã chết thực sẽ trải qua một quá trình như thế nào?

Câu hỏi này là sự quan tâm của mọi người vào một lúc nào đó nghĩ đến trong cuộc đời.

Câu hỏi này cũng được các nhà khoa học duy vật và khoa học duy tâm, các tôn giáo quan tâm lý giải.

Câu hỏi này đã được nhiều Đạo, Giáo tìm hiểu kiến giải theo nhận thức của họ, được nêu trong nhiều giáo lý, kinh sách, được nghiên cứu trong các Viện, Trường của các Đạo, Giáo ấy. Trong các kiến giải quá trình diễn ra sau khi được xác định là một con người đã chết, các kiến giải của Đạo Phật là phổ biến nhất.

I. KIẾN GIẢI CỦA ĐẠO PHẬT VỀ SỰ CHẾT SƠ LƯỢC NHƯ SAU

Đạo Phật có nhiều Tông phái tuy rằng đều xuất phát từ Đạo Phật nguyên thủy cách đây 27 thế kỷ. Song khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thế được đánh dấu bằng Phật lịch tính đến nay là 2555 (so ngang Công lịch khi Chúa Jesus ra đời là 2011) đã xuất hiện thêm nhiều Tông - Phái.

Mỗi Tông Phái có các học giả của họ nghiên cứu và đề xuất nhận thức của họ qua các giáo lý riêng trên nền Phật học chung. Một số Tông Phái Đạo Phật kiến giải sự chết của con người như sau:

1. Phái Mật Tông Tây Tạng kiến giải

Mật Tông cho rằng khi con người chết không căn cứ hơi thở 4 kỳ đã ngừng từ

lâu, mà là: “Người chết thường trụ trong trạng thái rỗng không trong suốt này khoảng 3 ngày sau đó (nếu cơ thể chưa bị hủy hoại bởi bạo bệnh), có các dấu hiệu bên ngoài là máu mủ tiết ra từ các lỗ mũi và bộ phận sinh dục cho biết Thần thức đã rời khỏi thân. Trước đó Thần thức vẫn còn trụ trong thân và bất cứ đụng chạm mạnh bạo nào cũng làm trở ngại giai đoạn tối hậu của tiến trình chết với hậu quả là Thần thức có thể phải đi đầu thai ở cảnh giới...”⁽¹²⁾ và theo Phật giáo Tây Tạng giải thích thêm tiến trình chết rằng khi “ánh thịnh quang” ngừng, Thần thức trải qua thêm một lần nữa 7 giai đoạn tan rã theo thứ tự ngược lại, lần tan rã thứ nhất. Cụ thể:

“Lần thứ nhất tan rã gồm tám chu kỳ chết bên ngoài và bên trong:

Chu kỳ 1. Thấy xuất hiện các ảo tưởng; (dấu hiệu chết bên trong), và dấu hiệu chết bên ngoài là: Thân thể gầy ốm, tứ chi lỏng lẻo, cảm thấy bị nhấn chìm xuống đất, đôi mắt không còn nhắm mở, sự bóng láng của cơ thể không còn...

Chu kỳ 2. Thấy xuất hiện màn khói là dấu hiệu chết bên trong. Dấu hiệu chết bên ngoài là Thần thức, không còn cảm thấy 3 loại cảm thọ liên hệ đến thọ uẩn, không còn nghe được các âm thanh bên ngoài.

Chu kỳ 3. Chết bên trong: Thấy xuất hiện đom đóm sáng hoặc tia lửa xẹt trong khói.

Chết bên ngoài: Thần thức không còn biết gì đến công việc của người thân, nhớ tên các người thân, hít vào yếu, thở ra mạnh và dài.

Chu kỳ 4. Dấu hiệu chết bên trong: Thấy xuất hiện ngọn đèn xèo xèo sắp tắt.

Dấu hiệu chết bên ngoài: mười loại khí đổ về tim. Thở ra hít vào ngừng hẳn; không còn vận động gì nữa. Lưỡi cứng và tê rứt, cuống lưỡi xanh xám.

Chu kỳ 5. Dấu hiệu chết bên trong: Đầu tiên thấy ngọn đèn sáng, sau thấy màn không trong suốt, tràn ngập ánh sáng trắng.

Dấu hiệu chết bên ngoài: khí của kinh mạch trái và phải ở phía trên tim đổ về kinh mạch ở đỉnh đầu.

Chu kỳ 6. Dấu hiệu chết bên trong: Thấy màn không cực kỳ trong suốt tràn ngập ánh sáng đỏ.

Dấu hiệu chết bên ngoài: Khí của kinh mạch trái và phải ở phía dưới tim đổ xuống kinh mạch trung ương ở căn cứ xương cùng.

Chu kỳ 7. Dấu hiệu chết bên trong: Đầu tiên màn không tràn ngập bóng tối dày

đặc, sau thấy như bị ngất lịm đi không còn biết gì nữa.

Dấu hiệu chết bên ngoài: Khí bên trên và bên dưới tụ lại ở tại tim, sau đó đi vào trong các giọt khí ở tim.

Chu kỳ 8. Dấu hiệu chết bên trong: Thấy màn không cực kỳ trong suốt, không còn gọn chút màu trắng, đỏ và đen. Tâm thức thịnh quang của sự chết.

Dấu hiệu chết bên ngoài: Tất cả các khí tan rã vào trong khi trợ sinh cực vi tế trong các giọt khí ở tim”(13) Và sự chết lại trải qua 7 giai đoạn tan rã ngược lại lần đầu là:

“Chu kỳ 1. Ánh tịnh quang.

Chu kỳ 2. Màn (bầu trời) đen định cận mãi.

Chu kỳ 3. Màn (bầu trời) đỏ tăng dần rực rỡ.

Chu kỳ 4. Màn (bầu trời) sắc trắng rực rỡ.

Chu kỳ 5. Ngọn đèn sắp tắt.

Chu kỳ 6. Đom đóm.

Chu kỳ 7. Khói.

Chu kỳ 8. Áo tường”(14)

Qua miêu tả sự chết 8 chu kỳ của Mật Tông Phật giáo Tây Tạng theo Đại sư Lati Rimpochay và Jeffrey Hopkins trong nguyên bản Anh ngữ “Death, Intermediate State and Rebirth in Tibetan Buddhism”. Có phần phi lý bởi không có một người nào chết có thể miêu tả lại được từ chu kỳ 2 qua dấu hiệu chết ngoài và chết trong như Thần thức không còn cảm thấy 3 loại cảm thụ - không còn nhận biết các cảm thọ của Tâm thức - xuất hiện màn khói v.v...

Thần thức không còn cảm nhận, vậy làm sao miêu tả chết bên trong như thế nào được?

Quá trình của sự chết là có, và thời gian của quá trình diễn ra sự chết là có. Trong vấn đề này, khoa học tâm linh với Tri thức tâm linh có đồng quan điểm (sẽ trình bày sau).

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng trải qua sự chết và quá trình chết (quá trình chuyển dạng thức thực thể theo kiến giải của Tri thức tâm linh) là 49 ngày, từ người

thành Đức Phật - Siêu linh. Ngài cũng không miêu tả sự chết trong kinh sách của Ngài vì thực ra bản thân Ngài đâu có thể chứng được mà miêu tả!

2. Quan niệm của Nam Tông Phật giáo nguyên thủy?

Nguyên thủy Phật giáo Nam Tông có quan niệm sự chết là quá trình quyết định luân hồi và cõi Niết Bàn. Đó là sự phân biệt hai thể “Hữu” (có) và “Vô” (không)...

3. Quan niệm của Đại Thừa Bắc Tông Phật giáo

Đại Thừa Phật Giáo Bắc Tông du nhập vào Trung Quốc đã phân ra nhiều Tông, Phái. Mỗi Tông, Phái có những đặc điểm và quan niệm khác nhau về nhiều vấn đề trong đó có sự chết. Cụ thể:

Phái “Không Tôn Bát Nhã” chủ trương: “Vạn pháp giai không”.

Phái “Chung Luận Tôn” chủ trương: “Chân không diệu Hữu”.

Phái “Thiên Thái Tôn hay Pháp Hoa Tôn” chủ trương: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tính và có khả năng thành Phật”.

Như vậy sự chết được mở xẻ Thiên đường và Địa ngục trong quá trình chết là khó bàn cãi.

Phái “Tướng Tôn” thuyết giáo “Như lai tạng”.

“Hon Nghiêm Tôn” chủ trương “Nhất tâm Chân Như pháp giới duyên khởi”.

Phái “Niết Bàn Tôn” chủ trương “Pháp thân Thường trụ”

Các Phái, Tông Phật giáo của Đại Thừa Bắc Tông có các chủ thuyết với các ngôn từ khác nhau, nhưng đều nói về 2 con đường đến sau cái chết của con người là: Niết Bàn hay Địa Ngục!

Hàng trăm bộ kinh của từng Tông Phái với nhiều chủ thuyết tạo thành hàng nghìn bộ kinh của Phật giáo bàn đến giáo lý; giải thích các vấn đề tôn giáo, tâm linh; kiến giải, miêu tả sự chết và tái sinh của con người vào các cõi; cõi người, cõi Phật, Ngạ Quỷ, Súc sinh, Ma đói, Địa ngục và Niết Bàn. Song bước đầu tiên để đi tiếp vào các cõi là sự chết diễn ra như thế nào luôn còn là vấn đề mơ hồ chưa rõ, mặc dù nhiều sách của Phật giáo miêu tả nhưng vẫn chưa có sức thuyết phục, và khoa học tâm linh cũng chưa thể đồng tình. Khoa học tâm linh xem diễn biến quá trình của sự chết là quá trình chuyển dạng thức thực thể. Đó là từ dạng thức thực thể người - thực chất là phần Hồn sang dạng thức thực thể vong hồn - thực chất là

sự thay đổi lại cấu trúc của phần Hồn thành vong hồn gồm các vong linh, linh vong và siêu linh ở các tầng nấc của Trung giới và Thượng giới trong Bao la. Diễn tiến quá trình chuyển dạng thức của sự chết của con người giống như diễn tiến quá trình chuyển dạng thức của con tằm hay các loài sâu bọ thành dạng thức con ngài, con bướm hay con ve sầu v.v... Từ dạng thức là con bọ con sâu, sau một thời gian sống phát triển và kết thúc bằng biến thể sang con nhộng cuối cùng thành con bướm, thành con ve, thành con bọ v.v... Bắt đầu của biến dạng thức đó có thể xem như con sâu đã bước vào sự chết. Song nó đâu có chết. Nó chuyển thể giống con người bước vào sự chết để phần Hồn chuyển dạng thức thực thể sang vong hồn.

Quá trình diễn tiến về sự chết là từ con sâu thành con nhộng rồi thành con bướm mà con người có tri thức khoa học cũng chưa hiểu thấu được các biến thể ra sao. Do vậy việc hiểu quá trình diễn tiến của sự chết của chính bản thân con người để thành dạng thức vong hồn thì làm sao xác thực được. Từ thực tế của các sinh vật cộng sinh trên Trái đất có một quá trình chuyển dạng thức, song con người chỉ có thể quan sát được các bước diễn tiến bên ngoài mà thôi.

4. Quan niệm của khoa học tâm linh

Khoa học tâm linh với Tri thức tâm linh có thể kiến giải sự chết ở con người cũng chính là trải qua một thời gian chuyển dạng thức từ phần Hồn sang Vong hồn. Diễn tiến ấy như thế nào chưa thể hiểu thấu. Với Tri thức tâm linh, khoa học tâm linh nhận thức được thời gian chuyển dạng thức (thời gian ngừng mọi nhu cầu sống của một con người), có thể giới hạn là 49 ngày.

Tại sao lại là 49 ngày, và căn cứ thực tế nào mà khoa học tâm linh nhận thức được như vậy?

Từ thực tế là Đức Thích Ca Mâu Ni (2555 năm trước) đã từ con người, một hoàng tử, tu theo Đạo Phật Nguyên Thủy đã thực sự trở thành Phật sau 49 ngày Ngài đã ngừng mọi nhu cầu sống của con người dưới gốc cây Bồ đề ở Ấn Độ. Như vậy, với một quá trình tu hành qua nhiều hình thức: Tu khát thực, tu khổ hạnh, tu thiền Du già v.v... và cuối cùng Ngài phát hiện pháp tu Trung đạo trở về gốc Bồ Đề để vào sự chết. Sau 49 ngày chuyển dạng thức, Ngài đã thành Đấng Siêu linh - Đức Phật nhờ nguồn năng lượng tồn dư vô cùng lớn của quá trình tu tập mà ngài Thích Ca Mâu Ni đã thành siêu linh ở tầng cao Thượng giới.

Ngài đã ngộ chứng được các cõi giới siêu thực. Ngài đã trở lại nhập vào thân hình cũ của mình (hiện tượng tái sinh tức thời) để phổ độ chúng sinh và giác ngộ các tông đồ, đệ tử của Ngài. Qua các bài thuyết giáo đã được chứng ngộ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni muốn lý giải cho loài người hiểu được ít nhiều về thực ngã và hậu

quả của cõi Trần. Cõi mà Ngài đã từng sống. Thuyết giáo của Ngài chưa bao giờ nói đến quá trình diễn tiến của sự chết. Vì thực ra, ngài không thể biết được điều bí mật của quy luật tự nhiên!

Trải qua thời gian hàng nghìn năm, Phật giáo phát triển ra nhiều Tông, Phái với nhiều chủ kiến. Họ đã suy diễn từ các giáo lý cơ bản của Đức Phật và các tông đồ, đệ tử của Đức Phật cùng với chủ kiến riêng đã viết thành hàng nghìn bộ kinh, sách để giải thích mọi hiện tượng tâm linh xảy ra trong cuộc sống. Họ kiến giải võ đoán các bản khoán thác mắc của chúng sinh. Tất nhiên, sau Đức Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni đã có thêm nhiều vị chân tu đã được chuyển kiếp thành Phật, song tiến trình diễn ra quá trình chuyển thế (chuyển dạng thức thực thể) vẫn luôn là điều bí mật! Mật tông nói đến “tâm vi tế” của tiến trình chết, và rằng: Hành giả Mật tông có thể chuyển hóa các “tâm vi tế” xuất hiện trong giờ phút lâm chung (cận tử nghiệp) thành “Tâm thức thiện từ, Tâm thức bất thiện hay Tâm thức vô ký để được đi tái sinh ở cõi giới tốt mà không phải rơi vào cõi giới xấu, vì khi lâm chung có Tâm thức bất thiện hay vô ký!” còn tiến trình chết vẫn là bí mật?

Sách “Câu chuyện về Địa ngục” viết rằng: “Con người sau khi chết, dù là được lên Trời hay xuống Địa ngục đều có người đến hộ tống... kẻ được lên Trời thì khi lâm chung có thể tự thấy Thiện nhân mang áo Trời vui vẻ đến đón... Kẻ phải sinh vào nơi khác có thể tự thấy có người tôn quý đến diễn thuyết... Kẻ phải xuống Địa ngục có thể tự thấy binh sỹ tay cầm đao, kiếm, dây thừng đến trói mình...”⁽¹⁵⁾

Vậy quá trình chết diễn ra như thế nào? Không có! Không biết! Kinh Hoa nghiêm nói: “Khi con người sắp chết có thấy Trung âm tướng. Kẻ ác thấy ba tướng ảo chịu khổ, hoặc thấy vua Diêm La cầm binh khí dắt tay người chết đi. Nếu là người hành thiện thì thấy cảnh các tiên nữ Thiên cung chơi vui...”⁽¹⁶⁾. Qua hai dẫn chứng trên đều không có miêu tả diễn tiến quá trình của sự chết.

5. Quan niệm của Ba-La-Môn

Ba-La-Môn có quan chủ “Thần Ngã” là linh hồn “Thường còn” và linh hồn “Đoạn diệt” đối lập nhau hoàn toàn. Kinh Vệ Đà (Védanta) cho rằng “Thần Ngã là chân thật chu biến khắp nơi Thường còn”.

Bộ Kinh Dighna Nikàyà (Bộ Trường Kinh) và Kinh Khudlaka Nikàyà (Bộ Tiểu Kinh) và bộ luận Câu Xá (A Bhidharmakosa) đều cho rằng Vô Ngã Vô Thường. Vô Ngã là không gian của vạn vật là Bao la. Vô Thường là vạn vật sinh và diệt tùy vào thời gian. Tức là chết không phải là hết, mà là diễn biến liên tục về thời và không gian (các cõi khác nhau) của con người. Tôn giáo dù là Phật giáo hay Bà-La-Môn luôn có sự thống nhất rằng sự chết của con người là một chuỗi kế tiếp các kiếp sống

ở các không gian khác nhau với một thời gian Vô Thường (không biết trước).

6. Một số quan niệm khác

Một số ví dụ về sự chết thực tế mà những người đã chết đi sống lại họ nói gì. Sách “Những vấn đề kiếp sau” dẫn chứng: Cô Heather Sloan, một nữ y tá làm việc tại Southampton, nước Anh đã từng rơi vào cảnh “Cận tử - chết lâm sàng”, do bị cơn chảy máu nội tạng... Khi đó, cô kể: “tôi có cảm giác đang từ từ bay lên không trung. Phía trên là hàng trăm người đang đứng đợi tôi. Họ nói cho tôi biết tôi đã mất đứa con trong bụng mình. Tôi bất chợt nhận ra tôi đã bị chết...”. Bỗng nhiên vài chục phút sau cô Heather tỉnh lại.

Khi ấy các y tá đứng xung quanh báo cô đã sảy thai, điều mà cô đã được biết khi cô chết giả “... tôi thấy mình quay lại xác”. Khoa học giải thích các điều cô Heather thấy khi chết lâm sàng chỉ là “ảo giác”. Tuy nhiên, các nhà khoa học thì vẫn còn vấn đề khó lý giải trong trường hợp này: “... tôi thấy mình quay lại xác”.

Gary Williams bị dị ứng thuốc chết lâm sàng. Gary kể khi sống lại rằng: “... tôi thấy mình thoát khỏi cơ thể đang nằm, lơ lửng rồi từ từ bay lên không trung. Khi đó tôi nhìn thấy chị gái mình đang ở bên cạnh người tôi và cầu xin bác sỹ điều gì đó. Tôi nhìn thấy sau đó họ tiêm cho thân thể mình. Tôi bỗng thấy mình đang hạ thấp xuống và quay trở lại cơ thể mình đang nằm bất động trên giường bệnh...”.

Ngay sau khi tỉnh lại Gary đã kể lại câu chuyện với các bác sỹ. Các bác sỹ cho đó là một dạng “Cận tử”.

Một người nữ có tên Mulholland ở Paris, Pháp kể rằng ngay khi tim ngừng đập, bà thấy mình rời khỏi cơ thể và từ từ bay lên trần nhà. Bác sỹ đang chữa trị cho bà khẳng định: “khi đó bà được gây mê không còn biết gì”. Song bà đã kể lại cho họ nghe những gì bà nhìn thấy khi bà ở trên trần nhà thấy mọi việc bác sỹ đã thao tác trong quá trình phẫu thuật cho cơ thể của bà. Khi bà đang dần bay lên bà đã cố với xuống cơ thể chỉ vì bà không muốn xa chồng con! Sau ca phẫu thuật bà Mulholland đã đột nhiên sống lại. Bà thực sự đã qua Cận tử - chết lâm sàng vì lúc đó tim đã ngừng đập, các bác sỹ đã xác nhận.

Sách *Những vấn đề kiếp sau* viết rằng: “... Qua các trường hợp thực tế đã xảy ra, hiện tượng “Cận tử” ít nhiều đã được chứng minh... và theo các nhà khoa học, điều này cũng minh chứng cho giả thuyết: Chết không phải là hết, không có nghĩa là chấm dứt tất cả; con người chỉ chuyển đổi sang một trạng thái khác, một trạng thái hữu thực, song vô hình mà khoa học vẫn đang đi tìm lời giải đáp...”⁽¹⁷⁾

Bằng những dẫn chứng thực tế kể trên về các người đã từng chết, sống lại mà Y

học gọi là chết lâm sàng, khoa học hiện tại gọi là Cận tử đối với các hiện tượng người chết rời bỏ thân thể từ từ bay lên không trung, hay rơi vào đường hầm tối đen chỉ có duy nhất nguồn sáng ở cuối đường hầm rồi đột nhiên họ bị kéo trở lại, chứng tỏ con người có hai phần: Phần Xác bất động vô thức và phần Hồn nhận thức như Khoa học tâm linh đã đề cập.

Giải thích việc người chết có thể sống lại sẽ được khoa học tâm linh với Tri thức tâm linh trình bày cụ thể ở phần sau góp phần làm sáng tỏ thắc mắc từ bao thế kỷ đến nay của mọi người.

Một bằng chứng chết đi rồi sống lại được Giáo sư tiến sỹ Đoàn Xuân Mượu dẫn trong quyển “Khoa học và vấn đề tâm linh nhà xuất bản Thanh Niên năm 2010” về một người Nhật Bản như sau: “... sau đây là những gì anh kể lại sau khi được cứu sống. Hồn tôi bay lơ lửng ở trần nhà nhìn xuống xác tôi thì thấy cha mẹ tôi rất lo lắng, các nhân viên y tế thì nói “nếu còn ai là người thân của bệnh nhân muốn vào thăm thì cho vào, đồng tử đã giãn hết, không còn hy vọng nữa”.

Nghe vậy tôi hét lên “đừng đùa, tôi vẫn còn sống sao nói lung tung như vậy”. Nhưng chẳng ai nghe tôi cả...”. Nhà văn người Anh, Hemingway viết trong thư gửi vợ ông năm 1918: “... Một quả bom của quân áo nổ trong đêm tối làm tôi chết. Tôi cảm thấy linh hồn của tôi (hay cái gì đó) đã từ bỏ thân thể tôi như thể người ta kéo một cái khăn mu-xoa bằng lụa ra khỏi túi áo. Nó bay quanh quần, rồi quay lại nhập vào thể xác của tôi và thế là tôi sống lại...”⁽¹⁸⁾

“Theo Viện Gallup, Mỹ có khoảng 12 triệu người có kinh nghiệm Cận tử (chưa chết thật vì sau khi đã chết rồi sống lại sau một thời gian ngắn)...”^(19.1). Theo GS.TS Mượu “Trong suốt lịch sử tồn tại của loài người đã có khoảng 70 triệu người đi qua cửa tử... Mỗi ngày có khoảng 130.000 người chết và 400.000 người sinh ra...”^(19.2).

Trong tác phẩm “Thế giới vô hình”, James Van Praagh viết rằng: “Bất luận nguyên nhân nào dẫn đến cái chết bị sát hại, tự sát, tai nạn, cháy nổ, tuổi già; luôn là một “hàng số” (một số không đổi bản chất) gắn liền với sự kiện này: Không hề có sự đau đớn... Họ lập tức cảm thấy không bị giới hạn bởi thể xác. Họ cảm thấy đang sống một đời sống hoàn toàn mới mẻ...”⁽²⁰⁾. Bằng các dẫn chứng về những người Cận tử - chết lâm sàng sống lại đã kể (trích trong sách “Những vấn đề kiếp sau”, tác phẩm “Khoa học và vấn đề tâm linh” và quyển “thế giới vô hình”) và ông James Van Praagh người Mỹ đã từng giao tiếp với các thực thể ở Thế giới vô hình - các vong hồn viết thành sách đã chứng tỏ nhận thức về các cấu tạo của con người khi còn sống luôn có hai phần: phần Xác và phần Hồn, và có một thế giới ngoài thế giới của loài người với muôn loài sinh vật và thực vật đang sống ký sinh trên Trái đất là đúng. Đó là một nhận thức hoàn toàn khoa học có thể khẳng định mà tác giả cuốn

sách. “Cõi Trần và cõi Vô hình” của Thạc sỹ Vũ Đức Huynh đã đề xướng trên quan điểm Khoa học tâm linh với Tri thức tâm linh làm cơ sở nghiên cứu (tác phẩm đã hoàn thành bản thảo nhiều năm, trước khi được phép xuất bản).

Để làm sáng tỏ thêm về có một cõi vô hình của các Vong hồn, một thực thể siêu thực tồn tại trong Bao la cùng với cõi Trần - Dương Thế - Hạ giới, một cõi thực trong Bao la; từ Bao la được đề cập trong tác phẩm “Cõi Trần và cõi Vô hình” với nghĩa không có giới hạn để chỉ một “Không gian” mà thường gọi là “Vũ trụ” với nghĩa có giới hạn (hiện nay con người còn chưa biết đến cái giới hạn đó. Không gian là đa chiều, nhiều phương và giới hạn là vô cực!).

Xin trích dẫn cuộc trao đổi của nhà ngoại cảm Phan Thị Bích Hằng ở Trung tâm Nghiên cứu tiềm năng con người thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam với các sư thầy tại chùa Linh Thắng, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng nhân phái đoàn 7 nhà ngoại cảm của Việt Nam có tham dự “Trai đàn chẩn tế bát độ” tại đây như sau:

Phan Thị Bích Hằng đã trả lời nhiều câu hỏi trong đó có các câu hỏi thuộc lĩnh vực tâm linh. Đó là các câu hỏi về “cõi Âm, người ở cõi Âm” (theo cách gọi của các người tham dự cuộc trao đổi. Đạo Phật có quan niệm cõi Dương gian và cõi Âm). Sau đây là phần trích cuộc trao đổi:

“Phan Thị Bích Hằng: “...từ khi phát hiện khả năng thấy, nghe và nói chuyện được với người cõi Âm, qua tâm nguyện của các hương linh nhắn gửi...”.

- Theo chị cõi Âm cần gì ở chúng ta?

Bích Hằng: “Tám lòng. Vâng! Tôi nhận mạnh, người cõi Âm rất cần ở chúng ta những tám lòng và họ rất sợ bị người thân quên lãng. Có ai đó cho rằng chết là hết cho nên người âm dễ dàng bị quên lãng. Thực tế, hương linh rất sợ sự cô quạnh, hẩm hiu. Họ luôn trông chờ tình cảm tưởng nhớ của người thân nghĩ về họ. Người cõi Âm không tiêu tiền, không ăn mặc như chúng ta. Nhưng họ lại nhận ở chúng ta đầy đủ cả tám lòng. Khi chăm sóc mộ phần, hài cốt, lo hương khói cúng giỗ v.v... thì người âm sẽ nhận được sự thành tâm của người dương cúng”.

- Chị có bao giờ thấy Địa ngục của người âm chưa?

Bích Hằng: “...Tôi chưa thấy Địa ngục của người âm bao giờ...”⁽²¹⁾

Tin theo những điều Bích Hằng đã nói là tùy nhận thức của mỗi người. Song với Tri thức tâm linh, tác phẩm “Cõi Trần và cõi Vô hình” đã từng khẳng định là có cõi Vô hình, cõi Âm như Bích Hằng nói có các thực thể (bóng hình do cấu trúc dạng

mạng lưới các hạt điện sinh học) là thật, và gọi họ là các Vong hồn. Tác phẩm cũng đã khẳng định không có Địa ngục bằng các luận cứ chứng minh về điều này. Nghĩa là đúng như điều Phan Thị Bích Hằng đã “thấy”.

Khoa học tâm linh nhận thức cõi Âm ở trong Bao la có các tầng không gian khác nhau. Trở lại vấn đề đề cập ở phần này là sự chết của con người không phải là đã hết, là không còn, cần dẫn thêm một số bằng chứng của một nhà ngoại cảm người Mỹ, ông James Van Praagh, đã từng sống bên những Vong hồn từ khi còn bé cho đến lớn. Lời kể được trích dẫn trong cuốn “Talking to Heaven” và cuốn “The Ghost Whisperer - kể chuyện thiên đường và thế giới vô hình. Ông James kể rằng: “Khi còn bé, tôi biết rằng tôi là người khác biệt. Tôi có thể nhìn thấy các linh hồn... giống như con người, có những linh hồn rất đáng sợ và một số linh hồn rất tử tế. Về phần mình, tôi thường tiếp xúc với những linh hồn tử tế...”⁽²²⁾

Điều này nói lên rằng các Vong hồn vẫn lang thang xâm nhập vào cõi Trần. Họ có ở bên người sống. Và vì họ là bóng hình - siêu hình, nên với giác quan bình thường không thể thấy họ, trừ các trường hợp tình cờ nào đó ở vào một môi trường, thời tiết, thời gian thuận lợi nào đó một người bình thường có lúc xuất thần có thể “nhìn thấy” được họ - các Vong hồn - ma - thực thể siêu hình của cõi khác, của thế giới bên kia: Cõi Âm - Trung giới và Thượng giới.

Ông James kể tiếp: “... Những linh hồn còn vương vấn thế giới Trần tục. Đó là những linh hồn muốn xâm chiếm thế giới vật chất của chúng ta. Những linh hồn này có thể tác hại đến chúng ta, khiến chúng ta thực hiện những việc mà chúng ta không muốn và khiến chúng ta bị lo sợ, bị ám ảnh... Ngoài ra có những linh hồn khuyến khích, hướng chúng ta đến những hành vi đúng đắn...”⁽²³⁾

Điều này nói lên các thực thể Vô hình, các Vong hồn, có thể tác động đến con người bằng tương tác sóng vào Thần thức con người. Có tương tác xấu - gọi là “ma ám”. Có tương tác tốt gọi là “Tổ tiên phù hộ” hay “Trời Phật trở che” v.v...

Ông James khẳng định: “Cái chết thực ra chỉ là sự kết thúc của thể xác. Tôi nói điều này với sự chắc chắn vì từ khi lên hai tuổi tôi đã tiếp xúc cùng người chết. Các linh hồn vẫn bước đi quanh ta...”⁽²⁴⁾

Điều này khẳng định người có 2 phần: Phần Xác và phần Hồn. Người đã chết thực vẫn còn phần Hồn chuyển dạng sang Vong hồn. Nghĩa là sự chết không phải là hết, là không còn gì; chỉ có phần Xác là chết thực là chấm hết sự sống mà thôi.

Ông James còn kể: “... Rồi một đêm những tia sáng lại xuất hiện và tạo ra một hình dáng cụ thể... một người đàn ông đang đứng ở góc phòng, đôi mắt xanh. Từ cơ thể ông tỏa ra ánh hào quang... Dù ông không nói lời nào... thỉnh thoảng ông vẫn

đến thăm tôi... Khi tôi lớn hơn một chút, ông không còn đến thăm tôi nữa...”⁽²⁵⁾

Điều này xác định tính đúng đắn về cấu trúc của Vong hồn là mạng lưới các hạt điện sinh học, và do va chạm với các hạt tự do trong khoảng không mà phát ánh sáng lạnh (ánh hào quang mà ông James đã mô tả); sách “Cõi Trần và Cõi Vô hình” đã đề cập và giải thích vấn đề này trước khi cuốn “Thế giới vô hình” xuất bản. Do cấu trúc bằng mạng lưới được chuyển từ dạng thức phần Hồn của con người khi còn sống, song nó không bị thay đổi; Vong hồn vẫn là bóng hình không thể nhìn thấy như phần Hồn. Và khi đã được chuyển dạng thức (sắp xếp từ vòng đứng ở phần Hồn sang sắp xếp tầng nấc ở Vong hồn). Với các điều kiện thuận lợi của môi trường, Vong hồn có thể hiển hiện đầy đủ bóng hình của người tiền kiếp trong trạng thái ánh sáng lạnh. Bởi vì bóng hình hoàn toàn là tập hợp các hạt nhân, các nguyên tử. Đồng thời với sự va đập, tương tác với các hạt tích điện tự do, với các sóng, các tia v.v... có trong môi trường, Vong hồn càng sáng rõ hơn nhờ cường độ phát sáng mạnh lên. Bình thường bóng hình Vong hồn vẫn luôn sáng, phát sáng, có điều ánh sáng rất yếu. Do đó, chỉ khi một người có thần nhãn - con mắt thứ ba - giác quan cao cấp đủ mạnh một số nhà ngoại cảm hay tình cờ xuất thần ở ai đó mới nhìn thấy họ.

Bóng hình Vong hồn luôn không ổn định về hình dạng và không đứng yên. Vong hồn luôn uốn éo, méo mó. Và khi ai đó nhìn thấy Vong hồn thì thấy Vong hồn luôn luôn chập chờn, lúc rõ lúc mờ, lúc còn lúc mất. Thực ra các Vong hồn không phải biến mất. Các Vong hồn hoặc bị phá lóa của ánh sáng môi trường, hoặc do sự phát sáng tự thân của Vong hồn luôn chập chờn, đứt quãng là điều dễ hiểu về sự phóng điện qua lại của các loại hạt tích điện tạo nên. James Van Praagh còn kể trong “Thế giới vô hình” rằng: “Khi tôi đã trở thành nhà ngoại cảm, trong khi tôi đang làm việc cùng các bài viết của mình, từ góc phòng, tôi nghe tiếng một linh hồn nói “Giỏi lắm, James. Ta tự hào về con”. Giọng nói tử tế quen thuộc này khiến tôi biết ngay đó là của người đàn ông có đôi mắt màu xanh. Chắc chắn đó là ông tôi. Điều này giúp tôi biết chắc chắn rằng ông vẫn luôn quanh quẩn bên tôi để trông nom và theo bước chân tôi...”⁽²⁶⁾

Qua lời kể trên của James, ta thấy rằng ngay một nhà ngoại cảm cũng có lúc không “nhìn thấy” Vong hồn, người âm, mặc dù họ vẫn ở bên cạnh, vẫn theo dõi mọi việc làm của con người. (Có thể do ban ngày bị ánh sáng phá lóa hoặc môi trường tương tác của các hạt điện kém) Việc James nghe được lời nói của Vong hồn người ông của mình là do nhận được sóng mang thông tin qua cửa cảm sóng và màn cảm sóng chuyển dịch vào Thần thức của James nên James nhận biết. Bởi vì Vong hồn không còn phần Xác (không có cơ quan phát âm nên không thể có tiếng nói của con người). Thông tin chỉ được truyền bằng sóng sinh học. Sóng này sẽ lan truyền trong không gian. Và chỉ người có màn cảm sóng phù hợp tần số và cực nhạy

mới “bắt” nhận và dịch mã được.

Trong Bao la có vô vàn sóng sinh học; khác với các sóng vật lý như: sóng phát thanh (radio), sóng điện từ, sóng vô tuyến truyền hình v.v.. là những sóng có số các bước sóng hạn chế. Trong khi các sóng sinh học có vô vàn tần số bước sóng vì mỗi thực thể vong hồn có thể phát sóng riêng, khu biệt cho thân nhân ở cõi Trần. Nhờ thế mà con người có linh cảm báo trước hoặc tức thời và có thể giao tiếp được với Vong hồn.

Một điều bất ngờ là người mẹ đẻ của James Van Praagh cũng là một nhà ngoại cảm. Bà biết được James giao tiếp với thế giới các Vong hồn. Bà biết rõ mối quan hệ bí mật giữa James với các linh hồn và vì lo lắng cho James còn bé nên bà thường dặn James khi James còn là một đứa trẻ rằng: “... James này đừng nói với bất kỳ ai về những gì con đã nhìn thấy nhé. Họ sẽ không hiểu những gì con nói đâu. Con là đứa bé khác biệt so với những đứa bé khác...”⁽²⁷⁾

Thế đấy, một bà mẹ ngoại cảm đã sinh ra đứa con đã “nhìn thấy các linh hồn khi tôi còn nằm trong nôi”⁽²⁸⁾, theo như ông James nói. Ông James còn cho biết ông chính thức biết mẹ mình là nhà ngoại cảm và có biệt tài tiên đoán mọi việc trước khi xảy ra. Vì “... Đôi khi tôi đi ngang phòng của bà và bắt gặp bà đang trò chuyện với người mẹ và người cha đã quá cố của bà. Tôi biết vì tôi có thể nhìn thấy linh hồn của họ đang đứng cạnh giường của mẹ tôi”.

7. Quan niệm khoa học tâm linh về sự chết như thế nào?

Với Tri thức tâm linh khẳng định con người chết không phải là hết, là biến mất vĩnh viễn. Người chết thực sự chỉ là mất hoàn toàn phần Xác. Phần Xác là thân vật lý, có các cấu tổ vật lý từ các nguyên tố hóa học tự nhiên chuyển đổi thành các nguyên tố sinh học từ các nguồn thực phẩm mà con người hấp thụ qua sinh thực, qua hít thở không khí và qua uống nước để hình thành và phát triển phần Xác tuân thủ quy luật Ngũ hành: Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ. Khi con người chết thực, phần Xác sẽ bắt đầu quá trình tan rã dần; các cấu tổ của phần Xác lại trở về dạng các nguyên tố hóa học tức “hoàn nguyên” theo quy luật tuần hoàn của Thuyết tự nhiên đã nêu.

Phần Hồn của con người khi con người chết sẽ tách khỏi phần Xác. Sau một thời gian, tối đa 3 ngày, 72 giờ ở lại Không gian của cõi Trần, phần Hồn sẽ đi vào tầng một của Trung giới (cõi Trung gian giữa cõi Trần - Hạ giới với cõi Vô hình - Thượng giới).

Ở tầng một, phần Hồn bắt đầu quá trình chuyển dạng thức từ thực thể phần Hồn

sang thực thể Vong hồn. Quá trình này thực chất là quá trình sắp xếp lại ba thành tố của phần Hồn sang ba thành tố của Vong hồn. Về bản chất, các thành tố không có gì thay đổi, vẫn là cấu trúc mạng lưới của các hạt điện sinh học dương ở thành tố Thần thức. Thành tố Thần thức tàng chứa các ký ức, và năng lượng. Chúng sẽ được giữ lại hầu hết ở Vong hồn.

CHƯƠNG 4

QUÁ TRÌNH CHUYỂN DẠNG THỨC TỪ CON NGƯỜI Ở CỐI TRẦN SANG DẠNG THỨC THỰC THỂ VONG HỒN Ở CỐI VONG HỒN

I. SỰ CHẾT CỦA CON NGƯỜI Ở CỐI TRẦN LÀ CON ĐƯỜNG CHUYỂN TIẾP ĐẾN MỘT CUỘC SỐNG MỚI KHÁC.

Đúng vậy, sự chết của con người ở cõi Trần là bước vào con đường chuyển tiếp đến một cuộc sống ở nơi khác trong Bao la.

Nói có cuộc sống mới khác theo quan niệm của Khoa học tâm linh với Trí thức tâm linh của một con người là sau sự chết.

- Trở thành dạng thức thực thể mới là Vong hồn. Ở dạng thức thực thể mới, một Vong hồn mới sẽ là một vong linh, một linh vong hay một siêu linh.

- Có các loại Vong hồn này là tùy vào năng lượng còn tồn dư của phần Hồn sang Vong hồn nhiều hay ít. Lượng năng lượng tồn dư có được là nhờ công phu tích lũy từ nhiều nguồn của kiếp người khi còn sống ở cõi Trần.

1. Đó là thực hiện các tu bổ như: Khí bổ, thực bổ, động bổ, nghỉ bổ và dược bổ (các loại tu bổ này sẽ có dịp nói cụ thể hơn ở phần III, chương 1).

2. Đó là nhờ sự kiên trì tu tập thường xuyên công phu. Ví dụ các phương thức tự thu năng lượng vũ trụ, các loại hành nghiệp, các phép tu luyện thiền tịnh, cách hành xử: Thiện, chân, đức, lễ, nghĩa, khái, thông, tuệ, minh, hoạt.

3. Đó là chú ý việc tiêu tán năng lượng hợp lý, không phung phí trong quá trình sống làm hao tổn gần trọn năng lượng có được ở kiếp người.

4. Đó là con người cần tuân thủ các quy luật tự nhiên để sống, làm được như thế sẽ còn nhiều năng lượng tồn dư sau khi bước vào sự chết.

5. Đó là các gốc “Tiên Thiên” gặp may được những hợp tố từ các thành tố tự do tốt nhất, tinh khiết nhất, thuần nhất để tạo thành phần Hồn hoàn hảo của một thai nhi, và phần Xác khỏe từ các cấu tố tốt nhất có được từ thai phụ dành cho, kết hợp các thuận lợi về thời khí của năm tháng ngày giờ nhập cửa sinh thành hình cốt thai nhi.

Tất cả các nguyên nhân có được năng lượng tồn dư lớn kể trên là do Thiên thiên tốt và Hậu thiên công phu quyết định khi chuyển thành các loại Vong hồn khác nhau để đến cư ngụ ở các tầng riêng biệt của Trung Giới hay lên được Thượng giới.

II. TÁI SINH TRỞ LẠI KIẾP NGƯỜI Ở CÔI TRẦN.

Những Vong hồn sẽ tái sinh trở lại cõi Trần làm người được phân thành hai loại.

1. Loại thứ nhất

Loại thứ nhất là khi chưa bước vào tầng một để bắt đầu chuyển dạng thức đã tái sinh trở lại ngay vào phần Xác của chính mình để sống tiếp một thời gian nữa ở cõi Trần.

Theo quan niệm của Tri thức tâm linh, một khi phần Hồn đã rời khỏi phần Xác thoát vào không gian của cõi Trần và lưu lại lâu hay chóng thường từ 10 phút đến giới hạn tối đa 72 giờ đều được xem là con người đã bắt đầu sự chết. Song họ chưa phải là Vong hồn. Họ còn là phần Hồn (“con người” như một vài quan niệm vẫn gọi vậy) tuy đã ra khỏi thân xác nhưng vẫn đang còn lưu lại ở không gian cõi Trần. Song chỉ là phần Hồn với cấu trúc hạt nhân nên vô hình với thị giác bình thường của con người. Đối với “thị giác cao cấp” của một số người có khả năng đặc biệt, như cách gọi của bộ môn Cận tâm lý, hay một số nhà ngoại cảm với “thần lực nhãn quan” có thể nhìn thấy: “... Anh ấy muốn cô biết rằng cơ thể anh ấy đã bị văng ra ngoài cửa xe hơi..., anh ấy không hề cảm thấy đau đớn. Sau đó anh ấy thấy xác mình nằm cạnh một gốc cây và đó là lúc anh ấy hiểu được điều gì đã xảy ra”⁽¹⁾. Đó là lời thuật lại các câu nói của một người vừa bị chết trong một tai nạn giao thông của ông James Van Praagh với người chị của chàng trai vừa chết nghe. Một quan niệm của Đạo Phật rằng: “...Ngài Thế thân trong A-tỳ-đàm Câu xá luận giảng nghĩa là các Thân Trung âm đồng, thể loại đều nhìn thấy lẫn nhau và những người có mắt thánh cũng thấy được họ”⁽²⁾. Qua đó, một vài tông phái Đạo Phật xem Thân Trung âm là nơi lưu lại của người mới chết. Khía cạnh này, Khoa học tâm linh đã nêu là: phần Hồn của người vừa chết còn lưu lại không gian của cõi Trần. Và người có thị giác cao cấp - Thần nhãn có thể nhìn thấy các phần Hồn đang lưu lại ở khoảng không gian này mà không phải là Vong hồn người vừa chết.

Người vừa chết (“con người” - phần Hồn) đang còn lưu lại không gian của cõi Trần, nếu ký ức ước muốn về với thân nhân ở cõi Trần mạnh (nhất là người còn trẻ năng lượng phần Hồn dồi dào), sóng sinh học mang thông tin ký ức của người vừa tử vong cộng hưởng với lời cầu mong người chết sống lại của nhiều người thân, đồng thời gặp được cơ duyên có nhiều sóng có trong môi trường hiện hữu tương tác mạnh vào phần Hồn, hợp lực này có thể đẩy phần Hồn đó trở lại thân xác của người ấy. Họ tái sinh ngay tức thời. Hiện tượng “tái sinh tức thời” này xảy ra sau khi được xác nhận là một người đã chết từ 10 phút đến 72 giờ.

Khoa học đối với các trường hợp “chết sống lại” như vậy gọi là “Cận tử” hay chết giả (shock), chết giấc (swoon). Y học gọi là “chết lâm sàng”(climically dead).

Khoa học tâm linh với tri thức tâm linh khẳng định rằng khi một con người đã ngừng toàn bộ các nhu cầu để duy trì sự sống như: Ngừng ăn, uống và thở và các hoạt động sống như: Chấm dứt mọi cử động, tim ngừng đập đã 15 phút, đồng tử mất giãn rộng, mạch không còn, huyết áp không đo được, cơ thể bắt đầu lạnh dần, cứng dần, được xem là sự chết bắt đầu. Vì phần Hồn đã tách khỏi phần Xác, rời khỏi thân thể (Thân vật lý) từ từ bay vào không gian cõi Trần. Song phần Hồn vẫn đang còn lưu lại không gian của cõi Trần. Thời gian này kéo dài sau khi con người được xác định là đã chết, như đã nói, có thể tới 72 giờ đồng hồ. Sau giới hạn “chờ” tối đa đó, phần Hồn sẽ chuyển vào tầng Một của Trung Giới để thực hiện quá trình chuyển dạng thức thực thể: phần Hồn thành Vong hồn!

Như vậy trong khoảng thời gian sau khi chết đến 72 giờ, người đã chết ấy sống lại được xem là người đã “hồi sinh” hay là “tái sinh tức thời” bằng cách mượn ngay chính thân xác cũ. Phần Hồn tái liên kết lại với phần Xác. “Con người” trở về với kiếp người một lần nữa ở cõi Trần.

Trong trường hợp “tái sinh tức thời” này, con người vẫn còn nguyên vẹn mọi ký ức trong Thần thức và mọi kỹ năng cũ ở phần Hồn (gồm Thần thức, Vía và Phách) nên con người hồi sinh này không có gì khác trước. Nhưng họ lại có thêm một ký ức hoàn toàn mới trong Thần thức mà chỉ họ mới biết. Đó là họ nhận biết, và giữ lại được diễn biến bắt đầu sự chết của họ như thế nào, ví dụ như họ thấy họ rời khỏi thân xác họ từ từ bay lên cao và quan sát được mọi sự việc, mọi trạng thái, cảnh huống trong thời gian phần Hồn họ còn lưu lại ở không gian của cõi Trần. Họ vẫn coi mình “vẫn là người còn sống”. Họ vẫn thể hiện mọi cung cách sống như người đang sống. Họ sai khiến, yêu cầu người thân cái này, việc kia. Song tiếc thay lúc đó họ đã ra khỏi thân xác nên mọi ý định, lời nói v.v... của họ không thể được thực hiện...

Các điều họ thấy đều là ở cõi Trần hiện tại. Họ chưa biết tí gì về các cảnh giới

khác, chưa thấy các cõi Vô hình khác. Vì thực ra, họ đâu đã thành Vong hồn. Họ đâu đã được sang tới cõi của Vong hồn.

Sau khi con người được xem là đã chết, phần Hồn của con người đã thoát khỏi thân xác, nhưng vẫn còn ở không gian cõi Trần.

Vài phái của Đạo Phật lại quan niệm rằng: “Linh Hồn - Thân Trung âm vẫn còn trong thân thể, do đó trong 48 tiếng đồng hồ, không được đụng chạm tới thi thể người chết để khỏi phương hại tới tiến trình chết của họ, vì sẽ dẫn đến các hậu quả xấu cho người chết khi linh hồn thoát ra có thể phải xuống cõi Âm: Ngạ Quỷ, Địa ngục v.v... hay lên được cõi Trung giới, cõi Thượng giới của linh hồn người cheat đó. Vì vậy thời gian 48 tiếng ấy không nên làm gì thô bạo với họ”.

Qua đó, Đạo Phật cho rằng khi linh hồn vừa rời khỏi cơ thể là đi ngay vào các cõi vô hình khác nhau! Điều này trái ngược quan điểm của khoa học tâm linh với tri thức tâm linh như vừa trình bày ở trên.

Song, ngay Đạo Phật cũng có nhiều quan điểm khác nhau nữa về cách hành xử với “Thân Trung âm”, với tiến trình chết: “... theo Giáo Nghĩa của Luật Tông thì nên hỏa táng thi thể càng sớm càng tốt sau khi chết. Nhưng theo Mật Tông thì tốt nhất là đừng di dời thân thể sau khi chết trong vòng ba ngày...”⁽³⁾

Quan niệm nhất quán của Đạo Phật là sau khi linh hồn - Thân Trung âm rời khỏi thân thể là đi “tái sinh” (Kiếp Luân hồi) tùy theo nghiệp (Luật Nhân quả) vào các cõi giới khác nhau. Song quan điểm về tiến trình chết lại bị phân tách chi ly. Ví dụ theo diễn giải của Đại sư, Kirti Tsenshab Rimpoch: “... Những người trẻ tuổi hay những người đã nằm chờ chết một thời gian dài. Hạng người này Tâm thức rất tinh tế và Thần thức của họ sẽ không lưu lại trong thân xác lâu, có thể chỉ một ngày thôi”⁽⁴⁾. “Những người khỏe mạnh và cái chết đến nhanh, Thần thức của họ lưu lại trong thể xác đến ba ngày. Những cái chết khác như bất đắc kỳ tử (chưa đến thời điểm chết mà phải chết), chết do bạo lực hay vì bạo lực. Chẳng hạn hai người đánh chém nhau, một người trong đó chết đột ngột, thì Thần thức của họ không lưu lại trong thể xác lâu. Nói chung, thời gian bao lâu tùy thuộc vào Tâm thức nặng hay nhẹ của mình mà thoát ra khỏi thân xác sau khi chết”⁽⁵⁾.

Cũng nhận định linh hồn (cách gọi chung) thoát khỏi thân xác khi chết, Đại sư Geshe Lamrimpa cùng trong những Lama Tây Tạng lại cho rằng: “... Khi hơi thở dứt và tim ngừng đập, nó chỉ rõ rằng phần thô của Thần thức đã tan mất. Tuy nhiên có nhiều trường hợp phần tinh tế của Tâm thức còn lưu lại trong xác thân người ấy hàng tuần lễ, thậm trí có lúc cả tháng. Nhưng phần lớn là phần tinh tế của Tâm thức rời khỏi thể xác trong ba hoặc bốn ngày; trong thời gian này, thi hài không bốc mùi

hoặc thôi rửa”⁽⁶⁾.

Qua hai quan điểm của hai đại diện các Đại sư Tây Tạng đều nói đến Thần thức và Tâm thức luôn có hai phần: phần thô và phần tinh. Hai phần này đều nằm trong thân xác, và phần thô của Thần thức tan mất ngay sau khi chết. Phần tinh tế của Tâm thức rời khỏi xác lâu hay chóng là khác nhau tùy theo từng kiểu chết, từng Tâm thức nặng hay nhẹ.

Một điều không rõ ràng trong quan điểm này là không biết Tâm thức và Thần thức trong thân xác nằm ở tinh thần (linh hồn) và thể xác (thân xác) mà khoa học và dân gian quan niệm. Khoa học tâm linh nêu rõ: Con người chỉ có 2 phần. Đó là phần Hồn (có thể coi là phần tinh) và phần Xác (có thể coi là phần thô). Ở loại tái sinh tức thời thứ nhất này, phần Hồn không mất; nếu phần Xác chưa bị biến dạng sau khi chết, phần Hồn có thể nhập xác để hồi sinh.

III. LOẠI TÁI SINH THỨ HAI VỀ KIẾP NGƯỜI.

Đây là loại tái sinh theo “ý định ký ức” nhờ gặp cơ duyên tình cờ được trở lại ngay làm kiếp người ở cõi Trần một lần nữa. Trong loại tái sinh làm kiếp người thứ hai này có hai dạng tái sinh khác nhau. Dạng thứ nhất là:

1. Dạng tái sinh theo “ý định ký ức sẵn có” khi họ còn đương tại ở kiếp Trần.

Dạng tái sinh này phần lớn là các Vong hồn. Nghĩa là phần Hồn đã qua chuyển dạng thức. Họ đã trở thành một thực thể Vong hồn ở một tầng nào đó của Trung giới hoặc ngay cả ở Thượng giới. Dạng tái sinh này có thể là vong linh ở tầng 3 Trung giới. Song đa số họ là các linh vong ở tầng 4, tầng 5 của Trung giới. Họ là các Vong hồn đã có công tu luyện hoặc tu luyện đạt mức thượng thừa! Hãn hữu có trường hợp là Siêu linh ở Thượng giới tái sinh trở lại cõi Trần làm “nhiệm vụ” mà họ muốn.

Nguyên nhân cơ bản của dạng tái sinh này là các Vong hồn mang đậm ý muốn được trở lại cõi Trần nếu sau khi phải chấm dứt kiếp người mà chưa được thỏa mãn những hoài bão, nguyện vọng. Ý muốn ấy khắc sâu vào ký ức ở Thần thức của Vong hồn. Ký ức ấy luôn thôi thúc những vong linh, những linh vong luôn tìm mọi cơ hội để trở lại tái sinh khi có điều kiện phù hợp, thuận lợi (Đạo Phật quan niệm điều kiện phù hợp chính là nơi sẽ đi trả nghiệp báo kiếp trước phù hợp). Đặc biệt, các bậc tu đạo còn chuẩn bị trước cho con đường tái sinh lại cõi Trần ngay khi còn ở cõi Trần.

“... Đại sư Thubten Yeshe (1935 - 1984), một pháp sư nổi tiếng Tây Tạng người

đã góp sức san bằng các trở ngại đó và nối liền những phân cách văn hóa, chủng tộc để dạng tuệ giác mặt trời đầu nguồn Tây Tạng có thể tuôn chảy xuống vùng đất lạ Tây Phương, người đã giảng giải giáo lý tái sinh bằng chính sự thông dong đôi bờ sinh tử và chuẩn bị sắp xếp cho mình để có thể tái sinh như ý và để người khác có thể nhận ra hóa thân của mình”(7). Họ thường chuẩn bị trước để tái sinh!

Và hai năm sau, khi Đại sư Thubten Yesche qua đời “người ta phát hiện ra ngài ngay (Thubten Yesche quá cố) trong một dáng hình khác đó là Osel Rinpoche, sinh ngày 12/2/1985 tại Bubion, Tây Ban Nha. Giới Phật giáo Tây Tạng đã đưa chú bé tái sinh (của Đại sư kiếp trước, ngài Thubten Yesche) trở lại Ấn Độ để tiếp tục tu học”(8).

Đại sư quá cố Thubten Yesche qua đời vì bệnh tim tại bang California, Hoa Kỳ ở tuổi 49... Ông là người sáng lập Hội Hộ Trì Phật Giáo Đại Thừa (FPMT) và cho xuất bản tạp chí Mandala tại Hoa Kỳ; hiện nay tổ chức này phát triển thêm hàng trăm chi nhánh trên khắp thế giới”(9)

Đó là một ví dụ trong rất nhiều trường hợp ý muốn và ký ức tái sinh trở lại kiếp người lần nữa để hoàn tất nguyện ước của bản thân họ.

Cũng thuộc dạng tái sinh theo ý định ký ức đó là các vong linh còn nhiều uẩn khúc tồn dư trong phần Thần thức, đặc biệt là những người chết trẻ. Họ thường là người kiếp trước có oán thù sâu đậm hay có sự tiếc nuối quá mức luôn luôn thôi thúc những vong linh này trở lại kiếp người để trả oán thù, để thỏa mãn ước nguyện, lời nguyện, lời thề. Vì vậy, họ thường lang thang ở không gian cõi Trần tìm kiếm cơ hội tái sinh. Sự cố tình này thường xảy ra các cuộc tranh chấp quyết liệt trước một cơ hội có một cửa sinh phù hợp.

“... Những người từng tạo ra ác nghiệp, sống cuộc đời tiêu cực thường luôn đối mặt với những cảnh tượng khổ đau, kinh hoàng, sợ hãi, thất vọng và chán chường. Họ lang thang một cách tuyệt vọng trong cõi Trung âm và muốn tìm một thân xác để tái sinh tương xứng với nghiệp lực của họ”(10)

Một số Vong hồn không có ký ức trở lại cõi Trần như ở các trường hợp trên. Họ thuộc dạng Siêu linh ở Thượng giới. Họ cần tái sinh về cõi Trần khi cần phải hướng dẫn chúng sinh, hoặc phải thiết lập lại “trật tự” nào đó, thế là họ “hạ giới” tùy thời. Thực ra dạng tái sinh này không hoàn toàn thuộc loại “tái sinh theo ký ức” mà có phần trách nhiệm.

2. Tái sinh tình cờ

Cùng thuộc loại tái sinh thứ hai, có dạng tái sinh trở lại kiếp người cõi Trần do một cơ duyên hy hữu. Họ là các vong linh “đạo chơi” trong không gian của cõi Trần. Vì các vong linh này ở tầng thấp của Trung giới nên họ hay lại vãng về không gian của cõi Trần - và trong một cuộc ngao du, họ bị các tương tác của trường từ, sóng, tia, hạt tự do và gặp lúc một cửa sinh của một phụ nữ mở nên bị “hút vào”. Họ trở thành phần Hồn của thai nhi mới. Họ tái sinh trở lại kiếp người!

Mọi dạng, loại tái sinh khi lọt vào cửa sinh (vivant ultéralgie), Vong hồn lập tức bước vào quá trình sắp xếp lại cấu trúc. Từ cấu trúc tầng nấc của Vong hồn sang cấu trúc (mạng lưới các hạt điện sinh học) vòng lớp của phần Hồn và khi đó nó sẽ thành cái cốt để thai phụ vận chuyển các thành tố sinh học để “xây nên” phần Xác - Thân vật lý của thai nhi. Hiện tượng này chính là tính di truyền các gen từ bố mẹ sang sinh linh mới. Thuyết di truyền của Mendel có cơ sở tâm linh là thế.

Tất nhiên muốn sắp xếp lại cần có một thời gian và một “nơi ổn định, bình lặng tuyệt đối”. Nơi đó chính là vòi trứng và dạ con của thai phụ. Thời gian cần tính đó ngay từ ngày thứ nhất đến hết ngày thứ 30 của tháng thứ hai, khoảng hơn 9 tuần lễ. Đây là khoảng thời gian vô cùng quan trọng, không nên làm xáo động đến quá trình chuyển dạng thức thực thể từ Vong hồn sang phần Hồn mà cụ thể là sang con người. Nếu bị “khuấy động thô bạo” quá mức sẽ ảnh hưởng, thậm chí phá hỏng quá trình chuyển dạng thức vô cùng mẫn cảm dễ dàng bị hư hỏng. Phần Hồn chỉ thực sự ổn định thành hình sau thời gian này, và sẽ dần dần thành hình thai nhi với đầy đủ hình thể hoàn hảo trong 9 tháng 10 ngày nhờ sự nỗ lực xây đắp phần Xác thai nhi và sự tích cực tu dưỡng phần Hồn thai nhi của thai phụ.

IV. MỘT DẠNG TÁI SINH BẤT HẠNH TRỞ LẠI CÔI TRẦN

Đây là dạng tái sinh lại cõi Trần nhưng không phải làm kiếp người mà là kiếp động vật - kiếp “súc sinh”.

Những Vong hồn nào bị tái sinh trở lại cõi Trần dưới thân hình xác thịt của loài động vật, Đạo Phật gọi các hiện tượng này là do: “...Những loài chúng sinh đi trong các đường: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, A-tu-la đều không biết chọn nghiệp lành, nên đi vào đường ác chịu quả báo khổ đau...”⁽¹¹⁾

Không quan niệm phải trả nghiệp báo xấu như Đạo Phật (vừa dẫn ví dụ), Khoa học tâm linh với Tri thức tâm linh cũng xác nhận trường hợp có Vong hồn tái sinh lại cõi Trần vào kiếp súc vật (trâu, bò, ngựa, chó, khỉ, gấu v.v...) là có, là thật. Đó là sự tái sinh bất hạnh. Tri thức tâm linh giải thích các hiện tượng này ra sao?

Những Vong hồn đã về cõi vong, song vì nguồn năng lượng (năng lượng sinh

học) của các Vong hồn này quá yếu và ký ức về ý chí, nghị lực không còn. Năng lượng yếu do 3 nguyên nhân:

Thứ nhất: Năng lượng tồn dư sau khi từ giả cõi Trần còn rất ít, do đã tiêu tốn quá nhiều ở kiếp trước của Vong hồn do sống quá đáng về nhân cách: tham, dục, bạo tàn, độc ác. Cách sống như vậy đã làm phá tán sinh lực, suy kiệt khí lực của Thần thức; các ký ức xấu luôn day dứt trong phần Hồn mà không tự gột bỏ được trước khi gần cái chết làm hao tổn lớn năng lượng nên còn ít tồn dư khi đi chuyển dạng thức thành Vong hồn yếu hay quá yếu.

Một số Vong hồn có kiếp trước quá già yếu, tàn tạ bệnh nặng lâu dài khiến khí lực của phần Hồn quá suy kiệt mà Tâm thức lại không có nghị lực mãnh liệt khiến các ký ức tốt, mạnh mẽ trong Thần thức không có, năng lượng không còn nên khó chống lại sức hút ở cửa sinh của loài súc sinh hút vào ngẫu nhiên.

Một số Vong hồn là các hài nhi, trẻ nhỏ khiếm khuyết yếu thể không có nhiều năng lượng tồn dư, thậm trí chưa có.

Thứ hai: Tự thân Vong hồn hấp thụ năng lượng xanh tự do trong Bao la quá yếu. Điều này phụ thuộc vào chính Vong hồn không thể hay không đủ khả năng hấp thụ (các hài nhi v.v...).

Thứ ba: Các Vong hồn đã không được tiếp nhận nguồn cung qua sóng thể hiện tình cảm, tấm lòng thương nhớ từ người thân còn ở cõi Trần hoặc qua thờ cúng các cúng phẩm phù hợp (tươi, sống giàu năng lượng xanh âm và dương) cho họ có cơ hội hấp thụ thêm năng lượng sinh học tinh khiết.

Từ ba nguyên nhân đã kể trên, những Vong hồn “xấu số” ấy thường vất vờ ở không gian của cõi Trần, trong một môi trường đầy nguy hiểm bởi nhiều tác nhân tương tác, xô đẩy tứ phía, từ nhiều phương, nhiều chiều nên rất dễ dàng bị hút vào cửa sinh của các loài động vật khi vô tình đi qua đúng lúc mà họ không chống lại được. Khi đã bị hút lọt vào cửa sinh của động vật, Vong hồn phải trải qua quá trình chuyển dạng thức từ Vong hồn để thành “Sinh hồn” của loài động vật đó! Thường chỉ có cửa sinh của các loài động vật lớn mới có sức hút đủ mạnh có thể hút được các Vong hồn quá yếu vào mà thôi. Đó là sự tái sinh vào động vật! Đạo Phật cho là nghiệp báo cho kẻ ác khi chết!

Dù thành các động vật, trong “Sinh hồn”⁽¹²⁾ của một con vật nào đó vẫn còn rơi rớt một số ít ký ức của kiếp người trước đó chuyển sang Vong hồn và chuyển sang “Sinh hồn”. Nhờ thế, con vật nào đó có ký ức kiếp người thường “thông minh” hơn các cá thể cùng loài; và tiếp nhận cách dạy bảo của con người dễ dàng hơn những con khác.

Đạo Phật xem các hiện tượng đó là trả nghiệp báo vào “kiếp súc sinh”⁽¹³⁾ trong lục đạo (6 đường đi tới sau khi chết). Quan niệm tâm linh này là đúng, song không khoa học. Bởi vì đáng tối cao nào có thể bắt các Vong hồn theo “luật Luân hồi nghiệp báo”? mà họ quan niệm: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, Ma đói, A-tu-la những nơi đó đâu có Vong hồn nào chịu đi, và đáng tối cao không làm thế vì họ là những bậc đại hiền, từ bi...

Khoa học tâm linh giải thích bằng chính nguyên nhân năng lượng tự thân của mỗi thực thể cho dù là thực thể ở cõi Trần, ở cõi Vong, ở trong Bao la mê mông, nhờ đó mà mỗi cá thể có thể tồn tại và hoạt động với các khả năng khác nhau.

Ngay khi còn là kiếp người ở cõi Trần, những cá thể có nguồn năng lượng mạnh, dồi dào cũng có nhiều khả năng hơn, hoạt động bền bỉ hơn, khỏe mạnh hơn các cá thể có nguồn năng lượng tự thân yếu. Họ không thể làm theo ý muốn “lực bất tòng tâm”. Có năng lượng dồi dào ngoài do có “Tiên thiên” và “Hậu thiên” tốt, còn cần bền bỉ tu tập và biết phương pháp thu lượm các nguồn năng lượng xanh tự do cho không vô tận trong Bao la, đồng thời biết sử dụng hợp lý, tiết kiệm để có được nguồn năng lượng tồn dư nhiều dành cho con đường phải đi tiếp tới cõi cao hơn sau khi từ giã cõi Trần và không phải tan biến (hoàn nguyên) trở lại các nguyên tố tự do quá sớm.

Ngay những người rất già nhưng do tu tập tốt và biết sống không làm hao tổn nhiều năng lượng, khí lực của Thần thức thì khi từ giã cõi Trần, họ thành Vong hồn tới các tầng cao. Họ trở thành linh vong hay siêu linh ít vương vào vòng tái sinh trở lại cõi Trần. Họ tiếp tục tồn tại lâu dài cho đến hạn mức thời gian mới phải chuyển dạng (theo Thuyết tự nhiên) để theo một vòng chu kỳ mới bắt đầu lại kiếp người trong sạch, cao quý hơn.

V. QUÁ TRÌNH CHUYỂN DẠNG THỨC CON NGƯỜI SANG DẠNG THỨC VONG HỒN

Như phần trên đã trình bày về vấn đề cái chết và sự chết và khẳng định rằng chết không phải là hết. Tôn giáo và khoa học tâm linh đều khẳng định như vậy.

Khoa học thực nghiệm duy vật cho rằng chết là hết là không còn gì cả đang được xem xét lại ở thế kỷ 21. Quan niệm là tùy nhận thức của mỗi trường phái trong mỗi giai đoạn. Mặc dù sự thật vẫn tồn tại khách quan duy nhất. Sự thực không vì một quan điểm nào của một ai.

“Dù sao quả đất vẫn quay!” 6 thế kỷ trước lời khẳng định ấy đã phá bỏ nhận định

sai trái tồn tại hàng nghìn năm; đánh đổ quan điểm bảo thủ của một hệ thống nhà thờ và những người lợi dụng Chúa để phục vụ mưu đồ riêng bất chấp sự thật!

“Chết là hết” đối lập hoàn toàn với “chết là chuyển sang một thế giới khác, chết không phải là hết” là hai quan niệm đang tồn tại và đang được tranh luận ở thế kỷ 21.

Sự kiện này thật giống hai quan điểm trái ngược “Trái đất đứng yên” và “Trái đất quay tròn” đã từng xảy ra trong quá khứ! Kết quả thế nào thì ngày nay ai cũng đã rõ.

Khoa học tâm linh với Tri thức tâm linh luôn khẳng định “chết không phải là hết” và sự chết là quá trình chuyển dạng thức thực thể mới. Với quan niệm trên, quá trình chuyển dạng - bản chất của “sự chết” được diễn giải cụ thể, tỷ mỉ như sau:

1. Thực chất sau cái chết

Khi một con người được xác nhận là đã chết, theo quy định của Khoa học và Y học, là đã chấm dứt cuộc sống ở cõi Trần. Theo quan điểm của Khoa học tâm linh, con người thay đổi thế nào sau sự chết.

Như đã trình bày sơ lược ở các phần trên, ngay khi chấm dứt cuộc sống ở cõi Trần, con người lập tức tách làm hai phần riêng biệt. Phần Hồn rời khỏi thân thể bay lên không gian của cõi Trần. Phần Hồn, thực tế lúc này vẫn là “con người” chỉ không có phần Xác, công cụ của phần Hồn để thực hiện mọi chỉ đạo của phần Hồn. “Con người” ấy chưa ý thức được là mình đã vừa chết!

Ở không gian cõi Trần, trong khoảng thời gian ngắn ngủi (tối đa 72 giờ), phần Hồn vẫn là “con người tàng hình”. Họ còn nhận biết mọi thứ thực ở cõi Trần. Họ có thể “... nghe thấy các thầy thuốc nói về cái chết của mình; Hồn rời khỏi Xác; một cái tôi lơ lửng trên không và nhìn thấy xác của mình; đi vào đường hầm tối đen như bị hút vào hay bị đẩy vào; cuối đường hầm là Thế giới ánh sáng với phong cảnh tuyệt đẹp; nhìn thấy người thân trong gia đình hay bạn bè đã quá cố”⁽¹⁴⁾.

Tối đa 72 giờ, phần Hồn ở không gian cõi Trần có thể nhận biết được cùng lúc mọi diễn biến ở cõi Trần và cả vài hiện tượng của cõi khác đang cùng tồn tại trong khoảng không gian này. Ở những thời khắc này, phần Hồn còn hai con đường. Một: Có thể hồi sinh trở lại kiếp người ngay với chính phần Xác của mình chưa bắt đầu phân hủy nhờ có các tương tác hỗ trợ mạnh mẽ do cơ duyên nào đó của môi trường không gian tác động thúc đẩy. Phần Hồn có thể nhập lại. Và con người thực sống lại. Đó là các trường hợp của những người “chết đi sống lại” khoa học gọi là “Cận tử”, là “chết lâm sàng”. Nhưng với tri thức tâm linh, các trường hợp này vẫn xem là trường

hợp “tái sinh tức thời” trở lại cõi Trần. Nếu không, họ sẽ bước vào giai đoạn chuyển dạng thức.

Không gian cõi Trần là thật, và thời gian mà phần Hồn lưu lại ở đây là điều có thật. Nó được minh chứng bằng những lời kể của những người gọi là chết rồi sống lại và họ chỉ có thể kể lại những thực cảnh có ở cõi Trần từ không gian của cõi Trần chứ không phải ở cõi nào khác. Bởi họ chưa thực sự thành Vong hồn. Họ còn phải trải qua một quá trình chuyển dạng thức mới chính thức thành Vong hồn. “... TS. Goring nói: “Mỗi tôn giáo đều có hình ảnh thế giới sau khi chết. Nhưng những gì mà những người từ cõi chết trở về kể lại thì đều giống nhau không phân biệt tôn giáo...”⁽¹⁵⁾

Đúng vậy, bởi vì họ vừa chết đang còn ở cõi Trần dưới trạng thái “con người tàng hình”, vô ảnh.

2. Quá trình chuyển dạng.

Nếu không gặp cơ hội hi hữu để tái sinh tức thời. Sau 72 giờ đồng phần Hồn rời bỏ thực sự không gian cõi Trần sẽ bước vào tầng một của Trung giới, của chuyển dạng thức. Ở đây cấu trúc vòng lớp của phần Hồn rời nhau, sắp xếp lại thành một cấu trúc mới cấu trúc tầng nấc. Thân thức ở đầu, Vía ở giữa, Phách ở cuối song vẫn giữ nguyên dáng hình của phần Hồn ở kiếp người. Tức là con người đã chết với dáng hình thế nào thì Vong hồn có dáng hình đúng như vậy.

Sự thay đổi cấu trúc, thực thể bắc cầu này tạm thời không nhận biết gì. Họ ở trong đường hầm tối mịt và với lực hút làm biến đổi cấu trúc.

Từ thời khắc rời khỏi phần Xác - thân thể đến lúc kết thúc quá trình chuyển dạng từ “con người” - phần Hồn thành Vong hồn mất 49 ngày đêm, 1176 giờ. Nếu trừ 72 giờ “Cận tử” ở không gian của cõi Trần, phần Hồn trải qua trong đường hầm tối để chuyển dạng là 1104 giờ. Đây chỉ là cách tính toán học máy móc, thực tế thời gian không thể chần chẫn như vậy. Vì thế người Trần làm lễ 50 ngày cho người chết vì quan niệm đây là mốc mà một con người thực sự hết hẳn kiếp người để thành kiếp Vong hồn.

Tục lệ 50 ngày rồi 100 ngày do đâu mà dân gian áp dụng, và từ bao giờ? Có thể từ một thực tế có thật mà Đạo Phật nhận thức được. Đó là sau thời gian hành tu đủ hình thức, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi “định thiên” trong trạng thái “Kiết già” và “Tịch thực” (không ăn, không uống) dưới gốc cây Bồ Đề ở nước Brakhma Ấn Độ trong 49 ngày. Sau 49 ngày Đức Phật chứng ngộ Niết Bàn (chính thức thành Phật). Tất nhiên danh hiệu này là con người cõi Trần phong tặng cho Ngài vì công đức vô

lượng, giáo huấn chúng sinh sau khi đã chứng ngộ đi phổ độ các nơi, giảng giáo các đệ tử môn đồ chấp đạo.

49 ngày, “Thất tuần di dạng” ngài Thích Ca Mâu Ni thành Phật. Ngay ở trong thân xác cũ của Ngài là siêu linh tối thượng mà không còn là phần Hồn của Ngài Mâu Ni tu hành nữa. Ngài cần cái thân xác cũ để “hiện thực hành đạo, độ thế” một thời gian suốt 45 năm nữa cho trọn 80 năm ở cõi Trần tục của thân xác vật lý của Ngài.

Qua đó cho thấy quá trình từ một con người để thành Vong hồn phải trải qua một thời gian chuyển dạng giống sự chuyển dạng của một số loài sinh vật bậc thấp mà tự nhiên đã hé mở cho loài người cái bí mật của sự chết là thế nào.

Hãy quan sát con tằm, con sâu, con bọ v.v... khi chúng hết kiếp sâu bọ, chúng nằm trong kén (nhiều dạng). Đó là thời gian chuyển dạng của chúng mà thực ra chúng không chết (ở đây cần hiểu là diễn biến tuân thủ Thuyết tự nhiên mà không phải ngoại lệ bất tuân quy luật hợp thức) chúng chuyển dạng thức - thực hiện sự chết, từ loài sâu bọ thành các loài khác phù hợp với loài tiền kiếp của chúng, ví dụ thành loài ngài mà tiền kiếp là con tằm; hay là loài bướm các loại mà tiền kiếp là các loại sâu; loài ve mà tiền kiếp là các loại bọ vân vân. Nghĩa là chúng chuyển từ dạng thức sinh thực thô sang dạng thức hấp thụ tinh, từ dạng thức dịch chuyển trên mặt đất sang dạng di chuyển bằng bay lượn trong không gian!

Tất nhiên, thực trạng của hiện tượng diễn ra đều ở cõi Trần theo nhận thức của loài người. Song đối với các loài đó thì có thể khác. Cõi Trần cũng có tầng nác và trạng thái khác nhau: Trong lòng đất, dưới nước, trên bề mặt đất và trên không gian, là ở trạng thái: đặc, lỏng, loãng.

Và có lẽ con sâu cũng không nhìn thấy con bướm và cũng không biết đích xác con bướm là từ con sâu mà thành!

Chúng cũng mơ hồ như con người mơ hồ về Vong hồn vậy! Song con người là đáng tối cao của muôn loài, có trí tuệ siêu việt có thể xem xét, nghiên cứu làm sáng tỏ các hiện tượng tự nhiên có thể bằng nhiều phương pháp tiếp cận: Thực nghiệm, suy luận, dự báo, phỏng đoán v.v... để nhận thức, nhận biết về tự nhiên và về mình.

Trí thông minh của loài người đã từng phát triển đến đỉnh cao ở nơi ở cũ, tiếc thay lại phải trở về con số gần như không ở Trái đất để rồi lại phải từ từ phát triển như đến ngày nay. Và chắc chắn sẽ phát triển tiếp tục cho đến khi loài người có thể rời khỏi Trái đất này đến nơi cư trú khác trong Bao la. Khai khẩn miền đất mới nếu không thuận lợi loài người có thể lại bước vào thời mông muội như loài người đã từng phải trả giá khi rời đến Trái đất cách triệu năm trước.

Phải chăng mộng muội đến văn minh rồi lại từ văn minh đến mộng muội là do chính con người tự tạo ra quy luật này?

Mọi bí mật luôn đặt câu hỏi để khám phá, để tìm hiểu.

3. Sự chết của con người.

Có thể phân thành 2 giai đoạn: giai đoạn “Cận tử” “lâm sàng”, “con người tàng hình”. Và giai đoạn chuyển dạng để sang Vong hồn.

Đạo Phật gọi giai đoạn đầu là “Thân Trung âm” và Đạo Phật cho rằng sự chết chỉ có giai đoạn Thân Trung âm, tức người chết là rơi vào trạng thái “Thân Trung âm” rồi tái sinh ngay sau đó vào 10 cõi... Ví dụ “... Ngay khi Thần thức lìa luân xa tim, Thân Trung âm bắt đầu - trừ các trường hợp của các vị tu hành cao, thác sinh vào cảnh Trời vô sắc của các cõi vô (không) vô biên giới, thức vô biên giới, các “cõi không” hoặc là các cảnh giới cao nhất của cõi luân hồi, thì đi tái sinh ngay sau khi chết. Những người thác sinh (chết) vào các cõi dục giới và sắc giới thì vẫn phải trải qua Thân Trung âm, trong đó những người này sẽ mang hình dáng của thân tái sinh tương lai. Thân Trung âm có đầy đủ 5 giác quan và có cả nhãn thông có khả năng đi xuyên qua vật chất và bay ngay lập tức đến nơi mình muốn...”⁽¹⁶⁾ và lại nữa: “...Thân Trung âm cũng có thể thấy được các Thân Trung âm cùng thể loại (tức là cùng đi tái sinh). Các loại thể khác nhau là: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, Người, A-tu-la và Trời. Các đồng cốt cũng có khả năng thấy được Thân Trung âm”⁽¹⁷⁾.

Như vậy Thân Trung âm theo quan niệm của Đạo Phật có vài ý giống quan niệm của tri thức tâm linh như phần Hồn mới tách khỏi thân xác, và “có đủ năm giác quan” và lại có thể đi tái sinh ngay. Khác là vào 10 cõi; người tu hành thì không vào “Lục đạo” (6 cõi) đã nêu trên mà họ “lên ngay bốn cõi cao”. Như vậy các thầy tu không qua Thân Trung âm. Các thành phần khác phải qua Thân Trung âm chờ tìm nơi tái sinh ngay theo nghiệp đã tạo ra khi ở kiếp người. Theo quan niệm này sự chết không qua quá trình thành Vong hồn; và nữa “... có nhãn thông đi xuyên qua vật chất và bay đến nơi mình muốn...!”. Vậy thì ai lại muốn tái sinh thành Ngạ quỷ, Súc sinh và lại càng không ai muốn vào Địa ngục! Hơn nữa, quan niệm này vô tình đã loại bỏ nghiệp báo mà Đạo Phật quán triệt!

Đức Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni chưa từng một lần nói về việc này. Ra đời năm 625 trước công nguyên, 29 tuổi từ bỏ mọi sang giàu quyền thế, Thích Ca Mâu Ni đã trải 6 năm hành tu với cả hai hình thức tu luyện cực đoan: hành xác và hành dục. Ngài đã tự mình tìm được phương pháp “Trung đạo” con đường dẫn tới chân lý của Đạo Phật để rồi ở tuổi 35, dưới gốc cây Bồ Đề sau 49 ngày định thiền, tịnh thực Ngài đã hóa siêu linh mượn thân xác cũ của chính mình (tái sinh) tiếp tục hạnh đạo

thuyết giảng những điều Ngài đã chứng ngộ. Suốt 45 năm tiếp theo trong thân xác cũ cho trọn 80 tuổi, Ngài mới từ giã cõi Trần để về Thượng giới của Ngài. Điều này nhiều ngộ nhận Ngài vẫn là Ngài suốt 80 năm qua. Và sự thực, Ngài đã cũng phải tuân thủ quy luật tự nhiên: Sinh lão bệnh tử. Sai! Sự thực, trường hợp của Ngài hoàn toàn ngoại lệ. Ngài đã trải qua sự chết để thành siêu linh và đã mượn xác cũ nhập vào để thực hiện sứ mạng thực sự mà tâm nguyện cao nhất của Ngài từ lúc xuất thế tu tập (29 tuổi) và sau 6 năm chưa làm được. 45 năm trong phần xác mượn, Ngài đã hoàn thành tâm nguyện phổ độ chúng sinh khỏi vòng u mê qua các giáo lý cơ bản uyên thâm, hàm súc cao siêu, song không dễ nhận thức, không dễ hiểu hết. Ai có đủ tuệ căn mới có thể thấu triệt được phần nào các ý đạo của Ngài.

Hay xem ví dụ Đức Phật nói: “... Ai cho rằng Niết Bàn là không có gì cả... Kẻ ấy nhầm! Ai cho rằng nhập Niết Bàn là thường còn, vĩnh cửu, thực có mãi mãi... Kẻ ấy cũng lầm”⁽¹⁸⁾.

Qua câu nói trên cho thấy Đức Phật đã thành siêu linh đã biết cõi Niết Bàn và thường xuyên lui về thăm viếng Niết Bàn trong suốt 45 năm đầu thân xác Ngài vẫn tại túc ở cõi Trần. Do đó Ngài hiểu thấu về Niết Bàn. Và theo tri thức tâm linh, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thấu hiểu “Thuyết tự nhiên: “mọi dạng thức thực thể đều có giới hạn thời gian tồn tại” Niết Bàn là cõi cùng với cõi Trần tồn tại trong Bao la. Nhưng khác dạng thực thể “nhập Niết Bàn là thường còn, vĩnh cửu... Kẻ ấy cũng lầm...”. Nghĩa là thần, tiên, Phật cũng không thể “thường còn”, giống con người ở cõi Trần họ cũng phải chuyển dạng thức thực thể khi vào sự chết về lại cõi Trần.

Sau khi Đức Phật về cõi Niết Bàn, giáo lý của Ngài thường do hậu thế thêm thắt, suy diễn, bổ sung... theo chủ ý của quá nhiều Tông, Phái lẫn lộn, hỗn loạn quá nhiều; nhất là có những người lợi dụng bởi nhiều kiểu tham dục! đã làm sai lệch nhiều chân lý cao cả của giáo lý mà Đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã để lại cho đời ngay đương thời Ngài còn tại cõi Trần tục.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng viết: “Đêm ngủ cõi Rồng lên Thượng giới tỉnh ra trong ngục vẫn nằm tro”. Phải chăng 2550 năm trước (Phật lịch), Đức Thích Ca Mâu Ni Phật cũng từng đêm về Niết Bàn, ngày xuống Hạ giới suốt 45 năm rồng?

Chân lý là ai đã từng chứng nghiệm mới hiểu đúng và nói được sự thực.

Một triết gia nổi tiếng người Đức khi luận bàn về Đạo Phật và về cõi Niết Bàn mà các Phật tử hay một số người mơ ước sau khi mình chết được về nơi ấy đã từng phát biểu rằng:

“... Cho dù chúng ta viết thành một bộ sách dày để luận về vấn đề giải thoát của Đạo Phật thì ngôn ngữ văn tự của loài người cũng đành bất lực, không thể diễn tả

nổi. Vì lẽ, dù có nói như thế nào cũng vẫn chưa đúng hẳn, và phải là đã từng tu hành chứng nhập được Niết Bàn rồi thì mới nói chuyện Niết Bàn được...”⁽¹⁹⁾. Vâng, quan điểm như thế mới thực sự khoa học, mới hợp đạo. Và qua đó, ta phải tin rằng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thành siêu linh, đã thường chứng Niết Bàn nên Ngài mới thẳng thắn công khai trước môn đệ đương thời trả lời giải thích về Niết Bàn rõ ràng được (như đã dẫn ở trên).

Trở lại sự chết xảy ra 2 giai đoạn theo Tri thức tâm linh là Cận tử và chuyển dạng thức thực thể như đã trình bày. Những “con người tàng hình” ở trạng thái Cận tử không có may mắn trở lại cõi Trần “tái sinh tức thời” phải qua một quá trình chuyển dạng - lột xác thành Vong hồn (giống con sâu thành con nhộng đủ thời gian chuyển dạng, nó lột xác nhộng để thành con bướm bay lượn). Lúc này, tùy thuộc năng lượng tồn dư và ký ức sâu đậm còn trong Thân thức của Vong hồn, Vong hồn sẽ đi tiếp. “... Sự chết chỉ là giai đoạn chuyển tiếp chứ không phải là hết. Vũ trụ có rất nhiều cõi giới chứ không phải chỉ có cõi này... Khi vừa chết, thể chất cấu tạo cái Vía (phần Hồn) được sắp xếp lại lớp thanh nhẹ trong cùng, lớp nặng trọc bọc phía ngoài... Cấu tạo bằng nguyên tử rung động chậm và nặng nề...”⁽²⁰⁾. Đây là lời giải thích của Hamud El Sarim, một pháp sư Ai Cập có kiến thức rất rộng về cõi Vô hình vì là đối tượng nghiên cứu của ông trong cuộc trao đổi của ông với Giáo sư Evans Went người Mỹ trong chuyến khảo cứu văn hóa ở Ấn Độ vào những năm 50 của thế kỷ 20 cùng một đoàn các nhà khoa học thực hiện chuyên đề nghiên cứu về văn hóa phương Đông.

Tất cả những điều đã trình bày là vấn đề sau khi con người từ già cõi Trần của riêng phần Hồn, cái có thể gọi là một “con người ẩn” trong phần Xác, thân vật lý vô thức.

Vậy sự chết đối với phần Xác thì sao?

4. Sự chết của phần Xác.

Thân xác đã tổ hợp các thành tố bản chất vật lý thô có trong tự nhiên: Không khí, nước và trong đất, theo thuyết Ngũ hành phân thành: Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ được con người hấp thụ qua hít thở và sinh thực. Ban đầu khi còn trong bào thai, thân xác của thai nhi được “đắp” thành nhờ vào sự chia sẻ của thai phụ. Khi ra ngoài đời, hài nhi phải hấp thụ tự thân các thành tố sinh học từ hít thở, ăn uống để thân xác - phần Xác phát triển và hoàn thiện dần dần, đồng thời duy trì mọi hoạt động sống mà bản thân phần Xác phải đảm nhiệm theo sự chỉ đạo của phần Hồn trong suốt quá trình tồn tại ở cõi Trần. Có thể nói, phần Xác là hoàn toàn vô thức. Mọi thứ cảm nhận đều là phản ứng của phần Hồn, con người thực tàng ẩn trong thân xác. Nói cách khác, phần Xác chỉ là cái vỏ bao lấy cái cốt - phần Hồn.

Khi sự chết bắt đầu, phần Xác sẽ dần dần rời rã và tan rữa trở lại các thành tố vật lý tự do vào không khí, nước và đất. Đó gọi là quá trình “hoàn nguyên”.

Phần Xác không còn gì hết theo đúng quan niệm khoa học duy vật thực nghiệm “chết là hết” là biến thành hư vô. Sau cái chết, sự chết đang còn ở giai đoạn đầu: Cận tử - Lâm sàng - Thân Trung âm hay Con người tàng hình vô ảnh, phần Hồn tái nhập lại thân xác hay được mượn lại (của các đấng siêu linh), thậm chí của một linh vong có cơ duyên nào đó trong khoảng thời gian lưu tồn (72 giờ), phần Xác lại hoạt động trở lại bình thường. Song điều kiện là phần Xác phải còn giá trị, còn năng lượng vận hành chưa bị các tác nhân trong tự nhiên đã, đang bị phá hủy (bệnh tật do vi khuẩn siêu vi - các vi sinh vật...). Gặp những phần Xác đã hư nhiều, “con người” có sống lại đó cũng khó tồn tại lâu. Phần Hồn cũng đành phải rời bỏ để về cõi Vong! Phần Hồn nếu bị phá tán chỉ là chuyển dạng thức mà không phải là bị “chết”, tức phải “hoàn nguyên” thành các hạt điện sinh học hay các hợp tố sinh học, các hạt nhân sinh học hòa vào chu trình vận hành tự do trong Bao la. Phần Hồn có thể có nhiều lần chuyển dạng thức thực thể. Thời gian tồn tại cùng với các ký ức lâu hơn. Song cũng phải đến ngày hết hạn mức để trở lại cõi Trần hay hoàn nguyên tuân thủ Thuyết tự nhiên “mọi dạng thức thực thể có hạn mức thời gian tồn tại, song không biến mất trong Bao la mà từ dạng thức này sang dạng thức khác”. Đồng quan niệm này, tôn giáo cũng có phần nhận thức: “... tái sinh là tính liên tục của Thần thức. Tâm thức chúng ta là một dòng chảy liên tục của những quan niệm sinh, diệt không ngừng... Những người hoặc là trẻ con, hoặc là người lớn đã nhớ lại kiếp trước của mình... Phật nói về các cuộc sống trước của Ngài đã đủ khẳng định có tái sinh...”⁽²¹⁾

Ngay cả các siêu linh: Phật, Chúa, Thần, Thánh cũng có thời gian tồn tại ở dạng thức của mình và ở cõi của mình “nhập Niết Bàn là thường còn là vĩnh cửu, thực có mãi mãi... kẻ ấy cũng làm”⁽²²⁾. Đó là lời khẳng định của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nghĩa là không thể có cái gì là vĩnh cửu.

CHƯƠNG 5

CÁC LOẠI VONG HỒN VÀ VIỆC THU NĂNG LƯỢNG CỦA CÁC VONG HỒN

I. CÁC CỖI GIỚI CỦA CÁC VONG HỒN

Cõi giới trong Bao la theo Tri thức tâm linh phù hợp với quan niệm dân gian gồm: Hạ giới, Trung giới và Thượng giới.

1. Hạ giới

Hạ giới còn gọi là cõi Trần - Dương gian, Dương thế, nơi con người hiện diện ký sinh trên Trái đất có không gian và thời gian tổng thể bao trùm và khu biệt đặc trưng vùng miền, khu vực, dân tộc v.v...

Hạ giới là cõi thực, nơi con người hiện hữu, nơi con người và mọi sinh vật có bản năng và bản ngã nên còn gọi là cõi Trần tục, nơi con người là chúa tể. Con người có thể bộc lộ mọi khả năng trí tuệ và thể lực, sức mạnh và ước mơ, nơi có đầy đủ mọi điều kiện, mọi thứ để con người thỏa mãn cuộc sống và mưu cầu hạnh phúc.

Có thể nói trong Bao la, cõi Trần là cõi tuyệt vời nhất khi đang ký sinh trên quả địa cầu, ngôi nhà chung của loài người và muôn loài động, thực vật. Tiếc thay, con người đang tự mình phá hủy dần nơi cư trú tuyệt vời nhất ấy.

Phải rời bỏ cõi Trần - Trần tục thật sự, nơi hạnh phúc nhất mà con người được gọi là sống thực là điều tiếc nhất, đáng lưu luyến nhất. Các cõi khác, những nơi mà con người ở dạng thức Vong hồn, sẽ tới là “Không”. Ngay cả “... tới được Niết Bàn, tức là nhập cái vô”⁽²³⁾. Vô là “Không” ngược với “Hữu” là có ở cõi Trần.

2. Trung giới.

Trung giới là một trong các cõi vô hình, siêu thực theo cách gọi của loài người. Vì với đại đa số con người chỉ bằng 5 giác quan của mình không nhận thấy được chúng. Trung giới cũng tương tự cõi Trần - Hạ giới có sự sống của các sinh vật ở các tầng khác nhau: trong đất, trên mặt đất, dưới nước, trên khoảng không; tuy coi sự phân chia tầng sống, song các sinh vật cùng tồn tại, xen kẽ, thâm nhập nhau trong

cõi mà không phải có sự tách biệt tuyệt đối.

Ở Trung giới có 5 tầng; tầng 1 hầm, cửa vào cõi vong, nơi phần Hồn nhập vào quá trình chuyển dạng thức có thể gọi là “tầng mù, hầm đen tối”. Vì các phần Hồn đang bị sắp xếp lại (giống con sâu đang trong kén hóa nhộng) cấu trúc để thành dạng thức mới, dạng thức Vong hồn.

Sau khi hoàn tất quá trình chuyển dạng, Vong hồn nào có năng lượng lớn, tinh nhẹ sẽ bay lên tầng cao nhất của Trung giới. Đó là các loại linh vong đã có phần tu luyện ở cõi Trần.

Số Vong hồn có năng lượng tinh nhẹ thấp hơn, và trong Thần thức không mang đậm ký ức lưu luyện cõi Trần. Những loại linh vong này sẽ lưu lại ở tầng 4 của Trung giới.

Những Vong hồn là vong linh có nguồn năng lượng vừa nhẹ. Họ là các vong linh thiện sẽ lưu lại tầng ba (tạm phân biệt như vậy).

Những Vong hồn là vong linh có nguồn năng lượng yếu hoặc quá yếu, và cả những vong linh tuy có năng lượng vừa nhưng trong Thần thức còn tàng lưu nhiều ký ức xấu - dục ước (quá lưu luyện các việc cõi Trần) sẽ lưu lại tầng 2. Loại vong linh này thường trà trộn vào cõi Trần để tìm cách thỏa mãn các dục ước của họ “... trong bảy cảnh giới của cõi Âm thì cảnh thức có rung động nặng nề, âm u nhất, nơi chứa các vong linh bất hảo, những kẻ sát nhân, người mổ sẻ súc vật, những căn bã xã hội, những kẻ tư tưởng xấu xa còn đầy thú tính... Những vong linh này luôn oán hận, ham muốn, thù địch và thường tìm cách trở lại cõi Trần. Tuy theo dục vọng riêng mà chúng tụ tập quanh các nơi thích ứng, dĩ nhiên là người cõi Trần không nhìn thấy. Chúng là những loài ma đói khát quanh quẩn nơi quán xá, mổ sẻ súc vật... Những ma dục tình thì quanh quẩn nơi lầu xanh... Đôi khi các loại ma này cũng tìm cách ảnh hưởng, xúi giục con người nếu họ yếu đuối, non nớt... Nếu người sống sử dụng rượu, các chất kích thích thì ngay trong giây phút mà họ không còn tự chủ được nữa, các loài ma tìm cách nhập vào trong thoáng giây để hưởng một chút khoái lạc vật chất dư thừa...”⁽²⁴⁾. Đó là khẳng định theo nhận biết của Hamud, một pháp sư Ai cập sống ở Ấn Độ với giáo sư Spalding người Mỹ trong chuyến ông khảo cứu văn hóa ở Ấn Độ thời thập kỷ 50 của thế kỷ 20. Dân gian xem loại vong hồn này là “ác vong” vì rằng: “...Giống như con người, một số linh hồn rất đáng sợ (thường được gọi là ma) và một số linh hồn rất tử tế...”⁽²⁵⁾ James Van Praagh, một nhà ngoại cảm Mỹ khẳng định. Con đường đi tới của loại vong linh ở tầng này là vô thường, vô định. Gặp cơ duyên may được hút vào cửa sinh của người, họ tái sinh lại “kiếp người”. Sẽ bất hạnh nếu họ bị hút vào cửa sinh của các đại súc sinh, họ sẽ thành kiếp súc sinh! Nếu bị các tương tác mạnh của các tác nhân tự do trong không gian

cõi, họ sẽ bị va đập, cộng với năng lượng tự thân quá yếu, họ sẽ bị tan thành các hạt tự do - bị “hoàn nguyên” sớm.

Ở tầng này có đủ hạng vong linh: hài nhi, già yếu bệnh hoạn, trẻ em, ác vong, oan vong, sâu hận vong v.v... Nói chung là các vong linh bất hạnh, bất hảo v.v...

3. Thượng giới.

Thượng giới, nơi thường gọi với các tên: Cõi Trời, Niết Bàn, Tây phương cực lạc, Đông Phương lưu ly quang, cõi Phật, đất Chúa, đất Thánh v.v...

Thượng giới là tầng cao nhất, theo quan niệm về các cõi giới vô hình, ở đây có các phân khu (theo quan niệm tôn giáo: Cõi Phật Tây Phương, Đông Phương; nước Trời, đất Chúa (chúa Jesus) và Niết Bàn rất khu biệt!

Ở tầng cao này - Thượng giới là nơi các siêu linh lưu lại. Họ là các thực thể tinh tế, cấu trúc bằng các hạt nhân nguyên tử, năng lượng siêu việt do khi ở kiếp người và kiếp vong ở các tầng của Trung giới nhờ tu tập công phu, gột rửa tâm thức, quá trình tu luyện đã thanh lọc mọi thành tố thô, thần thức trong sáng, năng lượng tồn dư lớn và là năng lượng hạt nhân. Họ bay lên trên cao nhất ngay khi chuyển dạng thức vừa xong hoặc chuyển lên cao dần. Ở nước Trời có các Thần, Thánh, Tiên, Hiền nhân v.v...

Ở nước Phật, Tây Phương, Đông Phương, Niết Bàn có các Chư Phật, Chư vị Như Lai, Bồ Tát, Sư Tổ v.v...

Ở đất Chúa có Đức Chúa, các Tông đồ của người v.v...

Thượng Giới là nơi các siêu linh - các đẳng tối cao ngự trị. Đối với Người trần, Thượng giới cũng là cõi vô hình; ấy vậy mà tôn giáo luôn khuyến khích chúng sinh nên vươn tới, phấn đấu tu luyện, gạt bỏ mọi dục vọng để đến được Thượng giới - Niết Bàn. Thực ra là để chóng được trở thành kiếp người ở vòng đời sau tốt đẹp hơn.

Những thức giả thường tự hỏi cõi giới ấy thế nào? Niết Bàn là gì?

Mỗi Tôn giáo có cách gọi riêng để chỉ về cái cõi vô hình mà chẳng bao giờ mất đi cảnh cực lạc viên mãn của kiếp người sau khi chết! Cùng một nơi, vậy mà biết bao cách gọi?

Đạo Thiên Chúa gọi nơi ấy là Nước Trời.

Đạo Hồi dùng từ Thiên đàng.

Ba-La-Môn giáo thường gọi Brahama v.v...

Đặc biệt Đạo Phật có nhiều quan niệm lý giải về nơi gọi là: Tây Phương Cực lạc, Đông Phương hoan hỷ, đất Phật an bình tĩnh thái v.v... ở các Tông phái, Kinh, sách của các Đức vọng cao cả, môn đồ của Đức - Thích Ca Mâu Ni...

Với quan niệm “... Hạnh phúc ở cõi Trần chỉ là phù du... sự nghiệp lừng lẫy, công danh, phú quý... Chúng ta phải buồn bã từ giã cõi Trần với hai bàn tay trắng”(26), Đạo Phật chỉ ra nơi không mất ấy như: Theo Phật Giáo Nguyên Thủy Nam Tông: “Vào Niết Bàn - Brahuca tức là hết luân hồi, không còn hành động tạo nghiệp nữa. Nghĩa là không còn ý tưởng “thường” “có” về thế giới bên ngoài và bản thân ta nữa”.

Đại Thừa Phật Giáo Bắc Tông: Niết Bàn không phải “vô”, là tiêu diệt hết thảy mọi ý tưởng “hữu” (có) và “vô” (không). “Các pháp thế gian cũng là Niết Bàn”(27) ! và “Cái gì không tới không lui, không thường, không đoạn, không sinh không diệt... Cái đó gọi là Niết Bàn”(28). Đó là cách lý giải về Niết Bàn - Cõi Trời - Thượng Giới của Ngài Bồ Tát Long Thọ bác lại Ngài Bồ Tát Thế Thân (cả hai đều được xem là tiêu biểu cho phái Đại thừa lúc sơ khai đến Tổ Huệ Năng là Tổ cuối cùng của Đại Thừa Phật Giáo Bắc Tông ở Trung Quốc) xem Niết Bàn là một sự vật thật có (Bhava), trong khi Ngài Bồ Tát Long Thọ lại xem “Niết Bàn là vô vi, không cần chất liệu để được cấu tạo nên. Niết Bàn cũng không là một sự vật, không thật có (Abhava)!”.

Qua đó cho thấy nhận thức về một vấn đề thôi mà ngay hai vị Bồ Tát của cùng một Tông phái còn có ý kiến hoàn toàn trái ngược!

Tại sao họ không căn cứ vào câu nói của Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni, người đã chứng Niết Bàn nói cho biết rằng: “... Niết Bàn là không có gì cả... kẻ ấy lầm!”(29) và rằng “... Nhập Niết Bàn là thường còn, vĩnh cửu, thực có mãi mãi... Kẻ ấy cũng lầm!”. Đức Phật đã khẳng định rằng Niết Bàn là có thật. Và nhập vào được Niết Bàn rồi thì cũng không phải sẽ được trường tồn, bất diệt đâu. Ở cảnh giới nào, cho dù ở cõi Thượng Giới - Niết Bàn - Thiên Đàng - Nước Trời..., các dạng thức thực thể đều phải tuân theo quy luật tự nhiên mà Thuyết Tự nhiên đã chỉ rõ: “Có hạn mức thời gian tồn tại...”, có sinh có diệt chỉ có điều là không phải diệt là mất đi hoàn toàn, là biến mất hoàn toàn trong Bao la; mà diệt là hoặc sẽ chuyển dạng thức, hoặc sẽ hoàn nguyên. Tất cả các thực thể luôn còn trong Bao la hoặc ở dạng thức này hay dạng thức khác mà thôi. Và nữa, trong Bao la có các cõi giới khác nhau ở các trạng thái khác nhau và có các đặc thù riêng, không gian và thời gian khu biệt.

Về Niết Bàn - Thượng giới, Đạo Phật có rất nhiều ý kiến bàn thảo của nhiều Tông phái, của nhiều chư vị chức sắc cao đạo và cả các học giả uyên thâm nghiên cứu về Đạo Phật có thể kể đến: Quan điểm về Niết Bàn (Thượng Giới) của Phật Giáo

Nguyên - Thủy - Nam - Tông; quan điểm về Niết Bàn của Đại - Thừa - Phật - Giáo - Bắc - Tông; Quan điểm kinh - điển Phật - Giáo - Bắc - Tông; Quan điểm về Niết Bàn qua Kinh Lăng - Nghiêm; quan điểm qua Kinh Kim - Cương - Bát - Nhã; quan điểm về Niết Bàn qua Kinh Diệu - Pháp - Liên - Hoa; quan điểm về Niết Bàn qua Kinh Viên - Giác; quan điểm về Niết Bàn qua Kinh Đại - Bát - Niết - Bàn; quan điểm Niết Bàn qua Kinh Hoa - Nghiêm; quan điểm về Niết Bàn của Tiểu - Thừa - Phật - Giáo; quan điểm về Niết Bàn của Duy - Thức - Pháp - Tướng Tông; quan điểm về Niết Bàn của Bộ - Trì - Độ - Luân; quan điểm về Niết Bàn của Lục Tổ Huệ Năng; của Mã Minh Bồ Tát, của Bồ Tát Long Thọ, của Bồ Tát Thế Thân, của cả Văn học Bát Nhã v.v...

Bàn về Niết Bàn - Thượng Giới còn có nhiều ý kiến của các Pháp sư và các nhà khoa học Châu Âu, Châu Mỹ và Châu Á. Các nhà khoa học về tôn giáo, đặc biệt là nghiên cứu về Đạo Phật qua tiếng Pali khi nghiên cứu kinh điển Nam Tông Phật Giáo. Đó là ngôn ngữ gốc mà không qua dịch (tam sao thất bản) để hiểu thấu triệt quan điểm chính thống của Phật giáo. Họ nhận xét Niết Bàn - Thượng Giới theo nhận thức của họ qua các quan điểm lý giải Niết Bàn của Đạo Phật chỉ là: “Hiện tượng, ngoài hiện tượng, không còn gì cả. Ngũ uẩn con người (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) chỉ là một mớ hiện tượng kết hợp và đột biến, không có một bản ngã thường tồn... hay không có cái gì ngoài Ngũ uẩn cả...”⁽³⁰⁾.

Nhận thức của họ chỉ là hiểu về phần Xác và cấu tạo phần Xác mà Đạo Phật gọi là Ngũ uẩn. Niết Bàn nơi vong hồn là chủ nhân. Họ không có Phần Xác - Ngũ uẩn. Họ chỉ là bóng hình thấu suốt và cõi vô hình, siêu hình cũng vậy mà thôi.

Các cõi giới không nằm ngoài định luật tự nhiên ở ba dạng trong Bao la là đặc, lỏng và hơi. Các loại dạng thức thực thể cũng vậy. Cõi vô hình có thể xem là cõi ở dạng hơi, vong hồn cũng vậy. Và theo luật tự nhiên: nặng ở dưới nhẹ ở trên. Cõi vong ở trên là thể. Chủ nhân của các cõi này là các loại vong hồn có cấu tạo hình thể mạng lưới gồm các nguyên tử hay hạt nhân nhẹ dần từ tầng một của Trung giới đến tầng 5 và vô cùng nhẹ loãng ở Thượng giới.

II. VIỆC THU NĂNG LƯỢNG CỦA CÁC LOẠI VONG HỒN

1. Năng lượng ở cõi vong

Vong hồn muốn tồn tại cần có năng lượng. Năng lượng mà các loại vong hồn ở Trung Giới hay Thượng Giới cần là năng lượng sinh học ở dạng tinh khiết dần. Tức là từ nguyên tử sinh học thô ở 5 tầng của Trung Giới.

Ở Thượng giới các loại siêu linh có năng lượng hạt nhân sinh học nhẹ và sạch.

Thượng giới cũng có 3 tầng phân biệt, phù hợp với năng lượng hạt nhân trong sạch và thuần khiết dần đến hoàn hảo theo các loại siêu linh. Ví dụ bắt đầu tầng thấp từ các thần linh - devas như: Cảm dục thiên thần - Kamadeva hay Hữu sắc thiên thần - Rupadeva, Vô sắc thiên thần - Arupadeva các Thánh rồi đến các Bồ Tát, Như Lai, Tông đồ... và ở tầng cao hơn đến các đẳng tối cao như: Trời - God, Đức chúa Jesus, Đức Phật - Buddhists.

2. Việc cảm thụ năng lượng của các vong hồn ở trung giới

Như đã trình bày ở phần trên cho thấy, Trung giới là cõi vô hình, có 5 tầng phân chia theo các cấp độ cao dần mà từng loại vong hồn lưu lại. Đó là các vong linh và các loại linh vong. Sự phân loại này phụ thuộc vào độ tinh khiết của năng lượng mà vong hồn tầng chứa và hấp thụ. Bản chất loại năng lượng thô nặng ở dưới, nhẹ ở trên, tinh nhẹ ở tầng trên cao hơn.

3. Ở tầng hầm, cửa vào cõi vong - Trung Giới.

Ở tầng này, phần Hồn của con người (quan niệm khác là linh hồn) bước vào quá trình chuyển dạng thức thực thể.

Lúc này là phần Hồn của con người, tạm coi là “con người tàng hình”. Vì người thường thì không thể nhìn thấy họ nữa ngoài thân Xác vật lý lạnh cứng đang bất động. Phần Hồn đang chuyển sang dạng thức thực thể vong hồn.

Năng lượng của họ là năng lượng tồn dư của người đã tích tụ chuyển sang. Mọi sự hấp thụ năng lượng trong thời gian chuyển dạng đều dừng lại (giống con nhộng trước khi thành bướm hay thành con bọ). Kết thúc quá trình thành vong hồn, vong hồn chuyển thẳng vào các tầng của Trung giới tùy khả năng năng lượng của từng vong hồn khác nhau. Nghĩa là có số thành vong linh do năng lượng yếu và thô nặng, Thần thức còn nhiều ký ức dục vọng nặng nề sẽ ở tầng 2, thấp nhất. Số khác lên các tầng 3, 4, 5 là các tầng lưu lại của linh vong có các cấp độ năng lượng và ký ức rất khác nhau. “... nhịp độ rung động mà tạo ra các cảnh giới khác nhau”⁽³¹⁾. Khi ổn định ở tầng lưu lại của mình, các loại vong linh cũng như linh vong mới bắt đầu tự tìm cách hấp thụ năng lượng theo ý tưởng và ký ức của họ xui giục, thúc đẩy tùy vào điều kiện môi trường mà họ gặp được.

4. Thu năng lượng của các vong linh

Ở tầng 2, các vong linh gồm nhiều loại khác nhau. Ban đầu các vong linh ở đây hấp thụ năng lượng sinh học thô xanh từ các loại hạt điện sinh học dương và âm có trong không gian tầng 2 gần với cõi Trần - Hạ giới nên hầu hết các vong linh thâm

nhập thường xuyên vào cõi này. Tầng hai nặng nề và tăm tối, dày đặc các tương tác bất lợi của môi trường (sóng điện, hạt, từ, gió v.v...).

Ở tầng hai tá túc nhiều loại vong linh, có các vong linh vô cùng yếu ớt. Đó là các vong linh bé nhỏ đủ loại, các vong linh quá già yếu không còn nhiều năng lượng tồn dư. Những vong linh này tồn tại và vận động nhờ ý tưởng hấp thụ năng lượng thụ động là chính mà khó chủ động chọn lọc, hấp thụ nguồn năng lượng xanh tự do có trong không gian. Loại thứ hai gồm các vong linh trẻ (bị chết theo nhiều kiểu) mang đầy dục ức trong Thần thức của họ như lưu luyến, tiếc rẻ, ân hận. Đồng thời cũng là nơi chứa các vong linh bất hảo, sát nhân, đầy ký ức thú tính (sát thủ, sát sinh, súc vật v.v...). Tuy loại vong linh này còn tồn dư nhiều năng lượng, song do trong ký ức của họ còn rất nặng nề về ham muốn, oán hận, thù địch... các vong linh này thường xuyên lui tới cõi Trần để tìm cơ hội thỏa mãn các ký ức xấu của họ.

“... tùy theo dục vọng riêng tư mà chúng tụ tập quanh các nơi thích ứng, dĩ nhiên là người cõi Trần không nhìn thấy họ... ma đói quanh quẩn ở các quán ăn uống, nơi mổ xẻ súc vật... chúng cũng tìm cách ảnh hưởng, xúi giục con người yếu đuối, non nớt... những người sử dụng rượu, các chất kích thích thì ngay trong giây phút mà họ không tự chủ được, loài ma tìm cách nhập vào...”⁽³²⁾

Tuy ký ức còn tàng dư nhiều, nhưng các vong linh ở tầng 2 này không bao giờ thỏa mãn được, vì không còn phần Xác, như đói không ăn được, khát không uống được, các dục vọng không thể thực hiện nên họ vô cùng “đau khổ” khác gì bị đầy địa ngục, bị tra tấn (chứ thực ra làm gì có địa ngục!). Cùng với thời gian, các ký ức của họ không được thỏa mãn sẽ phai nhạt dần, năng lượng tăng dần, các vong linh nhẹ dần do cách hấp thụ năng lượng được thay đổi từ các hạt điện sinh học nguyên tử, những vong linh chóng thích nghi, họ sẽ lên được các tầng 3, 4 hay 5, hoặc các vong linh chậm để bị chuyển dạng (sẽ được nói rõ ở phần sau).

Ở các tầng 3, 4, các linh vong đã thanh lọc được cấu tạo “thân thể” ở dạng nguyên tử, đồng thời các ký ức xấu - dục ức không còn nhiều nên thanh thoát dần nhờ đó họ lên cao dần. Các vong linh này chỉ hấp thụ năng lượng sinh học nguyên tử có trong Bao la. Họ thỉnh thoảng lại về Hạ giới - cõi Trần của con người. Họ không còn mấy dục ức thôi thúc họ nữa. Họ trở lại cõi Trần đôi lúc vì các lý do riêng khác nhau. Vì người thân còn sống cầu khẩn đến họ.

Ở tầng 5 cao nhất của Trung giới có các linh vong tốt, hiền và các tinh linh như: Thổ Địa; Phong Tinh, Thổ Công; Thần sông, Thần núi v.v...

Ở đây, họ cũng có các cách hấp thụ năng lượng phù hợp và họ cũng có các con đường đi tiếp tùy cơ duyên họ gặp được.

Tóm lại ở Trung giới, một cõi nằm giữa cõi Trần - Hạ giới và Thượng giới có tới 5 tầng phù hợp với các loại vong hồn khi họ lưu lại trong thời hạn mà họ có thể đi tiếp...

5. Thu năng lượng của vong hồn ở Thượng giới.

Ở Thượng giới chỉ có các vong hồn là các loại siêu linh.

Các siêu linh có cấu tạo đều là các hạt nhân sinh học của ba cấu tố: Thần thức, Vía, Phách vô cùng thanh nhẹ. Họ có nguồn năng lượng siêu mạnh: Họ không hấp thụ thường xuyên năng lượng như các loại vong hồn ở Trung giới mà theo chu kỳ thời gian.

Tuy ở tầng Thượng giới, tuy họ là ông Trời; Phật; Đức Mẹ; Phật Bà; Đức Chúa; Đức Chúa Jesus; Đức Phật Thích Ca; Đức Thánh Cha; Đức Chúa Trời ba ngôi, hay các Bồ Tát; các Như Lai; Tông đồ v.v..., tất cả đều phải tuân thủ quy luật mà Thuyết Tự nhiên đã đề cập là hạn mức thời gian tồn tại. Có điều, hạn mức thời gian tồn tại của mỗi dạng thức thực thể khác nhau là rất khác nhau. Nó tùy thuộc vào các cấu tố cấu tạo của thực thể đó. Các thành tố là thô hay tinh, là các hạt điện sinh học, các nguyên tử sinh học hay hạt nhân sinh học cấu tạo nên vong hồn ấy quyết định thời gian tồn tại ở mỗi cõi.

Các siêu linh ở các tầng khác nhau của Thượng giới đều có cấu tố là hạt nhân sinh học nên thời gian tồn tại dài lâu hơn các loại vong hồn khác mà thôi. Các siêu linh cũng sẽ phải đi chuyển dạng khi hết hạn mức giống như mọi dạng thức thực thể trong Bao la. Họ sẽ về đâu sau Thượng giới?

CHƯƠNG 6

VẤN ĐỀ KIẾP SAU CỦA CÁC LOẠI VONG HỒN

Trong thế giới vô hình, dù ở Trung giới Kamaloka hay Thượng giới mọi thực thể khi hết hạn mức tồn tại ở dạng thức của mình đều phải chuyển dạng thức khác. Họ có các con đường đi tiếp khác nhau để lại trở về nguồn gốc ban đầu: Đó là cõi Trần, Hạ giới. Hạ giới là cõi Trần tục, một cõi thực, là cõi khởi nguồn cho các cõi vô hình, siêu thực khác. Nghĩa là khi con người đã đi hết hai cõi vô hình kia nếu còn nguyên thể (chưa hoàn nguyên) hay đã hoàn nguyên rồi thì cuối cùng lại sẽ trở về cõi Trần tục để tiếp tục hoàn thiện hơn và lại nhập vào một chu trình chuyển dạng thức mới.

Trên con đường từ cõi thực đến cõi ảo, loài người phải trải qua vô vàn thử thách, tôi luyện để không ngừng hoàn thiện. Dù từ dạng thức loãng (phần Hồn) và đặc (phần Xác) con người sống với đầy đủ thực hình và hư hình chuyển sang dạng thực thể vong hồn hoàn toàn hư hình, không còn thực hình thì vẫn là “một con người ấy” với các nguồn năng lượng khác nhau tàng chứa mà thôi.

I. CON ĐƯỜNG ĐI TIẾP CỦA CON NGƯỜI MỘT LOẠI THỰC THỂ CỦA CỐI TRẦN TỤC

Con người sau khi rời khỏi cõi Trần tục sẽ đến cõi vong hồn. “... Sự chết chỉ là một giai đoạn chuyển tiếp chứ không phải là hết. Vũ trụ có rất nhiều cõi giới chứ không phải chỉ có cõi này...”⁽³³⁾, ông Hamud-El-Sarin, một pháp sư Ai Cập nghiên cứu các cõi vô hình suốt cả một đời đã phát biểu khẳng định như vậy.

Cõi của các vong hồn ở Trung giới và Thượng giới là nơi con người sau khi rời cuộc sống Trần tục có thể đến các tầng ở Trung giới hay đi thẳng tới Thượng giới. Việc đến các tầng nấc khác nhau của hai cõi trên là hoàn toàn lệ thuộc vào cuộc sống tu tập, rèn luyện của mỗi con người khi còn ở cõi Trần tục. “... đời sống cõi Trần quyết định đời sống bên kia cửa tử...”⁽³⁴⁾, Pháp sư Hamud-El-Sarin khẳng định như vậy khi trao đổi với các nhà khoa học. Con người sống ở cõi Trần là bước quyết định sau này cho các cõi giới vô hình sẽ đi tiếp sau khi rời khỏi cõi Trần.

Không nhất thiết vong hồn phải đi đến và lưu lại ở từng tầng cảnh giới của Trung giới mà có thể đến các tầng nấc của Thượng giới hoặc có thể lại được tái sinh về ngay

cõi Trần hoặc có thể bị hoàn nguyên để chờ có cơ hội được kết thành các hợp tố để trở lại làm người ở cõi Trần.

Như vậy con người sau khi rời khỏi cõi Trần tục sẽ tiếp tục:

1. Hồi sinh

Tái sinh ngay tức thời (hồi sinh) trở lại cõi Trần khi phần Hồn còn ở không gian của cõi Trần.

2. Chuyển dạng

Chuyển dạng thức sang thực thể vong hồn đến các tầng nấc ở Trung giới. Tùy thuộc năng lượng và ký ức, có vong linh lưu lại tầng 2; ở đây vong hồn có thể cũng dễ bị hoàn nguyên, hoặc gột rửa để đi tiếp, lưu lại tầng 3 tiếp tục tu tập, gột rửa, thanh lọc để đi tiếp. Lưu lại ở tầng 4, 5 linh vong tiếp tục thanh lọc để đi tiếp hoặc tái sinh v.v... lại cõi Trần sớm.

3. Hoàn sinh sau cùng

Siêu linh lên thẳng Thượng giới lưu lại và hoàn sinh sau này.

Tóm lại, con người ở cõi Trần sau khi chết có nhiều cơ hội và con đường đi tiếp song cuối cùng sớm muộn để lại trở về cõi Trần mà thôi!

II. CÁC VONG HỒN Ở TRUNG GIỚI SẼ ĐI TIẾP THẾ NÀO?

Ở cõi này có các loại vong linh và linh vong ở các tầng phù hợp năng lượng và ký ức tồn dư và sẽ đi tiếp trên chu trình chuyển kiếp của mỗi người.

Cái chu trình chuyển tiếp của mỗi người được Đạo Phật quan niệm là “tra nghiệp báo luân hồi” không ngừng và Đạo Phật cho rằng đến khi “siêu thoát” lên tới Niết Bàn là sẽ hết luân hồi, sẽ được lưu lại ở đây vĩnh viễn. Không phải như vậy. Đức Thích Ca Mâu Ni cũng từng khẳng định.

Theo trí thức tâm linh, quan niệm ấy là không đúng và Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng không nói vậy! Con người đi hết chu trình rồi sẽ trở lại cõi Trần để tiếp tục. Đó là quy luật.

1. Các kiếp tiếp theo của vong linh ở tầng 2 Trung Giới.

Ở tầng 2 Trung giới có các vong linh ở các trạng thái khác nhau và do đó họ có các con đường đi tiếp khác nhau.

Vong linh có năng lượng yếu sẽ có thể tái sinh vào kiếp người nếu may mắn, hoặc thành kiếp các loại đại súc sinh trở lại cõi Trần!

Những vong linh có năng lượng quá yếu do: Không có nhiều năng lượng tồn dư, bởi tiêu hao vì ký ức xấu - dục ức, bởi quá non trẻ, tàn tật lại gặp phải nhiều tác nhân tương tác làm phá tán thành các cấu tổ sinh học tự do vào Bao la rồi kết thành hợp tổ để sẽ tái sinh. Vì ở tầng thấp nên có rất nhiều, dày đặc các loại tác nhân tương tác như: Các dòng hạt, các loại sóng vật lý và sóng điện sinh học, các loại tia, trường từ, các dòng chuyển động hạt điện sinh học, các hợp tổ sinh học có sẵn v.v... Tình trạng môi trường như vậy nên tôn giáo quan niệm đây là cõi âm nặng nề, u ám, là địa ngục. Vì một môi trường quá nặng nề, âm u gây ra nhiều cảnh bất hạnh cho các vong linh nào bị lưu lại ở tầng này chứ thực ra không có cảnh Địa ngục, không có Quỷ sứ, Diêm vương hay hàng nghìn ngục lạnh, ngục nóng mà Đạo Phật miêu tả! “... Trong bảy cảnh giới của cõi Âm thì cảnh thứ 7 có rung động nặng nề, âm u nhất...”⁽³⁵⁾, ông Hamud-El-Sarin đã miêu tả cho phái đoàn các nhà khoa học Mỹ như vậy khi nói về tầng 2 cõi Trung giới.

Ở các cõi mà pháp sư Ai cập, Hamud gọi là cõi Âm là nơi, theo ông biết: “... Chứa các vong linh bất hảo, những kẻ tư tưởng xấu còn đầy thú tính. Và vì ở cõi Âm không còn thể xác, nên hình dáng thường biến đổi theo tư tưởng cho nên những kẻ thú tính mạnh mẽ thường mang các hình dáng rất ghê rợn, nửa người nửa thú... Những người thiếu kiến thức rõ ràng về cõi này cho rằng đó là những Quỷ sứ...”⁽³⁶⁾. Bởi thực ra, những vong linh này có nhiều ký ức luôn oán hận, ham muốn, thù địch còn tàng chứa trong cấu tổ Thần thức tồn dư lại “... Sau khi chết, dục ức này trở nên mạnh mẽ vì không còn lý trí kiểm soát nữa, chính thế nó đốt cháy con người của họ. Sự nung đốt của dục vọng chẳng phải Địa ngục là gì?”⁽³⁷⁾. Như vậy, với kiến thức khoa học duy vật hay duy tâm cũng xác nhận rằng không có Địa ngục! Địa ngục là chính sự ham muốn nhưng không sao thỏa mãn được, như đói mà không thể ăn, khát mà không thể uống v.v... “bị dục vọng hành hạ mà không thể thỏa mãn thì còn khổ gấp trăm lần bị tra tấn, bị đọa đày...”⁽³⁸⁾.

2. Con đường đi tới của các vong linh ở tầng 3 và 4 của Trung giới.

Ở hai tầng này, các vong linh đã gạt bỏ được phần lớn các ký ức lưu luyện, các dục vọng của kiếp người ở trần gian.

“... nhưng còn ham muốn về tư tưởng, kiến thức. Đây là nơi cư ngụ của những kẻ đạo đức giả, bảo thủ nhiều thành kiến và những trí thức tự phụ...”⁽³⁹⁾, Pháp sư

Hamud đã có 20 năm nghiên cứu các cõi vô hình mô tả như vậy cho các nhà khoa học Âu, Mỹ khi họ hỏi ông về các cảnh giới ở Trung giới.

Ở cõi này, các vong linh đã thanh nhẹ nhờ cấu tổ gồm nguyên tử đã thuần khiết ở cả ba phần: Thần thức, Vía và Phách. Năng lượng mà họ cần là năng lượng nguyên tử. Họ thanh lọc dần những ký ức xấu, tạp chất thô. Họ trở nên nhẹ hơn, nhờ thế các vong linh có thể lên cao dần từ tầng 3 lên 4 và từ tầng 4 lên tầng 5 và lên các tầng của Thượng giới.

Họ cũng có thể đầu thai để tái sinh trở lại cõi Trần nếu trong ký ức mong muốn trở lại để thực hiện tiếp ý định còn tồn dư. Con đường tái sinh này là cố ý mà không phải ngẫu nhiên thường xảy ra với các đạo sỹ, các Thượng tọa, các trẻ em quá lưu luyến cha mẹ... Vì vậy, các vong linh này luôn tìm cơ hội để đầu thai tái sinh trở lại cõi Trần càng sớm càng tốt mà không muốn hoàn tất một vòng chu chuyển!.

Số vong linh không có ký ức quay lại cõi Trần ngay sẽ thanh lọc nhẹ dần và lên tiếp tầng 5, lên tiếp Thượng giới, cái đích cuối của một vòng đời.

Ở tầng 5 của Trung giới, các linh vong đã thanh lọc nhiều ký ức và năng lượng và tiếp tục thanh lọc để các cấu tổ chỉ còn ở dạng hạt nhân, và trong khi hoàn tất quá trình tự thanh lọc các cấu tổ hạt nhân, trong cấu trúc hình thể, song trong Thần thức của họ, vẫn còn các ký ức chưa hoàn toàn dứt bỏ được. Họ, các linh vong tiến bộ này, đã nhẹ nhàng lên cõi Thượng giới để tiếp tục hoàn thiện tâm thức chân thiện, chân mỹ đến hoàn hảo để lần lượt trải qua ở 3 tầng của Thượng giới.

Ở tầng 5 của cõi Trung giới ngoài những linh vong “hiền” ra còn có các tinh linh. Đó là các thần linh như: Thần đất, Thần núi, Thần gió v.v... Tất cả có bóng hình tương đối rõ nét như người thực, sắc tướng biến ảo do họ có năng lượng hạt nhân có thể kháng lại phần lớn các tương tác của môi trường trong cõi. Nhìn thấy họ với hình dạng kiếp người rõ hơn là các vong linh. Bởi vì họ đã là các linh vong. Họ sắp lên cõi Thượng giới thành các siêu linh.

Những linh vong này thường quan hệ với cõi Trần. Họ có thể liên lạc với các phù thủy, pháp sư. Một số có thể thường nhập vào người bằng tương tác vào Thần thức con người và nhờ thân xác con người để thỏa mãn những ký ức bản ngã trợ giúp nói năng, chỉ dẫn, yêu cầu v.v...; nhưng rồi họ cũng tỉnh ngộ dần, các ký ức bản ngã sẽ dần tan theo thời gian, họ sẽ thăng lên cõi cao hơn.

III. THƯỢNG GIỚI.

Ở Thượng giới, các siêu linh tùy theo năng lượng cao thấp, Thần thức thanh

thoát, hình tượng cao siêu mà họ lưu trú ở một trong 3 tầng cao của Thượng giới trong một thời gian.

1. Hoàn sinh - đầu thai.

Những siêu linh hết thời hạn tồn tại sẽ quay lại đầu thai gọi là “hoàn sinh trở về cõi Trần”, một cõi gốc, nơi bắt đầu một chu trình chuyển hóa từ thấp tới cao một cách từ từ, không theo ý muốn của một vòng đời hoàn chỉnh.

Ở thượng giới, các siêu linh có thể tự do đi đến nơi nào để chuyển dạng thức về cõi Trần. Nghĩa là họ có thể chọn châu lục, miền, vùng để đầu thai trở lại, chọn người (thai phụ) để đầu thai trở lại làm kiếp người ở cõi Trần để sẽ lại đi tiếp vòng chu trình chuyển hóa sau.

IV. TÓM LẠI.

Loài người trong Bao la được khơi nguồn từ một cõi thực có cấu trúc thực thể với 2 phần: phần Hồn và phần Xác. Đó là cõi Trần - Hạ giới. Loài người có các cấu tố, vừa lỏng vừa đặc chắc, vừa loãng nhẹ vừa nặng nề. Nhờ có một cấu trúc như vậy, loài người có đầy đủ các bản năng và các bản ngã để thể hiện được hình thái sống. Đây là một hình thái vô cùng đặc biệt trong Bao la. Hình thái sống không chỉ có loài người mà cả cho muôn loài sinh vật được tập hợp trong một cõi gốc bắt đầu cho một vòng chu trình chuyển hóa kế tiếp nhau, không ngừng hoàn thiện thêm sau mỗi lần hết một vòng chu trình như thế.

1. Đạo Phật quan niệm.

Đối với hiện tượng này, Đạo Phật quan niệm “Kiếp luân hồi của loài người” mà bản chất là “tạo nghiệp”⁽⁴⁰⁾ và “trả nghiệp là nhân quả”⁽⁴¹⁾ vi lai! Đó là một cách hiểu về vòng chu trình chuyển hóa tất yếu của loài người và muôn loài sinh vật trong luật tự nhiên trong Bao la. Tất nhiên, mỗi loài có một chu trình. Loài người có vòng chu trình khác vòng chu trình chuyển hóa của các loài sinh vật. Mỗi loài sinh vật lại có vòng chu trình chuyển hóa của riêng mình. Đó là một vòng đời với nhiều dạng thức.

2. Cuộc trao đổi về cõi vong hồn của Hamud

Về vòng chu trình chuyển hóa của các loài sinh vật cũng đã được ông Hamud-El-Sarin một nhà Khoa học tâm linh uyên thâm thế kỷ 19 (Khoảng 1856 - 1880) nghiên cứu sâu về cõi vong siêu hình xác nhận. Ông từng kể lại khi phải trả lời các

câu hỏi của các nhà khoa học Mỹ: “... làm sao ông biết được rõ cõi giới này?”. Ông nói: “Tôi đã khai mở các giác quan thể vía nhờ công phu tu hành trong nhiều năm... tôi đã say mê môn siêu hình học... sự nghiên cứu dẫn tôi đến Huyền bí học... Sự nghiên cứu dẫn dắt tôi sang Ấn Độ và Tây Tạng gặp các Lạt Ma chuyên nghiên cứu về cõi Âm. Tôi đã học được rất nhiều từ các vị này... Sau đó tôi “tu nhập thất” trong 10 năm liền và khai mở được một vài giác quan đặc biệt... Vì tôi có thể sang tận đây (cõi Âm) học hỏi và cõi này trở nên quen thuộc. Tôi kết bạn với rất nhiều sinh vật siêu hình (nên dịch là thực thể siêu hình) chúng giúp đỡ tôi rất nhiều.

Giáo sư Evans Wentz: “ông nói rằng ông kết bạn với ma?” Hamud: “Dĩ nhiên, vì tôi dành trọn thời giờ hoạt động bên cõi này, nên tôi có rất nhiều bạn bè, phần lớn là các vong linh quá cố, nhưng cũng có một vài sinh vật có đường tiến hóa riêng. Khác với loài người, có loài thông minh hơn người, có loài không thông minh hơn loài vật là bao... cõi Âm là một thế giới lạ lùng, phức tạp, với những luật thiên nhiên khác hẳn cõi Trần...”⁽⁴²⁾.

Qua câu chuyện trên giữa Pháp sư người Ai Cập với các Nhà khoa học Mỹ chúng tỏ quan niệm bằng tri thức tâm linh về vòng chu trình chuyển hóa là không riêng gì loài người mà cho muôn loài sinh vật cùng khởi nguồn từ cõi Trần tục là hoàn toàn có cơ sở trong Bao la.

Ông Hamud còn kể rằng: “... Dĩ nhiên có nhiều sinh vật hay các vong linh hung ác, dữ tợn. Một số thầy phù thủy thường liên lạc với nhóm vong linh này để cầu lợi lộc, chữa bệnh hoặc làm thư phù, bùa trứ, nguyên rửa... Tất cả những việc gì có tính cách phản thiên nhiên, ngược luật tạo hóa đều mang lại hậu quả không tốt... vì chúng rất nguy hiểm, hay phản phúc và thường giết chết kẻ lợi dụng chúng bất kỳ lúc nào...”⁽⁴³⁾.

Như vậy ta có thể hiểu được rằng:

3. Cõi vô hình bao gồm: Trung giới và Thượng giới

Ở Trung giới có các tầng từ âm u, nặng nề đến thanh nhẹ, từ tầng thấp lên cao dần, cõi vô hình, Thượng giới là cõi cao nhất là cõi thanh nhẹ nhất, và theo tri thức tâm linh, Thượng giới là cõi vô hình cuối cùng mà các thực thể vô hình đã hoàn thành chu trình chuyển hóa lưu trú để sẽ quay trở lại đầu thai về cõi thực, cõi Trần để rồi theo một vòng chu trình chuyển hóa mới; có thể xem là kết thúc một chu kỳ, một vòng đời hoàn thiện, hoàn hảo.

Đây là một quan điểm mới khác hẳn các quan điểm tôn giáo cho rằng Thượng giới là cõi viên mãn, và các thực thể khi đã đến được cõi này thì sẽ ở lại vĩnh viễn!

Khoa học tâm linh với tri thức tâm linh đồng quan điểm về Thượng giới của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni “... Ai cho rằng nhập Niết Bàn là thường còn, vĩnh cửu, thực có mãi mãi... kẻ ấy cũng lầm...!”, trích ở sách đã dẫn trước ở các phần trên. Câu khẳng định của Đức Phật toát ra hai ý:

Một là, Niết Bàn - Thượng giới là cõi có thật, ở đó có các thực thể vô hình. Khoa học Tâm linh gọi các thực thể vô hình. Khoa học tâm linh gọi các thực thể này là siêu linh, một hình trạng thanh nhẹ hạt nhân và có nguồn năng lượng hạt nhân vô cùng mạnh, có mọi đức tính thanh cao.

Hai là, Thượng giới chỉ là nơi lưu trú một thời gian của các thực thể vô hình - các siêu linh mà thôi.

4. Sự khác biệt giữa quan điểm của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và tri thức tâm linh

Đức Phật không nói đến con đường đi tiếp của các thực thể đã “nhập Niết Bàn” rồi sau đó sẽ đi đâu? mặc dù Đức Phật nói rằng ở Niết Bàn không phải là nơi ở vĩnh cửu. Bởi lẽ Đức Phật chỉ nói cái gì Đức Phật đã tự mình chứng và trải. Đức Phật chưa đi tiếp vòng chu trình chuyển hóa tiếp theo sau nên không phát biểu là đúng.

Tri thức tâm linh bằng tư duy logic khoa học để khẳng định vòng chu trình chuyển hóa của muôn loài là luôn bắt đầu từ Hạ giới, kết thúc ở Thượng giới, rồi lại trở về cõi Trần để bắt đầu vòng chu trình mới; từ thực hình đến vô hình để rồi trở về thực hình theo luật chuyển hóa tự nhiên đối với muôn loài sinh vật có hồn. Đó là “... Con người có linh hồn. Súc vật có sinh hồn. Cây cỏ có giác hồn... đã có hồn tất có hình tướng” để nói lên 2 phần Hồn và Xác trong cấu trúc thực thể sống. Đó là loài người cũng như muôn loài sinh vật ở cõi Trần - Hạ giới, một cõi thực vừa có trạng thái đặc nặng (xác) và loãng nhẹ (hồn).

Ở Thượng giới có các thực thể vô hình rất hoàn hảo về Thần thức và năng lượng.

Họ, hầu như trong Thần thức không còn các ký ức Trần tục. Nghĩa là họ hoàn toàn trong sáng, triệt bỏ mọi ký ức bản ngã. Họ trống không tất cả để chuẩn bị cho cuộc trở về lại kiếp thực, kiếp sống Trần tục.

Ở Trung Giới có các vong linh nặng nề, u mê. Vì trong Thần thức của họ còn tồn dư nhiều ký ức xấu; có vong linh dữ dằn; có linh vong với ký ức đã giảm nhiều quyền luyến, đã tiến hóa, thánh thiện với năng lượng được thanh lọc nhẹ nhàng là năng lượng nguyên tử; có các tinh linh, thần linh. Các linh vong và tinh linh, Thần linh thường quan hệ với loài người ở cõi Trần.

Các vong hồn ở các tầng của Trung giới đều có cơ hội tái sinh sớm về cõi Trần, và

cũng có thể bị phá tán thành các cấu tổ hay các hợp tổ sinh học tự do, do bị các tương tác mạnh của nhiều tác nhân trong môi trường cõi.

Các siêu linh ở Thượng giới hết hạn mức tồn tại sẽ đi đầu thai trở lại cõi Trần, kết thúc một vòng chu trình chuyển hóa của mỗi người. Vấn đề là các siêu linh có thời gian tồn tại lâu hơn ở Thượng giới và họ có thể tự do tìm nơi đi đầu thai, tức họ chủ động đi đầu thai để trở lại cõi Trần.

Các linh vong ở Trung giới cũng có thể có cơ hội tái sinh sớm trở lại cõi Trần do các cơ duyên tình cờ hoặc thành người, hoặc thành các loài đại súc sinh.

Các vong linh ở tầng 4, 5 có thể tái sinh do ký ức mong muốn thôi thúc nên họ tìm kiếm cơ hội có thể được để tái sinh trở lại cõi Trần.

5. Khi sự chết mới bắt đầu

Phần Hồn của người chết vừa tách khỏi thân xác còn ở không gian cõi Trần có thể có cơ hội “tái sinh tức thời” (hồi sinh) trở lại cõi Trần mà khoa học gọi do “cận tử” hay “chết lâm sàng”. Các trường hợp này là “hồi sinh” lại ngay thân xác của mình. Tức phần Hồn nhập trở lại phần Xác. Trường hợp tái sinh này chỉ có thể xảy ra khi phần Hồn còn thời gian lưu lại không gian cõi Trần mà chưa lọt vào “hầm” chuyển dạng thức thực thể - cửa tử ở tầng một Trung giới. Thời gian phần Hồn còn lưu lại không gian của cõi Trần có thể kéo dài 72 giờ đồng hồ từ khi con người được xác định là chết, tức biểu hiện của phần Xác là ngừng thở, tim ngừng đập. Song Thần thức của phần Hồn vẫn chưa nhận ra bắt đầu sự chết.

Để thành dạng thức thực thể khác người chết phải trải qua một thời gian chuyển dạng thức, thời gian ấy có thể trong vòng 7 tuần lễ.

6. Có hai hình thức chuyển dạng thức thực thể xảy ra trong một vòng chu trình chuyển hóa.

Một là, chuyển từ dạng thức thực thể thực loài người; các sinh vật nói chung ở cõi Trần sang dạng thức thực thể siêu thực ở cõi vô hình - các cõi vong hồn ở Trung giới và Thượng giới.

Hai là, hình thức chuyển dạng thức thực thể từ dạng thức thực thể không thực (dạng thức vong hồn) ở cõi vô hình sang dạng thức thực thể thực trở lại cõi Trần.

Lần chuyển dạng thức thứ nhất là trong: “hầm” tầng một của Trung giới từ phần Hồn (linh hồn, sinh hồn, giác hồn) sang dạng thức thực thể vong hồn các loài.

Lần chuyển dạng thức thực thể thứ hai là trong cơ quan sinh sản của thai phụ

hay của giống cái.

Lần chuyển dạng thức trong hệ thống sinh sản của thai phụ có hai loại:

Loại thứ nhất là các vong hồn ở cõi vô hình đi đầu thai.

Loại thứ hai là các hợp tổ liên kết tự do từ trong Bao la lọt vào cửa sinh của thai phụ tạo ra sinh linh mới. Đây là nguồn chính tạo ra các sinh linh mới nhờ có số lượng các hợp tổ không hạn chế về số lượng có trong Bao la.

Chúng ta biết rằng từ thuở hồng hoang loài người đến sinh sống trên trái đất cách nay triệu năm với dân số chỉ khoảng mấy trăm người rải rác ở Châu Phi, Châu Á, Châu Mỹ, Châu Âu.

Dân số trên trái đất không ngừng tăng lên hàng ngày và phân tán dần khắp các châu lục để sinh sống.

Theo tổ chức dân số Thế giới, đến năm 1800, dân số thế giới mới đạt 1 tỷ, và năm 1999 thế giới đã đạt 6 tỷ, ngày 31 tháng 10 năm 2011, đứa trẻ ở Philippine sinh ra đã đưa dân số thế giới lên 7 tỷ người!

Tổ chức dân số thế giới dự báo đến năm 2054, Trái đất sẽ có tới 9 tỷ người sống.

Từ năm 1900 đến năm 2000, trung bình mỗi năm tăng 54 triệu. Từ năm 2011 trở đi trung bình mỗi năm dân số thế giới tăng thêm 70 triệu người!

Mỗi một giây có 5 trẻ sinh ra đồng thời có 2 người đi vào sự chết trên toàn thế giới. Đây là con số thống kê trong mấy năm đầu thế kỷ 21.

Như vậy sự chênh lệch giữa số sinh ra lớn hơn số chết đi ấy từ đâu mà có?

Từ trước tới nay, Tôn giáo chưa hề lý giải được cơ sở tăng lên của dân số mà chỉ nơi đến luân hồi. Song số luân hồi làm sao đủ cho số dân ngày càng tăng trên Trái đất? Đây là chưa nói đến số siêu thoát ở lại Niết Bàn, nước Trời, đất Thánh v.v... Theo quan niệm của Đạo Phật, của Thiên Chúa Giáo, của Đạo Hồi số trẻ mới là do Thượng đế ban tặng!.

Khoa học duy vật thực nghiệm cũng chưa đưa ra một giải thích lý giải về nguồn gốc sự ra đời hợp lý nhất của các trẻ sơ sinh tạo nên sự tăng dân số hàng giây, hàng ngày, hàng tháng...

Khoa học tâm linh với tri thức tâm linh kiến giải số người mới sinh ra ấy chính là các hạt và các hợp tổ sinh học tự do có vô vàn trong Bao la do số vong hồn bị phá

tán sẽ tạo ra phần Hồn của con người và phần Hồn của các loài sinh vật. Khi các hợp tố này lọt vào cửa sinh của thai phụ trở thành phần Hồn làm cốt cho thai phụ vận chuyển các cấu tố theo Ngũ hành Âm dương bồi đắp dần thành một thể xác mới tàng chứa phần Hồn với các ký ức bản năng để cho ra một sinh linh mới hoàn toàn sau một thời gian khoảng 9 tháng 10 ngày hay trên dưới 40 tuần đối với người, hay các thời gian mang thai khác nhau của các loài khác nhau...

Những sinh linh mới hoàn toàn ở cả 3 thành tố của phần Hồn: Thần thức, Vía và Phách. Trong Thần thức trong sạch không có chút gì về ký ức xấu. “Trẻ em như tờ giấy trắng” ngoài ký ức bản năng luôn tồn dư ở hợp tố.

Con người mới bắt đầu gom góp ký ức vào Thần thức từ lúc thai nhi cho đến lúc bước vào sự chết. Và họ sẽ mang một phần theo trên con đường đi tiếp ở các cõi vô hình cho đến hết một vòng chu trình chuyển hóa.

Đó là một quy luật tự nhiên bất di, bất dịch!

CHƯƠNG 7

HỒI SINH, TÁI SINH, ĐẦU THAI VÀ SINH MỚI

Ở các phần trước cũng đã có đề cập sơ qua về các vấn đề tái sinh, đầu thai, sinh mới phần tiếp theo sẽ trình bày một cách cụ thể về ba hiện tượng kể trên.

I. HỒI SINH LÀ THẾ NÀO?

Con người sau khi chết rồi có thể hồi sinh, hồi sinh hoặc sống lại để chỉ hiện tượng sống trở lại khi con người đó về quan niệm khoa học là đã chết, đã ở cận tử, đã chết lâm sàng sau một khoảng thời gian rồi sống lại bình thường trong một thời gian nữa tùy từng trường hợp cụ thể. Có trường hợp sống lại vài giờ đồng hồ rồi đi vào sự chết. Có trường hợp sống thêm vài ngày đến hàng tháng sau mới thực đi vào sự chết. Có trường hợp sống thêm hàng chục năm cho đến già chết.

Các hiện tượng chết rồi sống lại (hồi sinh) xảy ra ở tất cả các nước trên thế giới. Ở Việt Nam đã có hàng trăm trường hợp như vậy xảy ra.

Hồi sinh là chỉ hiện tượng con người đó sống lại hoàn toàn với chính thân xác của mình và mọi ký ức, hoạt động, thói quen v.v... không thay đổi nhiều, thậm chí sau khi sống lại một số người xuất hiện nhiều khả năng siêu việt (sẽ lý giải sau).

Có thể phân loại thành hồi sinh và tái sinh thực, phục sinh (mượn xác để tái sinh) và thoát xác.

II. HỒI SINH

Hồi sinh để nói đến các trường hợp người đã chết sống lại sau vài chục phút đến 72 tiếng đồng hồ.

Hiện tượng này đúng với nghĩa chết lâm sàng theo quan niệm của y học hiện đại. Loại hồi sinh này hoàn toàn không có biểu hiện gì khác thường về mọi mặt: Tinh thần, trí tuệ và thể xác. Họ trở lại sinh hoạt bình thường với mọi thói quen hàng ngày như chưa có chuyện gì xảy ra.

Một trường hợp, ở Việt Nam, bà Nguyễn Thị Kỳ ở Quảng Bình đã chết và đã

được khâm niệm sau 2 tiếng bật dậy: “Cho tao chén nước, khát quá”. Bà lại sống tiếp 31 năm nữa khi ngoài tuổi 80 mới đi vào sự chết vì tuổi già.

Trường hợp “... nhà thơ Hàn Mặc Tử chết đi sống lại nhiều lần. Khi tỉnh, ông làm thơ... không hiểu được các vần thơ mới của ông nên gọi là thơ điên!...”⁽⁴⁴⁾, Giáo sư tiến sỹ Đoàn Xuân Mượu đã viết như vậy trong cuốn sách “Khoa học và những vấn đề tâm linh”. Nhiều trường hợp hồi sinh ở Nhật Bản ở Anh cũng xảy ra sau khi được xác định đã chết, vài tiếng đồng hồ sau đó sống lại và sinh hoạt bình thường. Điều mới đối với những người này là họ biết được những hiện tượng gì diễn ra lúc họ đang ở tình trạng đã chết rồi sống lại.

III. GIẢI THÍCH TRƯỜNG HỢP HỒI SINH THEO TRI THỨC TÂM LINH.

Khi được xem là đã chết đối với một người; đó là phần Hồn của người ấy đã thoát ra ngoài thể xác. Tức là phần Hồn tách khỏi phần Xác nhưng còn lưu lại ở không gian của cõi Trần và bay lơ lửng. “Con người tàng hình” này hoàn toàn chưa ý thức được, kể cả thấy thân xác mình và mọi việc người ta đang làm với chính thân xác mình và còn “nói” ý nghĩ nữa.

1. TS Vũ Thế Khanh tổng giám đốc Liên hiệp Khoa học Công nghệ tin học ứng dụng (UIA) ông hồi tưởng lại hiện tượng chết rồi hồi sinh lúc ông chừng 10 tuổi kể: “... Trời rất nắng nóng, tôi lên bờ ruộng nằm (ông đi bắt cua ngoài đồng vào mùa hè)... thế nhưng lạ thay, tôi dần dần có cảm giác mát mẻ vô cùng, thấy mình như đang bay và nhìn thấy người mình đang nằm, úp chiếc nón lên mặt. Tôi còn thấy cả nhà đổ xô đi tìm rồi vác tôi về nhà... Sau lần ấy tôi ốm một trận “thập tử nhất sinh...”⁽⁴⁵⁾.

2. Trường hợp “bà Trần Thị Ban ở thôn 2 xã Xuân Lan, Nghi Xuân, Hà Tĩnh, bà đã từng chết 6 giờ sau hồi sinh lại khi bà 40 tuổi. Bà sống tiếp đến tuổi”⁽⁴⁶⁾.

3. Trường hợp một nhân viên Công ty thương mại ở Tokyo, Nhật Bản bị tai nạn giao thông... các bác sỹ tuyên bố là hết hy vọng... sống lại kể: “... Hồn tôi bay lơ lửng ở gần trần nhà nhìn xuống xác tôi, tôi thấy cha mẹ tôi rất lo lắng, các nhân viên y tế thì nói nếu còn ai là người thân của bệnh nhân muốn vào thăm thì cho vào, đồng tử đã giãn hết không còn hy vọng nữa. Nghe vậy tôi hét lên “đừng có đùa, tôi vẫn còn sống sao lại nói lung tung như vậy. Nhưng chẳng ai nghe tôi cả!...”. Điều kỳ diệu... bệnh nhân rốt cuộc được cứu sống”⁽⁴⁷⁾. Và khi đã hồi sinh anh kể rành rọt như trên với mọi người.

Qua mấy ví dụ trên, dù là người Việt Nam hay người Nhật Bản khi hồi sinh, họ đều kể lại là hồn ra khỏi thân xác và bay lơ lửng trên không. Họ đều thấy từ trên cao mọi việc và vẫn “nghe” được lời nói của mọi người. Họ không tin mình đã chết. Vì:

Họ vẫn là “con người” không có phần Xác. Phần Hồn mới là “người” thực sự. Phần Xác chỉ là cái thân vật lý, một công cụ để thể hiện mọi yêu cầu của phần Hồn mà thôi. Khi không còn phần Xác, mọi động thái mệnh lệnh của phần Hồn không thể hiện thực hóa được; thành tố Thần thức của phần Hồn vẫn nhận biết mọi thông tin của người sống truyền qua sóng sinh học và “nghe hiểu” được tất cả.

Phần Hồn bay lơ lửng ở không gian của cõi Trần nơi có đậm đặc các tác nhân tương tác, cộng với nguồn năng lượng sinh học của phần Hồn còn nhiều, song chính là “ý chí” trở lại thân xác trong Thần thức của phần Hồn là động lực chính giúp phần Hồn nhập trở lại được phần Xác mà phần Hồn - “con người” vừa tách ra.

Một nguyên nhân khác là phần Hồn đã may mắn gặp được một linh vong hiền, thân tộc của mình mà lại có nguồn năng lượng mạnh có thể “đẩy” phần Hồn nhập trở lại phần Xác.

Nhờ một trong hai nguyên nhân ấy mà một “người” may mắn vừa chết có thể hồi sinh ngay với thân xác của mình.

IV. TÁI SINH THỰC LÀ THẾ NÀO? CÁCH LÝ GIẢI CỦA TRI THỨC TÂM LINH

Tái sinh thực trước hết cũng giống “hồi sinh” là người được xác định đã chết sống trở lại ngay trên thân xác cũ mặc dù người đã chết trong thời gian ngoài 72 giờ có thể kéo dài đến nhiều năm mới sống trở lại. Và ở trường hợp tái sinh này cũng xảy ra nhờ có sự tồn tại của phần Hồn - “Người”, mặc dù trong một thời gian dài và rất dài, hoặc ở không gian của cõi Trần, hoặc ngao du ở cõi vong hồn rồi trở về cõi Trần mà không lọt vào “đường hầm” chuyển dạng thức thực thể ở tầng một của Trung giới để thành vong hồn!

Trường hợp này xảy ra đối với hai đối tượng.

1. Đối tượng thứ nhất là những người chết còn rất nhiều năng lượng, hoặc chết vì một nguyên nhân nào đó đã giúp tăng vọt nguồn năng lượng vật lý cộng hưởng vào nguồn năng lượng sinh học vốn có của bản thân người được xem là chết. Nguồn năng lượng đó giúp phần Hồn chống lại được sức hút vào “cửa tử - đường hầm chuyển dạng thức” nên họ còn tồn tại nguyên vẹn phần Hồn (người tàng hình).

Trường hợp này thường rơi vào các đối tượng còn khỏe mạnh mà bị đột tử vì nhiều nguyên nhân; song với điều kiện là thân xác còn nguyên vẹn hoặc chỉ bị hư hỏng nhẹ không thuộc các cơ quan trọng yếu của cơ thể. Phần Hồn của họ còn có thể ngao du ở cõi vong, giao lưu, học hỏi v.v...! Trường hợp này giống trường hợp thoát xác của các pháp sư, phù thủy...

2. Đối tượng thứ hai là những người chủ định rời thân xác tạm thời để thăm viếng, khám phá cõi vong hồn ở tầng thấp của Trung giới.

Các đối tượng này thường là các Pháp sư, các đạo sỹ hay một số thầy phù thủy cao siêu, những người thường có quan hệ với nhiều vong linh, linh vong và tinh linh hiện đã được họ giúp đỡ, hộ vệ trong suốt thời gian xem xét ở cõi của họ - cõi Vong hồn mà không qua “đường hầm”!

Trường hợp này có thể xảy ra với các bậc tối thượng có năng lượng tâm thức vô cùng mãnh liệt. Họ cũng thường lui tới các cõi vong hồn như ở Trung giới và Thượng giới.

V. TRƯỜNG HỢP TÁI SINH ĐẶC BIỆT, NGOÀI QUY LUẬT TỰ NHIÊN - MƯỢN XÁC

Trường hợp tái sinh là mượn xác cũ của mình (khi đã là siêu linh) nhập vào thay hoàn toàn phần Hồn trong thân hình cũ và thể hiện mọi hoạt động sống không khác gì một con người còn sống thực sự để duy trì thân xác. Trường hợp này chỉ xảy ra với các Đấng tối thượng có năng lượng siêu phàm đã đạt tới quyền năng siêu đẳng có thể thuộc vào các trường hợp ngoại lệ của quy luật tự nhiên. Bởi quy luật gì cũng có các ngoại lệ kèm theo.

1. Đó là trường hợp “tái sinh” của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài Thích Ca Mâu Ni đã từng chết trong thời gian 49 ngày. Trong thời gian này, Ngài đã qua đường hầm chuyển dạng thức trở thành siêu linh về tầng tối cao của Thượng giới. Ngài đã thành Phật ở Niết Bàn. Sau khi đã thành Phật chứng nhập được Niết Bàn, Đức Phật quay về mượn ngay thân xác cũ của Ngài để tiếp tục sự nghiệp giáo trì đường đạo mà Ngài đã chứng nghiệm sau khi đã hành tu “Trung Đạo”, phương pháp tu hành do chính Đức Phật ngộ chứng sau 6 năm (từ khi Thích Ca xuất gia hành tu 29 tuổi đến khi thành Phật lúc 35 tuổi) qua các đường tu khổ hạnh dục sắc, du già v.v... cho đến khi ngộ ra Trung Đạo mới đắc quả được thành Phật. (Tất nhiên là con người cõi Trần phong vị cho ngài).

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dùng chính thân xác của mình để nhập vào (tái sinh) nhằm phổ trì đạo tu Phật pháp trong suốt 45 năm tiếp sau Ngài mới rời bỏ

thân xác đã già hết hạn theo quy luật tự nhiên “sinh lão bệnh tử” của thân xác con người ở cõi Trần để về hản Thượng giới - Niết Bàn tiếp tục hoàn thiện vòng đời của mình trong hạn mức.

2. Đó là trường hợp phục sinh của Đức Chúa Jesus. Đức Chúa Jesus chỉ tái sinh trên thân xác của Ngài trong một thời gian rất ngắn vì thân xác của Ngài đã bị huỷ hoại bởi tác nhân bên ngoài quá nghiêm trọng không còn khả năng duy trì tiếp. Ngài không còn cơ hội dùng thân xác mình nữa để tiếp tục mục đích truyền giáo còn dang dở. Ngài đành phải trở lại Thượng giới - nước Trời nơi Ngài lưu trú.

VI. CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA CÁC TRƯỜNG HỢP HỒI SINH, PHỤC SINH , MƯỢN XÁC TÁI SINH, THOÁT XÁC, TÁI SINH THỰC

Trước hết các trường hợp vừa nêu trên đều thuộc hình thức tái sinh, vì người “chết” sống lại ngay trong thân xác cũ của người đó.

1. Sự khác nhau của các trường hợp tái sinh nêu trên. Hồi sinh, tái sinh thực, thoát xác là phần Hồn của con người còn nguyên kể từ khi gọi “là đã chết” cho đến khi sống lại và các hoạt động bình thường hoặc có thêm ít nhiều khác biệt như: Thông minh thêm, biết về cõi vong, có khả năng ngoại cảm đặc biệt v.v...

2. Phục sinh, mượn xác cũ tái sinh là phần Hồn đã chuyển dạng thức sang dạng thức vong hồn, sau đó trở lại trên chính thân xác cũ để thực hiện các ý định trong một thời gian dài ngắn tùy theo tình trạng thân vật lý còn dài hay ngắn, tốt hay xấu.

Trường hợp này chỉ có thể thực hiện được bởi các siêu linh nhưng cũng có thể có ngoại lệ mượn xác nào đó của các linh vong và vong linh có cơ duyên may mắn mà thôi kiểu “Hồn Trương Ba da hàng thịt”...

3. Trường hợp “thoát xác” là các pháp sư, đạo sỹ, phù thủy có bản lĩnh cao có thể thoát phần Hồn khỏi thể xác để ngao du sang cõi vong hồn để tìm kiếm vong linh, nghiên cứu, thậm trí học hỏi!

Những trường hợp như “đánh đồng thiếp”, “thoát xác tìm hồn” của các thầy phù thủy cao tay Việt Nam xưa. Họ thường sử dụng phép này để tìm người ở cõi vong hồn, hay đi thu nạp “âm binh”, chiêu dụ các tinh linh làm việc cho họ v.v...

Tôn giả Mục Kiền Liên, khi còn ở Trần thế cũng đã từng dùng phép này để sang cõi vong hồn tìm mẹ... Nhờ thế, Đạo Phật đề ra Lễ Vu Lan còn lưu truyền đến nay.

Pháp sư Ai Cập, Hamud El Sarin thường xuyên sang cõi vong hồn. Ông kể: “... tôi tu “Nhập thất” trong 10 năm liền và khai mở được một vài giác quan đặc biệt. Từ đó tôi tha hồ nghiên cứu cõi Âm, vì tôi có thể sang tận đáy học hỏi...” và “... trở nên quen thuộc, tôi kết bạn với rất nhiều sinh vật siêu hình, chúng giúp đỡ tôi rất nhiều...”⁽⁴⁸⁾.

Vị Pháp sư này thường dùng phép rời Hồn khỏi xác “thoát xác” để sang cõi vong hồn nhờ phép đã tu luyện 10 năm liền dưới sự chỉ bảo của một Lạt Ma Tây Tạng chuyên nghiên cứu về cõi Âm. Nghĩa là ông có thể rời khỏi xác một thời gian rồi trở lại. Đó là một hình thức “tái sinh” hiểu theo khoa học tâm linh. Và với tri thức tâm linh mới có thể giải thích rõ ràng và có thể chấp nhận được việc này. Từ trước tới nay chưa từng được các tôn giáo hay khoa học, hay một ai đó giải thích một cách khoa học rõ ràng chi tiết cụ thể từng hiện tượng như thế.

Trong thực tế ở Tây Tạng hay ở Ấn Độ hiện nay vẫn còn nhiều Pháp sư, đạo sỹ tu luyện phép thoát xác. Đặc biệt là các đạo sỹ làm ảo thuật, chữa bệnh bằng bùa chú, trấn yểm... ở Ấn Độ họ đều có giao tiếp với các vong hồn ở thế giới vô hình. Họ luôn có những trợ thủ đắc lực giúp cho họ biết những thông tin về cõi vong hồn và cho họ biết các thông tin dự báo về các vấn đề ở cõi Trần mà các đạo sỹ ấy muốn biết...

Số đạo sỹ có khả năng “thoát xác tìm hồn” (đánh đồng thiếp) để phân Hồn của họ có thể sang cõi vong đi tìm vong hồn mà họ muốn tìm theo yêu cầu chỉ còn rất ít do những đạo sỹ có khả năng này thường bí truyền và không nhận đồ đệ hay truyền nhân, tuy có một vài trường hợp ngoại lệ vẫn còn ở Ấn Độ, ở Tây Tạng ngày nay. Họ sợ bị các vong hồn phản, hoặc họ đã bị giết chết vì các lời nguyền. Phép “thoát xác” vì thế đi dần vào bí mật, phần vì không ai tự công bố, phần luật lệ riêng của cơ sở tôn giáo cấm đoán nên vốn đã bí mật càng thêm bí mật.

Hiện nay chỉ có một số người có khả năng đặc biệt là “giao tiếp với vong” ở nhiều nước trong đó có ở Việt Nam với danh hiệu nhà ngoại cảm.

VII. MỘT SỐ VÍ DỤ THỰC TẾ VỀ CÁC TRƯỜNG HỢP “TÁI SINH THỰC” HAY “HỒI SINH” SAU KHI SỐNG LẠI CÓ KHẢ NĂNG ĐẶC BIỆT MÀ TRƯỚC ĐÓ CHƯA BỘC LỘ.

1. Trường hợp sau khi “hồi sinh” có khả năng đặc biệt ở Việt Nam.

Đó là: Tiên sỹ Vũ Thế Khanh - Tổng Giám đốc Liên Hiệp Khoa học công nghệ tin học ứng dụng (UIA) sau khi ông hồi sinh khả năng toán học tăng vọt. 10 tuổi đang

học lớp 5, sau lần chết rồi “hồi sinh” đã có thể giải được các bài toán lớp 7.

Phan Thị Bích Hằng ở xã Khánh Hòa, Yên Khánh, Ninh Bình năm 17 tuổi hồi sinh sau bảy mươi hai giờ đã bất tỉnh. Sau khi sống lại Hằng có khả năng tiếp xúc với vong hồn như “thấy”, “nghe” và “nói chuyện” với các vong linh. Bích Hằng đã sử dụng khả năng đó của mình để tìm mộ. Bích Hằng là cộng tác viên của Trung tâm Nghiên cứu tiềm năng con người thuộc Liên Hiệp các Hội Khoa học Việt Nam.

2. Trường hợp sau khi “tái sinh thực” đã có khả năng khác thường.

Đó là trường hợp Nguyễn Văn Chiêu ở Gia Lâm, Hà Nội, sau 9 ngày tức 219 giờ, ở dạng cận tử, phần Hồn đã thoát khỏi phần Xác bay lơ lửng trong không trung, anh này chết lâm sàng, theo cách gọi của dân làng là đã “bất tỉnh” do bị điện giật chết đã tái sinh xảy ra vào năm 1995. Sau khi sống lại, Nguyễn Văn Chiêu có thể chữa bệnh không dùng thuốc bằng phương pháp tâm linh, đã từng làm giám đốc Trung tâm Tâm năng thuộc UIA. Anh này đã bước vào sự chết thật năm 2000, sau 5 năm sống thêm.

Một trường hợp “người Nga rơi vào “cận tử” suốt 17 năm. Sau khi tỉnh dậy, tái sinh, người này bỗng nói được các tiếng Anh, Đức, Pháp và nhiều năng lực khác... Theo theo BS Đặng Văn Quế, Phó giám đốc bệnh viện Mắt quốc tế kể.... Có thể đây là trường hợp “tái sinh thực”; phần Hồn lưu lại học hỏi tiếp ở các vong hồn khá lâu, hoàn toàn giống trường hợp các phù thủy, pháp sư dùng phép “thoát xác”. Song trường hợp này cũng có thể là mượn xác tái sinh, phần Hồn của người Nga này sau khi đã lọt vào đường hầm chuyển dạng thức thành linh vong và có cơ duyên may mắn trở lại cõi Trần trong trường hợp phần Xác vẫn còn được bảo tồn tốt, “dạng người sống thực vật”.

Cũng giống trường hợp này, một cô gái ở Bến Tre, miền Nam lúc mới 20 tuổi đã rơi vào cận tử “dạng sống thực vật”, gia đình chỉ duy trì bằng cho uống nước dừa suốt 20 năm. Sau khi sống lại cô đã kể cho người thân những điều mà họ không tin...! Trong một tuần sau, thân hình cô gái 20 tuổi già nhanh thành đúng người 40 tuổi hiện trạng thực của cô gái này. Một năm sau, người này đi vào sự chết thật.

VIII. ĐẦU THAI

Các khái niệm tái sinh, đầu thai và sinh mới không được nhận thức rạch ròi. Đặc biệt là tái sinh và đầu thai chưa được hiểu đúng về sự khác biệt. Để phân biệt hai thuật ngữ này, phần “tái sinh” vừa được làm rõ khái niệm ở phần trên, đồng thời đã phân biệt các dạng tái sinh và cơ sở khoa học của các hiện tượng tái sinh ấy.

Trong phần này sẽ trình bày về đầu thai: khái niệm, các dạng đầu thai, cơ sở khoa học và các ví dụ thực tế.

1. Đầu thai là hiện tượng đã xảy ra trong thực tế trên thế giới, ở nước nào cũng có trẻ đầu thai trở lại cõi trần.

Đầu thai là một vong hồn, có thể là một vong linh, linh vong hay siêu linh lọt vào cửa sinh của thai phụ để trở lại kiếp người ở cõi Trần. Những loại vong hồn này còn mang tồn dư một phần ký ức của kiếp người trước ở cõi Trần trong cấu tổ Thần thức của vong hồn sang kiếp người sau.

Tất cả các vong hồn đi đầu thai, sau khi đã lọt được vào cửa sinh lập tức phải trải qua quá trình chuyển dạng thức sang thành phần Hồn ngay trong hệ thống sinh sản của thai phụ.

Quá trình chuyển dạng thức đã làm mất gần hết các ký ức của kiếp trước. Số ký ức còn lại không giúp nhiều cho đứa bé đầu thai trong việc học hỏi và nhận thức. Đứa bé đầu thai của các vong hồn đã lớn, đã có ký ức về một bề dày kiến thức và kinh nghiệm ở kiếp người trước. Họ phải trải qua lần chuyển dạng thức: Từ phần Hồn sang dạng thức vong hồn và lại từ dạng thức vong hồn sang phần Hồn khi đầu thai để trở lại kiếp người. Sau hai lần chuyển dạng thức như vậy đã làm mất đi hầu hết các ký ức quý giá của họ.

Đứa trẻ đầu thai phải bắt đầu lại một quá trình học hỏi để tích lũy lại kiến thức và kinh nghiệm sống từ đầu song rất nhanh có thể là thần đồng.

Ở các phần trên đã có trình bày về các cấu tổ của ba thành tố của phần Hồn thay cho vong hồn là không thay đổi. Quá trình chuyển dạng thức chỉ thay đổi một phần cấu trúc. Đó là từ cấu trúc vòng lớp đứng ở phần Hồn của con người sang cấu trúc tầng nóc của vong hồn. Khi vong hồn đi đầu thai, cấu trúc tầng nóc lại chuyển về cấu trúc vòng lớp đứng. Phách ở trong, Thần thức ở lớp giữa, Vía ở lớp ngoài cùng của phần Hồn, đồng thời giữ nguyên vẹn dạng cấu trúc mạng lưới các hạt điện sinh học như khi ở phần Hồn hay khi ở vong hồn.

Vấn đề là khi chuyển cấu trúc sang vòng lớp đứng ở phần Hồn của con người, phần Hồn nhờ thế mới có thể thu bé lại khi nhỏ, và giãn ra cả chiều cao và chiều ngang khi thai nhi lớn dần. Đứa bé lớn dần cho đến độ trưởng thành không còn có sự thay đổi nhiều về các kích thước của phần Xác, phần Hồn ngừng giãn nở. Khi người già, cấu trúc này lại co hẹp.

Khi phần Hồn của người đi vào sự chết (chuyển dạng thức), cấu trúc chuyển sang tầng nóc: Thần thức ở trên cùng, phần giữa là Vía, phần dưới cùng là Phách.

Do cấu trúc thay đổi như vậy nên vong hồn không hề thay đổi từ khi chuyển dạng thức thành vong hồn cho đến khi hết hạn mức tồn tại. Vong hồn là trẻ con vẫn là trẻ con. Vong hồn người lớn thế nào vẫn như thế. Vong hồn không hề thay đổi cấu trúc cơ thể. Khi lọt vào cửa sinh của thai phụ nhờ hình thức kết hợp mạng lưới gồm các hạt liên kết dễ dàng và uyển chuyển biến dạng, vong hồn tức thời dồn nén và chuyển dạng cấu trúc. Hiện tượng biến dạng dễ dàng cả khi có các tương tác đủ mạnh ngay cả khi vong hồn ở các cõi vong.

2. Các hình thức đầu thai

Có hai hình thức đầu thai thường xảy ra. Đó là đầu thai sớm và đầu thai cuối cùng. Đầu thai sớm có 2 dạng:

Dạng đi đầu thai thứ nhất là những vong hồn thuộc linh vong và siêu linh.

Những vong hồn này có đậm trong ký ức ý muốn trở lại kiếp người để thực hiện nốt dự định của kiếp trước. Dạng này có thể gọi là “đi đầu thai” và thuộc vào dạng này phần nhiều là các pháp sư, phù thủy, giáo sỹ, đại sư...v.v vì họ đã luôn dự định sau khi đi vào sự chết, họ sẽ quay trở lại cõi Trần để tiếp tục “hoàng pháp lợi sinh”. Thậm chí ngay khi gần đến ngày phải đi vào cửa tử, họ đã chuẩn bị cho việc có thể tái sinh hay đầu thai rồi họ tự chọn cách trở lại kiếp người. Họ thường là các tinh linh, các vị cao tăng và đôi khi có cả các siêu linh.

Do có ý muốn mãnh liệt trở lại cõi Trần sớm hơn, các vong hồn này thường tận dụng mọi cơ hội, dịp tốt. Ví dụ có gia đình cầu tự ở các nơi thờ cúng, hay khi gặp có cửa sinh mở đón để tái sinh, thậm chí họ tranh chấp đi đầu thai. Trong cuộc tranh giành đi đầu thai, các vong hồn này thường thắng. Vì họ có ý thức, có năng lượng mạnh hơn các vong linh yếu và các hợp tổ tạo phần Hồn mới. Đây là các hợp tổ tự do được hình thành ngẫu nhiên nhờ vào sự liên kết của các hạt điện sinh học tự do có rất nhiều trong Bao la. Sự hình thành các hợp tổ là tiền tổ tạo ra phần Hồn hoàn toàn mới khi chúng lọt vào được cửa sinh của thai phụ. Và thời gian qua “buồng chuyển dạng” chúng trở thành phần Hồn của một sinh linh mới hoàn toàn trong trắng, không có một tí ký ức bản ngã mà chỉ có một số ký ức bản năng.

May mắn cho các hợp tổ mới là có rất hãn hữu các cuộc tranh giành như thế trước cửa sinh của thai phụ.

Dạng đầu thai thứ hai là các vong linh trẻ tình cờ gặp cơ hội may mắn đúng lúc được lọt vào cửa sinh nên sớm được trở lại cõi Trần. Chúng còn một số ký ức nhất định. Do vong linh còn nhiều ký ức vọng tưởng lưu luyến người thân cõi Trần nên các vong này thường lang thang thâm nhập không gian cõi Trần may mắn gặp cơ hội đầu thai.

Tại sao người ta có thể nhận ra các hiện tượng đầu thai?

Như đã trình bày ở phần trên, các vong hồn luôn còn một số ký ức tồn dư của kiếp trước mặc dù đã qua hai lần chuyển dạng thức. Qua nhận biết được các biểu hiện ký ức cũ của một người nào đó đúng như kiếp trước, người ta biết đích xác là người đầu thai.

Cả hai dạng đầu thai nói trên là hình thức đầu thai sớm.

Một hình thức đầu thai thứ ba là đầu thai muộn, đầu thai bắt buộc theo vòng chu chuyển của quy luật tự nhiên nên còn gọi là đầu thai theo quy luật - hoàn sinh.

Các ví dụ thực tế về đầu thai sớm trên thế giới. Trường hợp đầu thai sớm ví dụ ở Mỹ, Tây Ban Nha, ở Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam.

1. Cậu bé Simon Hen 5 tuổi ở thành phố Victorville, tiểu bang California, Hoa Kỳ được Phật giáo Tây Tạng công nhận cậu bé này là hậu thân của một Lạt Ma người Tây Tạng tên là bổn sư Lobsang Phakpa đã viên tịch ở Tây tạng cách khi trở lại đầu thai đã 50 năm.

2. Lâm Ling, 10 tuổi là hậu thân của cố đại sư Kyabje Ling Rimoch (1903-1993) vì thế cậu này đã được phong Rimpoch và được đưa về tu học tại Phật học viện Derelung ở Ấn Độ với pháp hiệu: Latma Ling Rinpoche.

3. Trijang Ronpoch 14 tuổi được xác nhận là hậu thân của cố đại sư Kyabje Trijang Rinpoche (1904- 1981), qua thẩm định của Hội Phật giáo Tây Tạng và đang được thu học tại Phật học viện Gander ở miền Nam Ấn Độ.

Còn nhiều Lạt Ma là hậu thân của các Rimpoches Tây Tạng ở thế kỷ 20; đặc biệt là các đại sư viên tịch ở đầu thập niên 80. Điều này chứng tỏ các linh vong đã chọn thời điểm chủ động đi đầu thai...

Các ví dụ trên theo cuốn “chết và tái sinh” của Thích Nguyên Tạng dịch xuất bản năm 2007 do NXB Phương Đông.

Năm các đại sư chọn đi đầu thai vì rằng Hạ nguyên trong Bát vận niên bắt đầu từ 1984 đến 2044 là Hạ nguyên của các hiện tượng và các vấn đề về tâm linh. Gọi tắt là “Hạ nguyên của tâm linh” một trong bốn đặc trưng nổi bật nhất của Hạ nguyên này.

4. Ở Việt Nam trong mấy năm cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21 cũng có nhiều trường hợp trẻ là hậu thân của các vong hồn đầu thai. Tiếc rằng các hiện tượng này không được một tổ chức xã hội nào chủ động điều tra và thống kê. Vì thế các trường hợp đầu thai bị quên lãng. Một số trường hợp đặc biệt gây sự chú ý của dân chúng

trong xã, trong vùng mới được lan truyền một thời gian ngắn rồi cũng bị lãng quên luôn chẳng ai chú ý nữa.

Có thể ví dụ: “Cháu Bình sinh ngày 6/10/2002 con anh Hoan và chị Dụ sinh ra đến năm 2006 tức là khi cháu Bình 4 tuổi cháu tự khẳng định mình là Tiến, Nguyễn Phú Quyết Tiến, con đẻ của anh Tân và chị Thuận ở thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình. Cháu Quyết Tiến sinh năm 1992, năm 1997 chết đuối nước, đã đi học mầm non tại trường Hoa Hồng ở thị trấn Vụ Bản. Sau nhiều phương cách trắc nghiệm của cả hai gia đình và cô giáo Đông đã từng dạy cháu Quyết Tiến ở trường Hoa Hồng, cháu Bình con anh Hoan chị Dụ được xác định đích thực là hậu thân của cháu Quyết Tiến “lộn về nguyên bản”⁽⁴⁹⁾ Đó là câu khẳng định của cô giáo Đông đã từng dạy ở trường mầm non Hoa Hồng ở thị trấn Vụ Bản vì gia đình cháu Quyết Tiến ở đó; trong khi cháu Bình lại ở trong bản cách không xa nay lại học với cô giáo Đông đang dạy ở trường trong bản, nơi sinh sống của gia đình cháu Bình (theo bản tin của Vietnam.net ngày 3/12/2010). Nhiều bé đầu thai lại ngay gia đình mình khi bé sinh lần trước do vừa sinh ra đã chết.

IX. THÂN ĐẦU THAI ĐƯỢC NHẬN RA NHƯ THẾ NÀO? CƠ SỞ KHOA HỌC

1. Các trường hợp đầu thai đều được nhận ra nhờ tự khẳng định phần nào ký ức của chính hậu thân của kiếp trước với các người có quan hệ như bố mẹ hai nhà cũ và mới, các người có quen biết từ kiếp trước, các người có quan hệ với kiếp trước, ví dụ cháu Bình nói: “... nhà cháu ở ngoài đó, nhà cháu gần nhà ông Lai”⁽⁵⁰⁾ hoặc như cô giáo. Đông nói: “...Cô vào bản hỏi xem sao, nghe nói thằng Tiến nó lộn về vào cháu Bình đang ở trường trong đó”⁽⁵¹⁾. Hay trong trường hợp Simon Hen (hậu thân của Lama Lobsayny Phakpa) khi 5 tuổi, đến Trung tâm Phật giáo Tây Tạng ở San Diego, Mỹ tình cờ gặp vị thượng tọa Geshe Lobsang Tsêpl, người coi trung tâm liền nói: “... tôi biết ông, ông từng là bạn tôi...”⁽⁵²⁾ Đó là vài nét để nhận ra hiện tượng người kiếp trước đầu thai.

2. Cơ sở khoa học

Trong Thần thức của phần Hồn của con người là kho lưu trữ các loại ký ức của suốt kiếp người khi sống ở cõi Trần. Khi hết hạn mức sống ở cõi Trần hay bị chết ngoại lệ do các kiểu, phần Hồn tàng chứa ký ức được mang theo về cõi Vong. Song do hai lần trải qua quá trình chuyển dạng thức sang vong hồn và lại từ dạng thức vong hồn trở lại dạng thức người, các ký ức sâu đậm mất dần trong Thần thức. Phần còn lại là những ký ức sâu sắc nhất còn tàng trữ trong Thần thức của phần Hồn hậu

thân. Nhưng các ký ức này phải chờ đến khi phần Xác của hậu thân phát triển các chức năng: nói, diễn đạt lưu loát của cơ quan phát âm thì các ký ức về sinh hoạt, về các kỹ năng cũ, về tình cảm cũ... mới được thể hiện hoặc tự khẳng định (phải ít nhất từ 26 tháng trở lên).

Các ký ức tàng chứa ở Thần thức của phần Hồn sẽ mang sang Thần thức ấy ở vong hồn. Quá trình ở vong hồn, các ký ức nhạt phai dần qua từng giai đoạn ở các tầng của Trung giới và Thượng giới. Ở Thượng giới các ký ức ở kiếp người hầu như hết sạch. Bởi vì tất cả các siêu linh còn sót lại (tức không bị phá tán trong quá trình chuyển dạng và tồn tại ở cõi vong hồn) sẽ phải quay vòng trở lại kiếp khởi đầu - kiếp người ở cõi Trần với một Thần thức hết sạch các ký ức dục vọng, họ giống hệt các hợp tổ ban đầu hình thành các sinh linh mới; và khác các trường hợp của các loại vong hồn đi đầu thai hoặc được đầu thai tình cờ may mắn.

Như vậy, có thể nhận thấy rằng quá trình chu chuyển từ thấp lên cao cùng với thời gian, các loại vong hồn mất dần các ký ức bản ngã nặng trọc, các ký ức về kỹ năng có được trong quá trình sống ở kiếp người tích lũy được cũng nhạt bớt, các ký ức - gen bản năng luôn còn mãi trong Thần thức của các vong hồn, còn mãi ở các hạt Thần thức đã bị phá tán.

Các gen bản năng hay ký ức ba dục bản năng luôn tồn tại ngay cả trong các hạt điện sinh học từng là các cấu tổ tạo nên thành tố Thần thức của kiếp người và của vong hồn. Khi các hạt của cấu tổ này liên kết trong các hợp tổ có mặt trong phần Hồn của một sinh linh mới, các gen bản năng tiếp tục thực hiện chức năng của chúng.

Có thể nói các gen (ký ức) bản năng có sẵn trong các hạt điện sinh học sẽ là cấu tổ nên Thần thức. Các hạt thuộc các cấu tổ chứa các gen thuộc về bản năng trong trạng thái tự do có trong Bao la luôn tự nhóm thành từng loại khi liên kết lại thành một hợp tổ để sẵn sàng lọt vào cửa sinh của thai phụ.

3. Từ kiếp người sang vong hồn rồi đầu thai sẽ biến động thế nào?

Nếu giả sử 100% ở kiếp người chuyển dạng thức sang dạng thức vong hồn trong chu trình dịch chuyển từ thấp lên cao, nghĩa là từ tầng một của Trung giới lên tầng cuối của Thượng giới sẽ xảy ra 70% rơi rớt mất rải rác ở Trung giới và các tầng thấp của Thượng giới do một số trường hợp sau:

Trong 70% rơi rớt đó có 50% bị phá tán thành các hạt tự do bởi bị các tương tác của rất nhiều loại tác nhân có trong Bao la; 20% số còn lại là số vong hồn đi đầu thai hay đầu thai tình cờ. Loại đầu thai tình cờ có số được đầu thai trở lại kiếp người, có số vong hồn bất hạnh bị đầu thai thành các loài đại súc sinh! Lý giải hiện

tượng này, Đạo Phật quan niệm là do phải trả nghiệp! Trong 20% nói trên chỉ khoảng 5% thuộc loại chủ động đi đầu thai còn lại là thuộc dạng đầu thai tình cờ.

30% không bị rơi rớt mất mát sẽ lên đến Thượng giới hoàn thành vòng chu trình chuyển các dạng thức để đầu thai theo quy luật. Các vong hồn này trước khi đầu thai theo quy luật vẫn còn nguyên vẹn các ký ức bản năng và các ký ức về kỹ năng vẫn còn mờ nhạt. Vì vậy những trường hợp này khi đã hoàn thành quá trình đầu thai trở thành các sinh linh mới. Các sinh linh mới này lớn dần, các ký ức về kỹ năng dần được khôi phục sẽ là con người thông minh, nhanh nhạy, thành thạo các nghề nghiệp phù hợp ký ức; phù hợp các tâm thức nào đó như thích nghiên cứu, mộ đạo, thích phiêu lưu, sẵn sàng xả thân vì nghiệp lớn, trí tuệ siêu Việt, đức cao...

Trong họ, các sinh linh mới này không còn một chút gì các ký ức nặng trọc. Các ký ức đục vọng thấp hèn đã hoàn toàn tan hết trong Thần thức. Bởi vậy họ khi còn là dạng thức vong hồn đã được thanh nhẹ để lên tới Thượng giới. Đó là đích cuối cùng của một vòng chu trình chuyển dạng thức đến hoàn hảo tài đức, phẩm hạnh, trí tuệ một vòng đời.

Dù đã lên tới Thượng giới, các siêu linh muốn hay không khi hết hạn mức tồn tại ở cõi vẫn phải đầu thai theo quy luật tự nhiên; có điều hạn mức thời gian tồn tại ở cõi cũng tùy thuộc vào từng thực thể riêng biệt chứ không phải đồng loạt, không phải tùy ý của siêu linh.

Theo tri thức tâm linh, các sinh linh được “đầu thai” từ các siêu linh sẽ là các công dân tốt nhất ở cõi Trần khi họ lớn. Bởi vì họ đã trải qua một vòng thanh lọc. Họ quay lại vòng tiếp sau bắt đầu lại từ cõi Trần, một cõi thực với đầy đủ mọi điều kiện, môi trường nhưng cũng đầy thử thách khắc nghiệt... để lại giúp hoàn thiện hơn nữa ở vòng đời sau...

Trong Bao la, các thực thể không ngừng tự hoàn thiện mỗi khi chuyển dạng thức thành công.

4. Thần đồng hay là hậu thân của người ở kiếp trước đầu thai?

Theo tri thức tâm linh, những thần đồng là hậu thân của một vong hồn đầu thai. Những vong hồn này là linh vong ở bậc cao của Trung giới hay siêu linh ở Thượng giới.

Nên hiểu rằng ở cõi vong hồn là các con người ở kiếp trần tục chuyển dạng sang nên trong Thần thức còn phần lớn mọi ký ức về các loại: Trình độ, nghề nghiệp, tài năng, kỹ năng, sở thích, ước vọng... Và họ có thể thể hiện ý niệm qua sóng sinh học để giao tiếp. Cái khác là họ không có phần Xác nên không thể hiện thực được các ký

ức như ở cõi Trần. Song các ký ức về tinh thần vẫn đổi trao, giao tiếp bằng sóng giữa các vong hồn với nhau. Thậm chí họ có thể trao đổi, giao tiếp với các phần Hồn của con người ở cõi Trần như “một số thầy phù thủy thường liên lạc với nhóm này (nhóm vong linh hung ác dữ tợn...”⁽⁵³⁾ hay phần Hồn của con người khi họ sang cõi vong như: “... từ đó, tôi tha hồ nghiên cứu cõi Âm, vì tôi có thể sang tận đây học hỏi và cõi này trở nên quen thuộc...”⁽⁵⁴⁾

Điều đó nói lên rằng, vong hồn còn tàng chứa ký ức về mọi kỹ năng đã có được ở cõi Trần và họ có thể tiếp tục sử dụng để trao đổi với các vong hồn hoặc ngay cả với các phần Hồn của con người ở ngay cõi Trần hay ở cả cõi vong.

Các vong hồn của đủ loại: bác học, giáo sư, tiến sỹ, bác sỹ, nghệ nhân, nghệ sỹ, họa sỹ, nhạc công, nhà toán học, nhà văn... Bởi họ từng là kiếp người như thế chuyển dạng. Tuy nhiên các ký ức bị giảm bớt hoặc mất mát bớt trong quá trình chuyển dạng thức...

Đặc biệt đối với các linh vong và siêu linh này thường mất hết các ký ức vụn vặt, nên khi đầu thai lại kiếp người giống như những con người mới không nhớ mấy kiếp trước. Ký ức còn lại là các ký ức sâu đậm về các kỹ năng. Nhờ vậy mà đứa trẻ mới hai tuổi đã biết đọc, 4-5 tuổi đã như một nhạc công thực thụ, một ca sỹ, 10 tuổi đã viết văn, làm thơ hay, giỏi toán lý... Những trẻ đó được gọi là thần đồng. Thực ra chúng là các hậu thân của các tiền kiếp đã được đầu thai sớm, song chúng không còn các ký ức về lai lịch về các quan hệ của kiếp trước. Chúng là các hậu thân của các vong hồn đam mê nên các ký ức vụn vặt mất đi nhanh không còn trong Thần thức ở dạng vong hồn trước khi đầu thai.

Những lý giải trên có được là nhờ tri thức tâm linh trên cơ sở duy thức logic, từ thực tế của tự nhiên. Hay từ một thực tế: Con sâu hóa nhộng từ nhộng hóa bướm. Đó chính là “sự chết” của một con sâu qua một quá trình chuyển dạng thức: Từ con sâu, bỏ và ăn lá đến con bướm biết bay ăn sương mật trong 21 ngày đêm chuyển dạng thức.

Sau khi thành bướm, con bướm có thể tìm đến loài cây mà kiếp sâu của nó ăn để đẻ, giúp sâu con có thể ăn được để sống. Ví dụ: Sâu róm ăn lá thầu dầu khi “hóa” bướm chúa chúng có thể bay phát tán khắp nơi. Vậy mà chỉ tìm nơi nào có cây thầu dầu để đẻ thế hệ sâu mới... Tại sao vậy? Đó là nhờ ký ức còn lưu lại từ con sâu sang con bướm. Vậy ta giải thích thế nào? Rõ ràng trong con bướm còn tồn dư một thứ (tạm gọi là gen ký ức) các gen ký ức này có trong con sâu. Khi sống hết thời hạn, sâu chuyển dạng vẫn mang gen ký ức nguyên vẹn sang bướm. Nhờ thế, con bướm mới nhận biết lại được thứ lá mà loài sâu đó ăn. Có thể đó là những gen ký ức bản năng. Một loại gen sâu đậm nhất không mất, “rau nào sâu ấy”. Qua quan sát các

sinh vật tự nhiên đã hé lộ nhiều lời giải cho những bí mật mà từ bao đời vẫn là một bài toán đối với các học giả. Chỉ khi với tri thức tâm linh, ta có thể tiếp cận phần nào những vấn đề thuộc lĩnh vực tâm linh kỳ bí, tiếp cận dần các bí mật của tự nhiên!

Trí tuệ con người qua mỗi vòng chu trình chuyển dạng lại tăng lên một bậc. Loài người vì thế ngày càng hoàn thiện dần nhân bản và siêu việt thêm về tri thức để tự nhận thức lấy cõi mình và các cõi khác trong Bao la, để không ngừng tìm tòi, khám phá và sáng tạo...

X. SINH LINH MỚI

Dân số trên thế giới không ngừng tăng lên, nếu theo thuyết luân hồi của đạo Phật sẽ khó giải thích. Khi loài người di cư đến trái đất cách nay hàng triệu năm chỉ khoảng dăm trăm với đủ giống người da đen, da xanh, da vàng, da đỏ và da trắng, người to lớn khổng lồ cao trên 2m đến người thấp lùn cao khoảng 1,1 đến 1,3m. Dân số toàn thế giới chỉ đạt 1 tỷ người năm 1800 theo UBDS của LHQ sống khắp các châu lục. Đến 31/10/1999, Mậu Thìn, năm cuối cùng của thế kỷ 20 dân số thế giới đã đạt 6 tỷ người. Mỗi ngày sinh ra thêm trung bình khoảng 400.000 công dân mới và theo thống kê mới nhất ngày 31/10/2011, Tân Mão, đứa bé Philippine ra đời đã đưa dân số thế giới đạt tròn 7 tỷ người.

Như vậy chỉ trong khoảng hơn 10 năm đã có thêm 1 tỷ người. Với tốc độ số người đi vào sự chết và số người mới sinh ra mỗi giây trên toàn thế giới là 2/5, chẳng bao lâu dân số sống trên quả đất này sẽ đạt 10 tỷ người.

Vậy theo một khía cạnh của Thuyết luân hồi là 100%. Vậy 3 sinh linh mới mỗi giây sinh ra ấy có được từ đâu? 3 phần Hồn mới ấy đến từ đâu? Thượng đế sinh ra ư? Không phải! Vì Thượng đế là siêu linh vô hình.

1. Theo tri thức tâm linh.

Trong Bao la có các hạt điện sinh học và chúng liên kết tự thân theo Thuyết âm dương cấu thành các loại hợp tố với số lượng là vô tận. Các hạt chứa gen ký ức có từ các Thần thức phá tán mà có.

Đó là các tiền tố tạo ra các loại thành tố của phần Hồn cho một thực thể sống. Thực thể sống có thể là vong hồn nếu chúng lọt vào cửa sinh của thai phụ để trải qua quá trình chuyển dạng thức thành cấu trúc hoàn chỉnh của một phần Hồn của một sinh linh, thai nhi mới.

Và nếu chúng lọt vào cửa sinh của các loài súc sinh, chúng sẽ thành sinh hồn của thực thể là súc sinh cùng cộng sinh với con người ở cõi Trần. Dân số tăng và tỷ lệ tự nhiên nam nữ luôn sắp xỉ 50/50 đồng nghĩa với số lượng cửa sinh của thai phụ tăng theo, tạo ra cơ hội để các phần Hồn mới hình thành và các con người mới ra đời đáp ứng sự tăng dân số ở cõi Trần.

2. Con người mới thế nào?

Số người tăng thêm chủ yếu là những con người mới toàn hoàn. Họ chỉ có trong Thần thức của thai nhi những gen ký ức bản năng. Trong quá trình lớn dần của sinh linh mới, bản ngã của con người sẽ hình thành dần thành ký ức sống. Những gen ký ức bản năng luôn tàng chứa trong các hạt điện sinh học tự do ở các hợp tổ tự do trong Bao la trước khi chúng liên kết lại để lọt vào cửa sinh. Những hạt điện sinh học chứa gen ký ức bản năng có từ đâu? Đó là các hạt từ các vong hồn bị phá tán (hoàn nguyên) do bị các tương tác của môi trường cõi. Thần thức của một vong hồn có hàng tỷ hạt chứa ký ức, một nguồn vật liệu vô tận cung cấp cho các hợp tổ. Chỉ cần một vài hạt chứa gen ký ức trong một hợp tổ là đủ cho một phần Hồn của một sinh linh mới hình thành.

Số sinh linh mới có một phần nhỏ là từ các hình thức tái sinh, đầu thai các loại (có thể xem là hình thức “luân hồi” mà đạo Phật quan niệm).

Ở cõi Trần, các sinh linh mới bao gồm: Sinh linh mới hoàn toàn sẽ được trải qua một cuộc sống thực để tích lũy các kỹ năng ký ức.

Các sinh linh tái sinh lại có cơ hội sẽ tiếp tục hoàn thiện cao hơn các phẩm hạnh để dần hoàn mỹ tính nhân bản phải có của loài người ở cõi Trần tục, cõi khởi nguồn của các cõi “người” khác trong Trung giới và Thượng giới.

PHẦN III

CHUẨN BỊ CHO CON ĐƯỜNG ĐI TIẾP VÀO CÁC CỖI KHÁC NGOÀI CỖI TRẦN CỦA CON NGƯỜI

CHƯƠNG I

CẦN CỐ GẮNG KIÊN TRÌ TÍCH TỤ NHỮNG NGUỒN NĂNG LƯỢNG, TỤ TẬP CÁC KÝ ỨC ĐẸP

I. TÍCH TỤ NĂNG LƯỢNG SINH HỌC, CÁC NGUYÊN TẮC SỐNG TỰ NHIÊN

Năng lượng là yếu tố cơ bản nhất, quan trọng nhất để con người tồn tại và phát triển ngay ở cõi Trần và để đi tiếp đến các cõi khác trong Bao la.

Năng lượng ở đây là năng lượng sinh học, thiên khí và địa khí.

1. Năng lượng xanh có từ đâu?

Năng lượng xanh (năng lượng sinh học) mà con người hấp thụ được và tích tụ là từ sinh thực: Gồm các thực phẩm từ động vật, các loài thực vật khác nhau, các thạch chất (đất đá v.v...) cần thiết và nước uống.

2. Thiên khí

Năng lượng thiên khí (thiên năng) gồm không khí và các nguồn năng lượng xanh tinh khiết (các hạt điện sinh học). Các nguồn năng lượng vật lý có lợi như từ tia, các hạt vũ trụ, ánh sáng, các bức xạ sóng v.v...

3. Địa khí

Năng lượng địa khí (địa năng) là các dòng electron âm, các ion âm và dòng địa bức xạ.

Hai khái niệm thiên khí và địa khí mà con người có được không phải ai cũng hiểu và nhận thức được. Các nhà cảm xạ học, một số nhà ngoại cảm, nhà khoa học, nhà nghiên cứu, các cao tăng, pháp sư, đạo sỹ... dày công nghiên cứu, tu tập mới nhận biết được rõ ràng cụ thể hai loại thiên năng và địa năng này.

Hai thứ năng lượng siêu hình này có tác dụng rất lớn và quan trọng đối với con người. Đó là nguồn năng lượng cho trí tuệ (cho phần Hồn). Ai cũng được ban phát tự do miễn phí, muốn hấp thụ bao nhiêu là tùy. Người nào cũng có cơ chế ở phần Xác để tự hấp thụ hai nguồn năng lượng này.

Đó là hệ thống bộ máy hô hấp để hít không khí.

Đó là 12 thông thiên đại huyết để hấp thụ thụ động hai nguồn năng lượng vô cùng lớn này trong không gian cõi Trần.

“12 thông thiên đại huyết” này được nhận thức cho đến tận ngày này vẫn chưa đầy đủ, vẫn chưa hiểu rõ về cơ chế hoạt động, về chức năng, về nhiệm vụ và vai trò của chúng ở một số chuyên ngành.

Đông y chỉ xem chúng là các huyết lớn ở các “nút thần kinh” trên hai đại mạch Nhâm và Đốc để áp dụng trong trị bệnh. Đó là các huyết Ấn đường, Bạch hội, Đại trùy, Phế du, Tâm du, Thận du, Mệnh môn, Trương cường nằm trên đại mạch Đốc ở phía lưng.

Hội âm, Trung cực (Khúc Cốt), Đan điền (Khí hải), Đan trung, Thiên đột nằm trên đại mạch Nhâm ở phía trước cơ thể.

Ngay nhận thức được tại sao mạch Nhâm thuộc Âm và mạch Đốc thuộc Dương? cũng không phải các lương y đều biết hết!

Chúng ta đều biết 2/3 thời gian sống ở cõi Trần của một người là nằm trên giường ngủ và nghỉ ngơi. Người ta nằm ngửa, nghiêng để ngủ do vậy lưng nơi có đại mạch Đốc mang thuộc tính “Khí dương” để hài hòa với “Khí âm” của đất. Cũng như vậy, phía trước có đại mạch Nhâm âm nhằm tạo cân bằng khí dương trong không gian.

Sự hài hòa Âm Dương là vô cùng quan trọng theo nguyên lý của thuyết Âm Dương giữ cho sự vận hành nội khí, huyết dịch trong các cơ quan thuộc phần Xác

của con người.

4. Thiên khí và địa khí

Thiên khí và địa khí trong không gian cõi Trần là vô cùng lớn, trong khi hai loại khí lực này ở bên trong cơ thể con người luôn luôn thiếu hụt do thường xuyên dùng cho các hoạt động của phần Hồn. Phần Hồn phải điều hành cơ thể hấp thụ tự nhiên qua các thông thiên đại huyết. Các lỗ huyết lại vô cùng bé nên khi thiên khí và địa khí ulla vào từ các phía tạo ra xoáy theo chiều vào trong cơ thể. Các đại huyết này luôn mở. Song nếu do một tác động cơ học nào đó làm bít tắc như: Bị tai nạn, bệnh tật v.v... một vài huyết nào đó sẽ không còn thông thoáng để hấp thụ 2 nguồn năng lượng cho bộ phận, cơ quan tương thích của thân thể.

Có thể trước đây, một đạo sỹ hoặc pháp sư nào đó hay một học giả nào đó tình cờ “nhìn thấy” những xoáy khí vào cơ thể tại các đại huyết này như một vòng tròn quay với các bóng loáng thoáng (giống như khi ta nhìn vào hệ cánh quạt của chiếc quạt điện đang quay) mà ngộ nhận như một “bánh xe quay” nên gọi là các Charka (các luân xa) và bóng mờ loáng thoáng như các cánh hoa quay. Các nhà cảm xạ học sau này cũng dùng từ “Luân xa” của cổ nhân. Các pháp sư còn tưởng tượng cái bóng xoáy của luồng khí là các “luân xa hoa sen” có các sổ sách khác nhau với các tên cụ thể như:

“Luân xa hoa sen Đại - hỷ trên đỉnh đầu có 32 cánh hoa sen.

Luân xa hoa sen Thọ - hưởng tại yết hầu có 16 cánh.

Luân xa hoa sen Pháp - bồn tại tim 8 cánh. Luân xa hoa sen Nội - hỏa tại đan điền, có 64 cánh.

Luân xa hoa sen Trì - lạc tại chỗ kín, có 32 cánh.

Luân xa hoa sen Khí - điền tại chân mày, có 16 cánh.

Luân xa hoa sen Hỏa - điền tại cổ, có 3 cánh.

Luân xa hoa sen Châu - báu tại đầu dương và âm vật, có 16 cánh”⁽¹⁾.

Như vậy theo các Cao tăng của Đạo Phật viết trong các kinh, sách ví dụ quyển Luân A-Tỳ-Đàm, Câu xá Luận thích (kho tàng trí tuệ) của ngài Thế Thân. Quyển Phật thuyết Bào thai kinh, Du già sư Đại luận của Tổ sư Vô Trước v.v... lại tán rộng chẳng những các luân xa mà còn nói đến các kinh mạch, các cơ quan, cơ thể con người. Họ dùng các ngôn từ khác, các thuật ngữ riêng, nhưng thực ra đều chỉ chung

các đại huyết, các kinh mạch, các nội quan mà Đông y, Tây y và các học giả đã đề cập với các thuật ngữ, thuật từ thông dụng từ trước và hiện nay.

Ví dụ: Luân xa hoa sen Đại - Hỷ chính là huyết Bách Hội ở đỉnh đầu; Luân xa hoa sen Thọ - Hưởng chính là huyết Thiên đột; hay Pháp - Bồn chính là huyết Tâm Du; Khí - Điền chính là huyết Ấn đường (Ngạc trung, con mắt thứ ba, giác quan cao cấp, ngoại giác quan, cửa cảm sóng v.v...); Nội - Hỏa chính là huyết Đan Điền; Hỏa - Điền chính là huyết Đại Trùy hay Trì - Lạc chính là huyết Hội âm; Châu - Báu chính là huyết Trung Cự (khúc cốt v.v...).

Các “Thông thiên đại huyết” theo tri thức tâm linh là các lỗ (huyết trên cơ thể thông với bên ngoài) với (không gian cõi Trần) để thiên khí và địa khí lọt vào các kinh mạch của thân xác đến mọi cấu tổ của phần Hồn. Nhờ thế, phần Hồn không những có thể tiếp nhận sóng sinh học mang thông tin qua thông thiên đại huyết Ấn Đường, Bách Hội, Trường Cường mà còn cung cấp năng lượng sinh học rất quan trọng và thiết thực cho phần Hồn tồn tại và phát triển.

Ngoài hấp thụ thụ động, con người còn có thể chủ động thu nguồn năng lượng này nếu nhận thức được nó và có phương pháp tu tập hiệu quả.

Năng lượng xanh thô từ sinh thực cung cấp chủ yếu cho thân vật lý (phần Xác) tồn tại và phát triển. Nguồn năng lượng xanh được cơ thể hấp thụ theo quy luật: Ngũ hành Âm Dương hài hòa cân bằng.

Nguồn năng lượng này giúp cho cơ thể hoạt động và thực hiện được mọi “ý muốn” của phần Hồn. Phần Xác là phần rất quan trọng khi con người còn ở cõi Trần. Vì nhờ có phần Xác thực hiện, mà mọi “ý muốn” của phần Hồn mới hiện thực hóa để kiểm nghiệm, điều chỉnh nhằm hoàn thiện hơn. Bởi vậy loài người ở cõi của mình gọi là cõi Trần tục. “Tục thế” là cõi thực, cõi có cả Hồn (linh hồn) và Xác (thân xác). Hồn là thứ chuyển luân trong vòng chu trình chuyển dạng từ cõi thực sang cõi vô hình, rồi lại từ cõi vô hình về cõi thực. Ở đây, con người có thêm phần xác - thân xác để thực hiện mọi thứ “tục”!

Tóm lại, ở cõi Trần, con người cần phải tích tụ cả ba nguồn năng lượng. Đó là: hai nguồn năng lượng xanh tinh và nguồn năng lượng xanh thô để tồn tại và phát triển, để hoạt động các loại và để thực hiện các ước muốn, các mục đích v.v...

Muốn có năng lượng phải biết tích tụ và biết sử dụng hợp lý, tiết kiệm. Vì cả ba nguồn năng lượng cần cho ta khi ở cõi Trần. Song hai nguồn năng lượng tinh khiết sẽ còn giúp ta đi tiếp đến các kiếp sau ở cõi vô hình.

Muốn có nhiều năng lượng con người phải biết tu tập, hấp thụ kiên trì, có ý thức

và các phương pháp, các phép tắc thu lượm, phải biết tiết độ hợp lý.

II. CÁCH GIỮ GÌN NĂNG LƯỢNG Ở CÕI TRẦN

Muốn có năng lượng lớn ở cả hai nguồn tinh và thô, con người nên tuân theo quy luật tự nhiên. Bởi không tuân thủ quy luật tự nhiên để sống, con người không thể hưởng hết hạn mức thời gian có thể ở cõi Trần để thỏa mãn được nhiều ước vọng. Đó là điều đáng tiếc nhất.

1. Trước hết nên tuân thủ “Quy luật sống tự nhiên” của chính loài người và của mỗi bản thân mình

Đó là sống hòa đồng vào tự nhiên, nên dùng các thứ mà tự nhiên đã ban cho loài người vô cùng phong phú, vô cùng đủ đầy qua các loài cộng sinh: động, thực vật và khoáng sản có ở quả đất để làm thực phẩm hoặc chiết xuất các chất dược liệu trị bệnh và tăng cường sinh lực v.v... Từ đó sẽ có được nguồn năng lượng mạnh nhờ sống sạch, sống hợp quy.

2. Đó là sống đúng “quy luật sinh học” của loài người theo các “dục bản năng”: ăn uống, ngủ nghỉ...

Cụ thể khi con người cảm thấy đói, nên ăn ngay. Vì thân xác cần có năng lượng bổ sung ngay vào số năng lượng đã sử dụng, đã thiếu hụt.

Cảm thấy mệt nên dừng mọi hoạt động để nghỉ ngơi. Vì phần Hồn và phần Xác cần an bình để điều hòa, cân bằng lại các rối loạn trong quá trình hoạt động sau một thời gian nhất định.

Buồn ngủ phải được ngủ ngay để phục hồi các cơ chế điều hành của phần Hồn và để phần Hồn có thời gian tham gia các hoạt động ngoại vi cần thiết, các hoạt động siêu thực vô hình, ví dụ giấc mơ, dự cảm, sinh hoạt tình dục để duy trì loài người cõi Trần, đảm bảo tính liên tục của vòng chu trình chuyển dạng trong Bao la. Song cần chú ý hợp lý, thuận tự nhiên, thời khí... Cụ thể như: tuổi tác, sức khỏe lúc thời tiết thuận hòa, ôn nhuận, tránh lúc Âm dương xáo động (lúc thay đổi nắng mưa, giao mùa), những lúc như vậy cần tránh sinh hoạt tình dục vì cả phần Hồn và phần Xác đang bị hao tổn năng lượng lớn để chống đỡ rất nhiều các tương tác của các tác nhân xấu trong môi trường ở không gian cõi Trần và có thể tiếp nhận vong hồn không lành mạnh lọt vào cửa sinh.

3. Đó là thực hiện các “dục vọng bản ngã” tùy thuộc vào năng lực bản thân, không theo đuổi các ước muốn vượt quá khả năng trí tuệ và tiềm lực mọi mặt của chính mình

Cụ thể:

Vui chơi hợp lý với hoàn cảnh. Mọi thứ mê đắm, ham say đều dẫn đến nhiều hậu quả xấu, phung phí năng lượng vô ích.

Tham danh vị... cao hơn năng lực sẽ tổn hại tâm và thần của chính bản thân, hao tổn quá mức năng lượng khó bù đắp, bởi phải luôn gắng gượng cố sức, tham của cải sẽ “hao tâm khổ tứ”, vì đua chen mưu lợi sẽ có thể sai khiến con người dấn thân vào nhiều ác nghiệp, tiêu hao năng lượng... để lại các ký ức xấu trong Thần thức sau này.

Tất cả những điều nêu ở trên là gợi ý giúp con người giữ gìn được các nguồn năng lượng quý giá đã có được, và nhờ sự thu lượm năng lượng vừa thụ động do tự nhiên ban phát cho, vừa tự thân chủ động thực hiện suốt cả quá trình sống ở cõi Trần.

III. NHỮNG PHƯƠNG PHÁP VÀ NGUYÊN TẮC GIỮ GÌN LẤY CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG KHI CÒN Ở CỖI TRẦN MÀ CON NGƯỜI CÓ THỂ THỰC HIỆN

Có một số nguyên tắc chủ đạo nếu con người tự giác nhận thức, kiên quyết và kiên trì tuân thủ chấp hành thực hiện hàng ngày, tụ tập thường xuyên sẽ có được nguồn năng lượng vô cùng lớn để sử dụng cho bản thân ngay ở cõi Trần còn có thể mang theo tới cõi vô hình. Năng lượng còn tồn dư nhiều sẽ giúp đi tới các tầng cao tùy thuộc ở Trung giới và Thượng giới rút ngắn thời gian trong vòng chu chuyển để sớm được trở lại cõi Trần cho một vòng chu chuyển mới. Một con người với nhân bản hoàn hảo, tụ tập trí lực cao siêu có thể thực hiện sứ mạng di cư mới khi Trái đất đã cạn kiệt các điều kiện sống như những tiền kiếp triệu năm trước đã làm khi họ di cư đến Trái đất. Loài người ở cõi Trần là tồn tại vĩnh hằng trong Bao la. Cõi Trần là cõi gốc trong vòng chu chuyển của các cõi vô hình - Trung giới và Thượng giới. Đó là đi hết một vòng đời.

Điều này chưa được con người nhận thức và lưu tâm!

Có sáu nguyên tắc giữ gìn năng lượng:

1. Bình an tâm thức mọi lúc mọi nơi

Tâm an bình, trí tuệ tất sẽ sáng suốt, mẫn tuệ, luôn đi con đường sáng, không ngừng sáng tạo trong cuộc văn minh hóa cuộc sống.

Điều này đã được minh chứng trong lịch sử cõi Trần mà loài người đã làm.

2. Khí bổ không ngừng

Khí bổ là rèn luyện thở hàng ngày để thu nguồn năng lượng hết sức quan trọng cho sự tồn tại ở cõi Trần của loài người.

Có phương pháp hít thở tốt sẽ có nguồn công năng lớn. Con người không thể nhịn thở ngoài 10 phút. Ngừng thở là dấu hiệu đi vào sự chết.

Dùng công năng từ hít thở không khí có thể chữa trị các tổn hư của thân xác, có thể tăng cường sức mạnh cơ bắp khi cần v.v...

Để nâng nguồn năng lượng này một cách hiệu quả loài người đã sáng tạo các phương pháp khí công nhờ phép hít thở không khí.

3. Thực bổ thận trọng

Thực bổ là thu năng lượng xanh thô để dưỡng nuôi thể xác qua sinh thực. Song việc ăn uống phải khoa học, đầy đủ các thành tố: âm dương ngũ hành, sạch, tốt, đúng lượng v.v... Các thực phẩm hợp thời khí “mùa nào thức ấy, sứ nào vật đó” phải chăng tự nhiên đã cho loài người một thực đơn lý tưởng để duy trì sức sống, phù hợp khu vực vùng miền... điều mà con người ít khi lưu tâm!

4. Nghỉ bổ hợp lý

Nghỉ ngơi, thư giãn, ngủ đủ thời gian cần được tuân thủ để bảo tồn tuổi thọ được hưởng, đó là cách điều tiết lại năng lượng... Nghỉ, ngủ cần tôn trọng “thời sinh học” đã được tự nhiên sắp đặt. Đó là ngày hoạt động, tối nghỉ ngủ đủ một đêm theo chu kỳ quay của Quả đất. Tiếc thay con người thường khó tuân thủ nghiêm túc. Vì vậy mà năng lượng bị tiêu phí nhiều mà không được phục hồi, lâu dần nguồn năng lượng để sống không còn nhiều, tuổi thọ giảm. 2/3 thời gian tồn tại của một người ở cõi Trần cần để nghỉ ngơi và ngủ nếu được tôn trọng, con người sẽ sống khỏe hết thời hạn có được ở cõi Trần này.

5. Động bổ vừa phải

Hoạt động các loại là rất cần thiết. Động bổ bao gồm nhiều loại: hoạt động, lao động để tạo ra vật chất nuôi sống và thực hiện được hoài bão và ước mơ của mỗi cá thể, của cả loài người.

Dù lao động trí óc hay lao động chân tay, dù là vui chơi, tập luyện, học tập luôn cần vừa sức. Đó là một phương pháp lao động vừa bảo tồn được năng lượng, vừa tạo ra nguồn vui, hưng phấn cho tinh thần. Động bổ là kiên trì và đúng phương pháp

các hoạt động thể dục thể thao, các hoạt động vui chơi, trò giải trí các loại (tham quan du lịch v.v...).

Động bổ trong các phương pháp, các phép tu luyện hoặc để duy trì sức lực, chữa trị bệnh, phục hồi các chức năng sống, hấp thụ năng lượng hoặc các hoạt động có sử dụng năng lượng cần được vừa phải, không nên thái quá, cố gắng, gấp gáp khẩn trương.

Động bổ trong các lĩnh vực tình cảm cũng vừa đủ thận trọng. Đây là loại hoạt động mà loài người thường áp dụng mà ít nghĩ đến đó là một loại động tiêu hao năng lượng toàn thể lớn nhất. Hồn và Xác đều bị tổn hao nếu bị lạm dụng quá mức.

6. Dược bổ đúng lúc

Tự nhiên trên Trái đất cung cấp cho loài người vô cùng phong phú và rất đầy đủ mọi thứ dược liệu để bồi bổ khi cần, để chữa trị khi đau ốm. Con người chưa biết hết, sử dụng hết! Song với trí tuệ ngày càng phát triển cao theo quy luật tự nhiên, tất yếu các thế hệ sau luôn giỏi hơn các thế hệ trước trong quá trình hoàn thiện, hoàn mỹ mà loài người cần vươn tới, loài người sẽ khám phá ngày càng nhiều nguồn dược liệu quý để phục vụ cho sức khỏe của mình.

Dược bổ là dùng thuốc đúng lúc, khi cần thiết, cho dù để tăng cường sức lực (thuốc bổ dưỡng) hay để chữa trị bệnh tật. Dùng thuốc thận trọng, hợp lý... đó là nguyên tắc của dược bổ. Thuốc bổ hay thuốc bệnh đều không được lạm dụng.

Từ bổ trong sáu nguyên tắc tăng cường năng lượng nêu trên là chỉ một phạm trù mà không phải một nghĩa từ hạn hẹp của từng nguyên tắc.

CÁC SÁCH CÙNG TÁC GIẢ ĐÃ XUẤT BẢN

- *Tình mình đời* - Tập truyện ngắn NXB Văn hóa dân tộc.
- *Dự báo tương lai bằng phương pháp số hóa* - NXB Văn hóa thông tin.
- *Thời sinh và dự đoán pháp* - NXB Thời đại.
- *Tổng luận về tướng pháp* - NXB Hải Phòng.
- *60 năm sinh trong hoa giáp* - NXB Thanh Hóa.
- *Phong thủy trong kiến trúc và xây dựng* - NXB Thời đại.
- *Tình tú với con người* - NXB Thanh Hóa.
- *Lập và giải tử vi* - NXB Thời đại.
- *Tự chọn tên hay* - NXB Thanh Hóa.
- *Ngày lành tháng tốt* - NXB Thời đại.
- *Cõi trần và cõi vô hình* - NXB TĐ VHTT

CÁC SÁCH THAM KHẢO

- Thế giới vô hình James Văn Praagh, NXBĐN
- Niết bàn khảo luận, chân tâm, NXB Tôn giáo
- Chết và tái sinh, Thích Nguyên Trạng NXB Phương Đông
- Chết vào Thân Trung âm, Đại sư Rinbochay NXB Tôn giáo
- Những vấn đề kiếp trước, Hồng Quang, NXB Phương Đông
- Hành trình về Phương Đông, Spalding, NXB Tôn giáo
- Cuộc đời bí ẩn của các pháp sư Tây Tạng, NXB BK
- Kinh lược sư
- Tu là chuyên nghiệp, Thích Thanh Từ, TN Phật giáo
- Lý thuyết Nhân tính, Thích Chơn Thiện, NXB Phương Đông
- Lòng yêu thương, Thích Thông Lạc, NXB Tôn giáo
- Hành thập thiện, Thích Thông Lạc, NXB Tôn giáo
- Thọ tam quy ngũ giới, NXB Tôn giáo
- Con người là tiêu và trụ, Đoàn Xuân Mượng, NXB TN
- Khoa học và vấn đề tâm linh Đoàn Xuân Mượng, NXBTN
- Bí ẩn của các nhà ngoại cảm Việt Nam, Lê Mai Dung, NXB VHTT
- Chu dịch với dự đoán học, Thiệu Vĩ Hoa, NXB VHTT
- Tứ trụ và dự đoán Pháp, Thiệu Vĩ Hoa, NXB VHTT - Chúng ta là ai, Đoàn Xuân Mượng, NXB TN
- Tổng luận về tướng pháp, Vũ Đức Huynh, NXBHP
- Đàm Thiên thuyết địa luận nhân, Ngô Bạch, NXB ĐN
- Cảm xạ học và đời sống, Dư Quảng Châu, NXB TN và nhiều tư liệu từ các nguồn chính thống khác...

33. Spalding, Hành trình về phương Đông, NXB T.Giới, 2009, tr.186.
34. Spalding, Hành trình về phương Đông, NXB T.Giới, 2009, tr.196, 197.
35. Spalding, Hành trình về Phương Đông, NXB T.giáo, 2009, tr.187.
36. Sách đã dẫn, tr.1988.
37. Sách đã dẫn, tr.196.
38. Sách đã dẫn, tr.192.
39. Spalding, Hành trình về Phương Đông, NXB T.giáo, 2009, tr.193.
40. Thích Thanh Từ, Tu là chuyên nghiệp, Thành Hội Phật Giáo, 1993, tr.23.
41. Sách đã dẫn, tr.53.
42. Spalding, Hành trình về Phương Đông, NXB T.Giới, 2009, tr 189,190.
43. Sách đã dẫn, tr.191.
44. Đoàn Xuân Mượu, Khoa học và những vấn đề tâm linh, NXB T.N, 2010, tr.136.
45. Báo Khoa học và đời sống số 100 (2627), 20/08/2011, tr.10.
46. Báo đã dẫn số 125 (2652), 18/10/2011, tr.10
47. Đoàn Xuân Mượu, Khoa học và vấn đề Tâm linh, NXB T.N, 2010, tr.135.
48. Spalding, Hành trình về Phương Đông, NXB T.Giới, 2009, tr.190.
49. Vietnam.net 17.00PM ngày 03/12/2010
50. Hồng Quang, Những vấn đề kiếp sau, NXB Phương Đông, 2011, tr.129.
51. Sách đã dẫn trang 130.
52. Thích Nguyên Tạng, Chết và tái sinh, NXB Phương Đông, 2007, tr.85.
53. Spalding hành trình về phương Đông phật giới, 2009, tr.191.
54. Spalding hành trình về phương Đông phật giới, 2009, tr.190.
1. Diệu Hạnh, Bùi Xuân Lý, Chết vào Trung âm và tái sinh NXB T.Giáo 2011, tr.118-119
1. Đoàn Mượu, Con người là tiểu vũ trụ, NXB TN 2010, tr.94.
2. Đoàn Xuân Mượu, Khoa học và vấn đề tâm linh, NXB TN 2010, tr.84
3. Spalding, Hành trình về phương Đông, NXB BTG 2009, tr.112.
4. Thiệu Vĩ Hoa, Chu dịch với dự đoán học, NXB VHTT 1995, tr.90.
1. Spalding, Hành trình về phương Đông, NXB Thế giới, 2009, tr.28.
2. Đoàn Xuân Mượu, Khoa học và vấn đề tâm linh, NXB TN, 2010, tr.79.
3. Hồng Quang, Những vấn đề kiếp sau, NXB Phương Đông, 2011, tr.64.
4. Giáo trình Diệu Hạnh và Chân Giác Bùi Xuân Lý, NXB Tôn giáo, 2011, tr.19.
5. Châm Tâm, Niết Bàn Khái luận, NXB Tôn Giáo, 2006, tr.70-71.
6. Sách vừa dẫn, tr.71
7. Hồng Quang biên dịch, Những vấn đề kiếp sau, NXB Phương Đông, 2011, tr.16.
8. Sách đã dẫn, tr.17.
9. Vũ Đức Huynh, Tổng luận về tướng pháp, NXB Hải Phòng, 2009, tr.8.
10. James Van Praagh, Lê Tuyên dịch Lê Già hiệu đính, NXB Đồng Nai, 2010, tr.7.
11. Chân tâm, Niết Bàn khái luận, NXB Tôn giáo, 2006, tr. 155.
12. Giáo trình Diệu Hạnh (dịch), Chết vào thân Trung âm, NXB Tôn Giáo, 2008, tr.33.
13. Giáo trình Diệu Hạnh và Chân giác Bùi Xuân Lý, Chết vào Trung âm và Tái sinh theo Phật giáo Tây Tạng, NXB T.G, 2008, tr.27, 28, 29, 30.
14. Sách đã dẫn tr. 31. 32. 33.

15. Bành Học Vân, Câu chuyện địa ngục, NXB LĐXH, 2008, tr.68.
16. Sách đã dẫn, tr.69
17. Hồng Quang (dịch), Những vấn đề kiếp sau, NXB Phương Đông, 2011, tr.76-77.
18. Đoàn Xuân Mượu, Khoa học và vấn đề tâm linh, NXBTN, 2010, tr.135.
- 19, 23(1), 23(2) Sách đã dẫn, tr.136-137.
- 19, 23(1), 23(2) Sách đã dẫn, tr.136-137.
20. James Van Praagh, Lê Tuyên (dịch) NXB Phương Đông, 2011, tr.29, 30.
21. Hồng Quang, Những vấn đề kiếp sau, NXB Phương Đông, 2011, tr.146, 148, 149.
22. James Van Praagh, Lê Tuyên (dịch), Thế giới vô hình, NXB Đồng Nai, 2010, tr.10
- 23 Sách đã dẫn, tr.11. (86)
- 24 Sách đã dẫn, tr.14. (86)
25. James Van Praagh, Lê Tuyên (dịch), Thế giới vô hình, NXB Đồng Nai, 2010, tr.15.
26. James Van Praagh, Lê Tuyên (dịch), Thế giới vô hình, NXB Đồng Nai, 2010, tr.16.
27. Sách đã dẫn, tr.17-18.
28. Sách đã dẫn, tr.10.
1. James Van Praagh, Lê Tuyên (dịch), Thế giới vô hình, NXB Đồng Nai, 2010, tr.32.
2. Giáo Trình Diệu Hạnh, Chết vào Thân Trung âm và tái sinh, NXB T.G, 2011, tr.98.
3. Thích Nguyên Tạng Chết và tái sinh, NXB P.Đ, 2007, tr.31.
4. Sách đã dẫn, tr.34
5. Thích Nguyên Tạng, Chết và tái sinh, NXB P.Đ, 2007, tr.34.
6. Sách đã dẫn, tr.35
7. Thích Nguyên Tạng, Chết và tái sinh, NXB P.Đ, 2007, tr.94.
8. Thích Nguyên Tạng, Chết và tái sinh, NXB P.Đ, 2007, tr.95.
9. Sách đã dẫn, tr.95
10. Sách đã dẫn, tr.21
11. Thích Thanh Từ, Tu là chuyên nghiệp, Thành hội P.G, 1993, tr.20
12. Vũ Đức Huynh, Tổng luận về tướng pháp, NXB Hải Phòng, 2009, tr.8
13. Bành Học Vân, Câu chuyện về địa ngục, NXB LĐXH, 2008, tr.5
14. Đoàn Xuân Mượu, Khoa học và vấn đề tâm linh, NXB TN, 2010, tr.136
15. TS. Đoàn Xuân Mượu, Khoa học và vấn đề tâm linh, NXB TN, 2010, tr.136
16. Giao Trình Diệu và Chân Giác Bùi Xuân Lý (dịch), Chết vào Thân Trung âm và tái sinh, NXB T.Giao, 2011, tr.12
17. Giao Trình Diệu và Chân Giác Bùi Xuân Lý (dịch), Chết vào Thân Trung âm và tái sinh, NXB T.Giao, 2011, tr.13
18. Chân Tâm, Niết Bàn khái luận, NXB T.Giáo, 2006, tr.27.
19. Niết bàn, sách đã dẫn, tr.49.
20. Spalding, Hành trình về phương Đông, NXB T.Giới, 2009, tr.187.
21. Hồng Quang, Những vấn đề kiếp sau, NXB P. Đông, 2011, tr.28, 29, 30.
22. Niết Bàn khái luận sách đã dẫn.
23. Chân Tâm, Niết Bàn khái luận, NXB T.Giáo, 2006, tr.82.
24. Spalding - Nguyên Phòng, Hành trình về phương Đông, NXB T.Giới, 2009, tr.187
25. James Van Praagh - Lê Tuyên, Thế giới vô hình, NXB Đồng Nai, 2010. tr.10,11.

26. Chân tâm Niết bàn khái luận, NXB T.Giáo, 2006, tr46, 47.

27. Chân tâm Niết bàn khái luận, NXB T. Giáo, 2006, tr.103

28. Sách đã dẫn, tr.104.

29. Sách đã dẫn, tr27.

30. Chân Tâm, Niết Bàn khái luận, NXB T.Giáo, 2006, tr87.

31. Spalding, Hành trình về phương Đông, NXB T.Giới, 2009, tr.191.

32. Sách đã dẫn, tr.188

1. Spalding, Hành trình về phương Đông, NXB T.Giới, 2009, tr.188.

2. Spalding, Hành trình về phương Đông, NXB T.Giới, 2009, tr.188.

1\.. Lưu Á Châu sinh năm 1952, hiện là Trung tướng không quân Trung Quốc, Chính ủy Đại học Quốc phòng Trung Quốc, là một nhà văn có tiếng, từng được tặng một số giải thưởng văn học của Trung Quốc.

'Số không hạt nhân toàn cầu': tiếng Anh là Global Zero

Luật rừng Hobbles, tức Hobbles Jungle: Các loài thú trong rừng dựa vào sức mạnh của mình mà giành lấy phần thụ hưởng. Con người cũng hành động như thế và nếu cần thiết, thậm chí họ còn tàn sát lẫn nhau hoặc biến đồng loại thành nô lệ. Đây là một triết lý của Thomas Hobbles (1588 - 1679, người Anh), triết gia duy vật máy móc, ủng hộ chế độ quân chủ chuyên chế, đề xuất Thuyết Khế ước có ảnh hưởng lớn tới thế giới.

Cuộc chiến tranh 30 năm: Thirry Year's War, cuộc loạn chiến ở Châu Âu trong thời gian 1618 - 1648, chủ yếu diễn ra trên phần đất nay là nước Đức, có sự tham gia của nhiều cường quốc.

Kế hoạch 14 điểm: còn gọi là Nguyên tắc 14 điểm, Fourteen Points, tức Chương trình hòa bình 14 điểm do Tổng Thống Mỹ Wilson đưa ra ngày 8/1/1918 tại Hội nghị Hòa Bình Paris sau khi chấm dứt Thế chiến I.

Hội Quốc Liên: League of Nations, tổ chức liên minh các quốc gia kiểu như Liên Hợp Quốc hiện nay, tồn tại trong thời gian 1/1920 - 4/1946. Do Thượng viện Mỹ từ chối không cho Mỹ tham gia Hội này nên Hội hoạt động kém hiệu quả. Ngày 18/4/1946 Hội Quốc Liên tuyên bố giải tán (sau khi Liên Hợp Quốc thành lập ngày 24/10/1945).

5\.. Thuyết hồi kết lịch sử: The End of History, quan điểm do Francis Fukuyama đưa ra năm 1989, sau được phát triển trong cuốn 'The End of History and the Last Man' xuất bản năm 1992. Fukuyama là học giả người Mỹ gốc Nhật.

6\.. Tơ - rút: Trust, hình thức liên minh nhiều doanh nghiệp để giảm cạnh tranh, nắm thị trường, định giá cả.

Toynbee: có hai sử gia cùng tên này, nhưng trong sách không viết đầy đủ tên đệm. Theo người dịch, ở đây là Arnold Joseph Toynbee, 1889 - 1975, người Anh, tác giả bộ sách 12 tập 'A Study of History', còn gọi là 'History of the World' rất nổi tiếng, viết về sự thăng trầm của các nền văn minh, xuất bản 1934 - 1961. Ông còn là cố vấn chính về vấn đề Trung Đông của Bộ Ngoại giao Anh thời gian 1918 - 1950.

Trương đại soái: Tức Trương Tác Lâm 1875 - 1928, trùm quân phiệt Phụng hệ (1 phái hệ trong quân phiệt Bắc Dương), từ 1916 làm Đốc quân Phụng Thiên, theo phát xít Nhật, thống trị vùng Đông Bắc Trung Quốc, năm 1920 liên kết với quân phiệt Trục hệ trong chiến tranh giữa Trục hệ với Văn hệ, thắng Văn hệ, đứng đầu chính phủ quân phiệt Bắc Dương (đóng đô Bắc Kinh). Năm 1922 bị Trục hệ đánh bại, rút lên Đông Bắc. Năm 1924 đánh bại Trục hệ,

lại đứng đầu chính phủ Bắc Dương. Năm 1928 bị quân đội Quốc dân của Tưởng Giới Thạch đánh bại, rút về Đông Bắc, dọc đường bị chết vì bom Nhật.

Trương thiếu soái tức Trương Học Lương, 1901-2001, nhũ danh Tiểu Lục Tử, con trai Trương Tác Lâm. Từ 1917 theo cha làm việc trong quân đội Phụng hệ. Năm 1928 Lâm chết. Lương lên thay cha làm tổng tư lệnh ba tỉnh Đông Bắc Trung Quốc, và tuyên bố theo chính phủ Dân quốc do Tưởng Giới Thạch làm Tổng thống; nhờ đó thực hiện được việc thống nhất quân đội Trung Quốc. Lương được cử làm Tư lệnh Biên phòng Đông Bắc. Năm 1936, Lương chủ trương đoàn kết với Hồng quân của Đảng cộng sản Trung Quốc chống Nhật, nhưng Tưởng phản đối. Ngày 12/12/1936 khi Tưởng Giới Thạch đến Tây An thị sát, Lương cùng tướng Dương Hổ Thành bắt giữ Tưởng, yêu cầu thực hiện đoàn kết chống Nhật. Sau khi Tưởng chấp nhận yêu cầu này, Lương đưa Tưởng về Nam Kinh. Tưởng giam lỏng Lương cho đến năm 1946 khi Tưởng chạy ra Đài Loan có mang theo Lương. Đảng cộng sản Trung Quốc đánh giá cao tinh thần yêu nước chống Nhật của Lương.

1\ . Vương đạo: 'đạo của người làm vua' trng triết học chính trị phong kiến Trung Quốc, ý nói chính sách dùng nhân nghĩa trị thiên hạ của vua chúa phong kiến Trung Quốc. Ngược lại là Bá đạo: chính sách dùng vũ lực, cường quyền để trị thiên hạ; Bá đạo còn có nghĩa là ngang ngược xác lảo.

Matteo Ricci: Nhà truyền đạo thiên chúa, 1552 - 1610, tên chữ Hán là Lợi Mã Đâu (Li Ma - T'eou), 1582 đến Trung Quốc, 1601 đến Bắc Kinh, quen nhiều học giả ở đây, có công giới thiệu khoa học tự nhiên phương Tây cho Trung Quốc.

An Nam: tên cũ do triều đại nhà Đường Trung Quốc đặt cho Việt Nam.

Miến Điện: Tên cũ của Myanma.

Nguyên văn chữ Hán: Tế nhược phù khuynh.

Khí Châu Nhai Nghị: 'Bàn việc bỏ quận Châu Nhai'. Năm 112 tr.CN. Hán Vũ Đế chinh phục nước Nam Việt (ở vùng Quảng Đông, đảo Hải Nam), lập 9 quận trên đảo Hải Nam, trong đó có quận Châu Nhai. Nhưng quận này thường xuyên nổi lên chống nhà Hán; quân nhà Hán bắt lực không đàn áp nổi. Năm 46 tr. CN, Hán Nguyên Đế trung cầu ý kiến quần thần giải quyết vấn đề này. Các quan đề nghị bỏ quận Châu Nhai, nhà vua chấp nhận và hạ chiếu chính thức bỏ quận Châu Nhai.

Nguyên văn chữ Hán: Bất thị sát nhân giả năng nhất chi, là một danh ngôn của Mạnh Tử.

Sách sử Trung Quốc in nhằm thành Tây Ban Nha, người dịch sửa lại cho đúng với lịch sử.

Đại đế Peter: 1672 - 1725, tức Pi - Ôt Đại đế nước Nga (1682 - 1725), Sa Hoàng đầu tiên thực hành cải cách hành chính, phát triển công thương nghiệp và văn hóa giáo dục, xây dựng lục quân và hải quân chính quy, tiến hành bành trướng ra ngoài biên giới.

Vasscoda Gama: người Bồ Đào Nha, 1460 - 1524, nhà hàng hải đầu tiên khám phá tuyến hàng hải từ Châu Âu vòng qua Mũi Good Hope đến Ấn Độ (1497 - 1499), phát hiện ra Ấn Độ, 1524 làm Tổng đốc Ấn Độ thuộc Bồ Đào Nha.

Chỉ Qua Vĩ Vũ 止戈为武 : Trong Hán tự , chữ 'Vũ'武(Võ) (trong vũ lực, vũ khí) do chữ 'Chỉ'止(dừng lại) và chữ 'Qua'戈(cây giáo, một thứ vũ khí thời xưa) hợp thành; 'Chỉ Qua' là 'Ngưng giáo' (tức không chiến đấu) cấu tạo thành chữ 'Vũ'武. Chỉ Qua Vĩ Vũ còn được dùng như một thành ngữ, với nghĩa: võ công chân chính là võ công chấm dứt được chiến tranh; về sau lại có thêm ý: võ công chân chính là võ công chấm dứt được chiến tranh; về sau lại có

thêm ý: võ công chân chính là không dùng vũ lực mà khuất phục được đối phương. Chỉ Qua Vĩ Vũ là luận điểm nổi tiếng do Sở Trang Vương nêu ra đầu tiên.

Ý nói người giỏi quân sự đều hết sức tránh chiến tranh mà cố gắng dùng mưu lược để giải quyết tranh chấp đối phương. Đây là nửa sau về thứ nhất trong đôi câu đối tại miếu thờ Vĩ Hầu Gia Cát Lượng ở Thành Đô. Đôi câu đối này như sau: 能攻心则反侧自消,自古知兵非好战;/ 不审势即宽严皆误,后来治蜀要深思

Thomas Cleary: Nhà Hán học người Mỹ.

Nguyên văn chữ Hán: Thượng binh phạt mưu (Dùng mưu lược thắng địch là trình độ dụng binh cao nhất) và Bất chiến nhi khuất chân chi binh (Không đánh mà hàng phục được toàn bộ kẻ địch). Đây là hai câu thiên 'Mưu công', trong 'Bình pháp tôn tử'.

Sir Liddell Hart (1895 - 1970) người Anh, quân nhân, sử gia quân sự hàng đầu, nổi tiếng với lý thuyết chiến tranh cơ giới hóa (sử dụng xe tăng), nhà văn, nhà báo, tác giả hơn 30 cuốn sách, đáng kể là 'Lịch sử thế chiến II'

Nguyên văn chữ Hán: Bách chiến bách thắng, phi thiện chi thiện giả dã; bất chiến nhi khuất nhân chi binh, thiện chi thiện giả dã.

Nguyên văn chữ Hán: Hiệp hòa vạn bang.

Nguyên văn chữ Hán: Tứ hải vô địch.

Nguyên văn chữ Hán: Hóa can qua vì ngọc bạch. Ý nói thay chiến tranh bằng tình hữu nghị.

Nguyên văn chữ Hán: Nhân giả vô địch.

Biển Adriatic: vùng biển phân cách bán đảo Ý với bán đảo Balkan (gồm Croatia, Slovenia, Bosna và Hercegovina, Montenegro và Albania).

Biển Aegean: vùng biển nằm giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp.

Nguyên văn chữ Hán: Đắc đạo đa trợ, thất đạo quả trợ. Đây là một câu trong thiên 'Công Tôn Sứ Hạ' sách 'Mạnh Tử'.

Nguyên văn chữ Hán: Đa hành bất nghĩa tất tự tệ.

Nguyên văn chữ Hán: Sư xuất hữu danh.

Nguyên văn chữ Hán: Nghĩa binh.

Nguyên văn chữ Hán: Nghĩa chiến.

Chủ nghĩa công lợi: Quan điểm lấy công hiệu thực tế hoặc lợi ích làm tiêu chuẩn hành vi.

Học thuyết Darwin - xã hội: Tức Social - Darwinist Tdeology, lý thuyết cho rằng xã hội loài người tiến hóa thông qua thuyết đấu tranh sinh tồn, trong đó chủng tộc nào thông minh hơn, khỏe mạnh hơn, thích nghi với môi trường tốt hơn sẽ là chủng tộc có quyền tồn tại; chủng tộc nào dốt nát, ốm yếu, kém thích nghi với môi trường sẽ bị đào thải.

1\ Người Tây dương, tức là người phương Tây

2\ Người Đông dương, tức là người Nhật Bản

Bernard Montgomery, 1887 - 1976, nguyên soái lục quân Anh, nhà chỉ huy quân sự nổi tiếng của lực lượng Đồng minh, từng đánh bại quân Đức đóng tại Châu Phi, tạo ra bước ngoặt trong thế chiến thứ II.

Beaufre tức André Beaufre 1902 - 1975, lúc kết thúc Thế Chiến II là đại tá trong quân đội kháng chiến Pháp do tướng De Gaulle chỉ huy, nhà chiến lược quân sự Pháp, đề xướng thành lập lực lượng hạt nhân độc lập của Pháp, tác giả sách 1940: The Fall of France

Clemenceau: Georger Clemenceau, 1841 - 1929, nhà chính trị, nhà báo, hai lần làm Thủ

tướng Pháp (1906 - 1909; 1917 - 1920), tham gia và thao túng hội nghị hòa bình Paris sau thế chiến I, cố gắng làm suy yếu Đức, chống Liên Xô, phản đối chủ trương của Tổng thống Mỹ Wilson tại Hội nghị này.

3\ Alexis de Rocqueville, 1805 - 1859, nhà chính trị học và sử gia, nghị sĩ nền Cộng hòa thứ II nước Pháp, Ủy viên ban soạn thảo Hiến pháp, tác giả hai cuốn sách nổi tiếng *Nền dân chủ Mỹ*, chế độ cũ và Đại Cách mạng. ^{>(60)} có viết một đoạn bình luận đặc sắc trong danh tác “*Nền dân chủ Mỹ*” xuất bản năm 1835 như sau:

Mahan tức Alfred Thayer Mahan, 1840 - 1914, người Mỹ, nhà chiến lược biển và sử gia nổi tiếng, người sáng lập thuyết 'Sức mạnh biển' (Sea Power Theory), từng là sỹ quan chỉ huy trong cuộc chiến Mỹ - Tây Ban Nha năm 1898, suốt đời cống hiến cho việc xây dựng quyền lực biển của Mỹ. Tổng thống F.Roosevelt ca ngợi ông là một trong những nhân vật vĩ đại nhất, có ảnh hưởng nhất trong đời sống của nước Mỹ. ^{>(61)}. Di chúc chính trị của Washington là kết tinh trí tuệ chiến lược của các bậc khai quốc công thần Mỹ, là sự sáng tạo của trí tuệ chiến lược Mỹ thời đại đó, là tư tưởng chỉ đạo thực tiễn chiến lược Mỹ 100 năm sau đó. Di chúc chính trị của Washington vừa là chiến lược lớn, phương châm lớn của nước Mỹ, cũng là tư tưởng lớn, lý thuyết lớn chiến lược của Mỹ. Di chúc này có thể sánh ngang bất kỳ trước tác tư tưởng chiến lược kinh điển nào trên thế giới. Di chúc chiến lược Washington và trước tác chiến lược của Mahan là hai tiêu chí đánh dấu nước Mỹ từ chiến lược thủ thành tiến tới chiến lược bành trướng.

Chủ nghĩa Monroe: Monoe Doctrine, học thuyết do Tổng thống Mỹ Monroe, học thuyết do Tổng thống Mỹ Monroe đề xuất, chủ trương phản đối sự can thiệp của Châu Âu và Tây bán cầu; trở thành nền tảng chính sách đối ngoại Mỹ. James Monroe, 1758 - 1831, là Tổng thống Mỹ thứ 5, làm Tổng thống hai nhiệm kỳ (1817 - 1825). ^{>(62)} là giai đoạn hai và hình thái thứ hai của đại chiến lược Mỹ.

Roosevelt ở đây là Franklin Roosevelt, 1882 - 1945, Tổng thống Mỹ thứ 32, làm Tổng thống 4 nhiệm kỳ liên (1933 - 1945), được coi là Tổng thống tốt nhất nước Mỹ. ^{>(63)} trước ngày kết thúc Thế chiến II là giai đoạn bốn và hình thái thứ tư của đại chiến lược Mỹ.

Hull tức Cordell Hull, 1871 - 1955, Bộ trưởng Ngoại Giao Mỹ 1933 - 1943, người đảng Dân Chủ, ủng hộ New Deal của Roosevelt, chống Nhật xâm lược Trung Quốc, góp phần xây dựng Liên Hợp Quốc; giải Nobel Hòa Bình 1945. ^{>(64)} từng đưa ra một số ý tưởng và biện pháp sau này được sử gia Arthur Meier Schlesinger Jr gọi là “chủ nghĩa thế giới”. Họ cho rằng chiến tranh đã làm cho cơ cấu thế quân bình truyền thống của châu Âu bị phá hoại nặng, cần phải dựa vào Mỹ, Liên Xô và Anh Quốc để duy trì trật tự thế giới. Mỹ nên và có thể ở trong thế giới này, thông qua tổ chức Liên Hợp Quốc để giữ gìn kết cục an ninh tập thể thay cho thế quân bình và phạm vi thế lực của các nước lớn, bảo đảm địa vị lãnh tụ thế giới của Mỹ.

Là cọng rơm cuối cùng làm gãy lưng con lạc đà nhưng lại thu được chiến lợi phẩm là cả con lạc đà: câu này có nguồn gốc từ một ngạn ngữ tiếng Anh: 'The last straw on the camel's back',

có nghĩa là còng rơm cuối cùng chắt trên lưng con lạc đà làm nó khiêu xuống (vì không chịu nổi sức nặng). Đồng rơm chắt trên lưng lạc đà quá nặng làm nó gãy lưng tất nhiên phải có còng rơm cuối cùng gây ra tình trạng đó (tương tự: giọt nước tràn ly). Ở đây tác giả ví von công lao của Mỹ đối với hai cuộc Thế chiến chẳng là bao mà chiến thắng Mỹ thu được lại quá lớn. Người dịch cho rằng nước Mỹ có công rất lớn trong hai cuộc Thế chiến, nhất là Thế chiến II, đặc biệt trên mặt trận Thái Bình Dương, Mỹ chiến đấu kiên cường với Phát xít Nhật, buộc Nhật đầu hàng, tạo điều kiện cho nhiều nước Châu Á giành được độc lập, thoát khỏi chế độ thuộc địa. .sup">(65).

Chính sách mở cửa, tức Open Door Policy, do Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ John Hay đề xuất năm 1899 để áp dụng cho Trung Quốc khi nước này bị các nước Phương Tây bắt nạt và xâm lược. Trung Quốc cho rằng chính sách này nhằm để quân bình lợi ích các nước phương Tây trong việc xâm xé Trung Quốc. .sup">(66). Năm 1904 Roosevelt nêu “suy luận” về chủ nghĩa Monroe là hành động tăng cường sự chuyển biến đó.

Chiến tranh Phổ - Pháp: diễn ra trong thời gian 1/1870 - 5/1871, do Pháp tuyên chiến trước, kết thúc bằng thắng lợi của Phổ, đem lại sự thống nhất Đế Chế Đức dưới sự cai trị của vua Wilhelm I và đánh dấu sự sụp đổ của hoàng đế Pháp Napoléon III và Đế nhị đế chế Pháp, sau đó được thay bằng nền Cộng hòa thứ III. Vùng Alsace - Lorraine bị Phổ chiếm cho đến khi Thế chiến I kết thúc. Hội ấy Bismarck đang là Thủ tướng phục vụ triều đình Hoàng Đế Phổ Wilhelm I. .sup">(67), Phổ thắng Pháp, Hoàng đế Pháp bị bắt làm tù binh. Nhưng nội bộ nước Phổ xảy ra sự chia rẽ sâu sắc về chính sách đối với Pháp. Đại sứ Đức tại Pháp nhiệm kỳ đầu tiên là Harry von Arnim chủ trương khôi phục chế độ hoàng đế của Pháp. Nhưng xuất phát từ mục đích chiến lược muốn Pháp trở nên bị cô lập, rối ren và suy yếu để sau này khó có thể cạnh tranh với Đức, Bismarck chủ trương khôi phục nền cộng hòa Pháp. Bismarck cho rằng một chính quyền cộng hòa không ổn định sẽ ở vào trạng thái cô lập bị cách ly trong một châu Âu mà chế độ quân chủ chiếm địa vị thống trị. Năm 1872, trong một bản tấu trình, Bismarck viết: “Đối với châu Âu vương triều liên hợp, quả núi lửa Paris (chính quyền cộng hòa không ổn định) không có chút nguy hiểm nào, nó sẽ tự cháy tự tắt”. Bismarck kiên trì để Pháp lập chế độ cộng hòa, để Pháp như một quả núi lửa không ổn định suốt ngày phun ra dân chủ, rơi vào tình trạng rối ren mất ổn định - đây là trạng thái lý tưởng có lợi nhất cho nước Đức. Nhưng Arnim ngoan cố kiên trì ý kiến của mình, cuối cùng ông này bị cách chức và bị tố cáo phạm tội phản quốc.

Nghị viện chế hiến (hoặc lập hiến): constituent assembly. .sup">(68) có quyền lập pháp và quyền giám sát chính phủ nhưng không được thay chính phủ nắm chính quyền. Chính phủ nên “có chức, có quyền và ổn định”. Do chính phủ lâm thời chỗ nào cũng bị Nghị viện Chế hiến cản trở níu kéo, ngày 20 tháng 1 năm 1946 De Gaulle tức giận từ chức. Mãi cho tới tháng 9 năm 1958, khi bản hiến pháp nền Cộng hòa thứ V tăng cường đáng kể quyền lực của Tổng thống được thông qua, sau khi được bầu làm Tổng thống nhiệm kỳ thứ nhất, De Gaulle mới có điều kiện để triển khai hoài bão chính trị của mình.

Văn hóa Hobbes: nền văn hóa chịu ảnh hưởng của Thomas Hobbes, (xem chú thích 1

chương III), nhà triết học chính trị theo chủ nghĩa duy vật máy móc, ủng hộ chế độ quân chủ, đề ra thuyết Khế ước, có ảnh hưởng lớn tới thế giới. .sup">(69) tới văn hóa Locke

Văn hóa Locke: nền văn hóa chịu ảnh hưởng của John Locke, 1632 - 1704, triết gia duy vật người Anh, sáng lập chủ nghĩa Kinh nghiệm, chứng minh tri thức của nhân loại bắt nguồn từ thế giới cảm tính, là người đầu tiên trình bày toàn diện tư tưởng dân chủ hiến chính, chủ trương chính thể quân chủ lập hiến, có ảnh hưởng tới triết học và chính trị thế giới. .sup">(70) và văn hóa Kant

Văn hóa Kant: nền văn hóa chịu ảnh hưởng của triết gia Đức Im -manuel Kant, 1724 - 1804, người sáng lập triết học duy tâm cổ điển Đức, chủ trương tri thức của nhân loại là hữu hạn. .sup">(71) vừa là một quá trình dài lâu vừa cũng là một quá trình quanh co lắt léo. Trong quá trình đó nếu đánh mất sự cảnh giác đối với các âm mưu quỷ kế của thế lực nước ngoài thì ắt hẳn sẽ thất bại lớn. Bởi vậy, vẫn nên gương nhẹ đối với sự phê phán “Thuyết âm mưu”, “Thuyết cạm bẫy”. Các phần tử tinh anh càng không được dùng ảo tưởng “Thuyết phi âm mưu” thậm chí “Thuyết Thiên thần” để làm quần chúng nhân dân u mê.

Nicholas John Skykman (1893 - 1943), người Mỹ gốc Hà Lan, nhà chiến lược học địa lý, được gọi là 'cha đẻ chính sách vây chặt' (god father of Containment), đề xuất Rimland Theory.

Quỹ truyền thống Mỹ: tiếng Anh là The Heritage Foundation, một think tank hàng đầu của Mỹ, có xu hướng bảo thủ, đặt trụ sở tại Washington.

Học giả Ezra Vogel, tác giả sách 'Japan As Numberone'

Sự thăng trầm của các cường quốc: tức 'The Rise and Fall of the Great Power' Economic Change and Military Conflict From 1500 to 2000, xuất bản lần đầu năm 1987.

Hiệp định Quảng trường: tức Plaza Accord, là thỏa ước tài chính do Mỹ, Nhật, Đức, Anh, Pháp ký ngày 22/9/1985 tại khách sạn Plaza (Plaza nghĩa là Quảng trường), thành phố New York; nội dung chính là hạ giá đồng dollar Mỹ so với đồng Yên Nhật và đồng Mác CHLB Đức.

Nguyên văn bản tiếng Trung Quốc là 1988, có lẽ là in nhầm, người dịch sửa là 1998.

Bức màn sắt (Iron Curtain) là từ để gọi biên giới địa lý, biên giới tư tưởng mang tính biểu tượng chia cắt Châu Âu thành hai khu vực riêng từ cuối Thế chiến II đến cuối Chiến tranh lạnh (1991). Tháng 2/1946, Stalin phát biểu khẳng định Chủ nghĩa Cộng sản sẽ thắng và Chủ nghĩa Tư bản sẽ bị lật đổ, Liên Xô quyết tâm thiết lập chế độ Cộng sản ở Đông Âu. Trong diễn văn 'Nguồn tiếp sức cho Hòa Bình' tại Đại học West -minster ở Fulton, Missouri (Mỹ) ngày 5/3/1946, Winston Churchill (lúc này không còn là thủ tướng, nhưng vẫn có tiếng nói mạnh mẽ trên chính trường Anh) phản đối việc Stalin lập 'Bức màn sắt' ở Đông Âu, coi đó là biểu tượng chia cắt Châu Âu. Churchill kêu gọi Mỹ ngăn chặn Stalin lôi các nước Tây Âu vào bên trong bức màn sắt.

Bản tiếng Trung Quốc in sai là Georger Tanya. Người dịch đã tra cứu lại, tên chính xác là Georger Santayana, 1863 - 1952, nhà thơ và triết gia Mỹ gốc Tây Ban Nha. Câu cách ngôn này nguyên văn là 'Those who cannot remember the past are condemned to repeat it'. (Ai quên quá khứ thì sẽ bị lên án là lặp lại quá khứ). Nguồn: 'The Life of Season'.

China's strangery for of strang nation xuất bản năm 2007.

Trung Mỹ quốc: tiếng Anh Chimerica; do Niall Ferguson (người Anh, giáo sư môn lịch sử tại Đại học Harvard) và Moritz Schularick (phó giáo sư kinh tế học tại John F. Kennedy Institute of the Free University of Berlin) đưa ra cuối năm 2006.

Năm 1812 Châu Âu chìm trong chiến tranh, Hoàng đế Pháp Napoléon đưa đại quân tấn công Nga, kết quả đại bại, binh sĩ chết gần hết do đói rét; nhân dịp đó nhiều nước Châu Âu (kể cả Anh) nổi lên chống Pháp. Cũng năm đó Mỹ tuyên chiến với Anh; quân đội Anh chiếm thủ đô Mỹ, lẽ ra Mỹ sẽ gặp nhiều khó khăn, nhưng vì Anh đang dốc sức đánh Pháp, chính phủ Anh, sợ thua Napoleon nên không dám tiếp tục đánh Mỹ mà cuối cùng năm 1814 Anh ký hòa ước với Mỹ, nhờ đó Mỹ thoát nạn chiến tranh (1815 Anh và Phổ thắng Pháp). Vì thế tác giả nói tai họa của Châu Âu là cơ may của Mỹ.

Chính phủ quân phiệt Bắc Dương: chính phủ của tập đoàn quân phiệt phong kiến do Viên Thế Khải lập cuối đời nhà Thanh. Năm 1901 Viên nhậm chức Đại thần Bắc Dương. Sau Cách mạng Tân Hợi (1911), Viên cướp lấy chức Đại Tổng thống, hình thành tập đoàn quân phiệt đàn áp nhân dân, bán nước. Năm 1916, Viên chết, tập đoàn này chia rẽ, hỗn chiến với nhau; năm 1927 bị quân đội chính phủ cách mạng Tôn Trung Sơn tiêu diệt trong chiến tranh Bắc phạt.

Tại hội nghị Hòa bình Paris (18/1 - 28/6/1919, có 32 nước tham gia, họp ở điện Versailles) nhằm giải quyết các vấn đề sau Thế chiến I, Tổng thống Mỹ Wilson đề ra kế hoạch hòa bình, trong đó có thỏa hiệp để Nhật kế thừa các đặc quyền của Đức tại tỉnh Sơn Đông trung Quốc, phái đoàn trung Quốc phản đối, không kí hòa ước Versailles.

Ở đây tác giả muốn nói về Hội nghị Yalta (Yalta Conference), tức hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Liên Xô - Anh họp tại Yalta (Liên Xô) 4 - 11/2/1945 bàn các vấn đề sau khi Đức phát xít đầu hàng. Trong đó vì để tránh xung đột với Liên Xô, Mỹ đồng ý để Liên Xô được hưởng các đặc quyền của nước Nga Sa Hoàng tại Trung Quốc, như quyền thuê quân cảng Lữ Thuận - Đại Liên (một cảng biển và đô thị công nghiệp quan trọng của Trung Quốc) và khai thác một số tuyến đường sắt, thừa nhận giữ nguyên tình trạng hiện có của CHND Mông Cổ (mà Trung Quốc cho là đất của mình)...

Khoản bồi thường Canh Tý: Năm 1900 Liên quân 8 nước phương Tây xâm lược Trung Quốc, năm sau ép chính quyền Mãn Thanh ký hiệp ước Tân Sửu, buộc Trung Quốc bồi thường cho 8 nước này 450 triệu lạng bạc (450 triệu dân, mỗi người nộp 1 lạng), gọi là khoản bồi thường Canh Tý. Năm 1908 - 1940, nhưng quy định chỉ dùng vào việc cho trung Quốc cử học sinh sang Mỹ du học. Nhờ đó trung Quốc có được một đội ngũ nhân tài cấp cao, về sau họ có đóng góp quyết định vào việc làm bom nguyên tử, vệ tinh và tên lửa.

The Pentagon's New Map: War and Peace in the Twenty - First Century; xuất bản năm 2004.

Charles Krauthammer: Nhà báo Mỹ nổi tiếng, sinh 1950, từng đoạt giải Pulitzer.

Một lực lượng trước kia ít được chú ý nay nổi lên - ý nói lực lượng của bọn khủng bố nổi lên sau vụ 11 tháng 9.

Samuel Philip Huntington, 1927 - 2008, nhà khoa học chính trị nổi tiếng nước Mỹ, tác giả học thuyết 'sự đụng độ giữa các nền văn minh' ('Clash of Civilizations', đề ra năm 1993).

Thời kỳ bùng nổ dân số: Tiếng Anh là Baby Boom, thời kỳ 1946 - 1964 số dân Mỹ tăng thêm 78 triệu.

Ngũ Bá Xuân Thu: Thời Xuân Thu (770 - 476 trước CN), Trung Quốc chia làm hơn 140 tiểu

quốc chư hầu, đánh nhau liên miên, thông tính nhau, cuối cùng còn 5 nước lớn mạnh lại tiếp tục đánh nhau giành quyền bá chủ thiên hạ. Vua của 5 nước chư hầu tranh bá chủ lớn nhất là Tề Hoàn Công, Tống Tương Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công và Sở Trang Công được sử Trung Quốc gọi là 'Xuân Thu Ngũ Bá', tức 5 bá chủ thời Xuân Thu.

Thất Hùng Chiến Quốc: 7 nước chư hầu mạnh nhất cuối thời Đông Chu thuộc thời kỳ Chiến Quốc (475 - 221 trước CN), là nhà nước Tề, Sở, Yên, Hàn, Triệu, Ngụy, Tần. Năm 221 trước CN Tần hoàn tất việc diệt 6 nước, thống nhất Trung Quốc.

Ngũ Đại tức 5 đời: Sau đời Đường, thời gian 907 - 960 tại miền Bắc Trung Quốc lần lượt lập 5 chính quyền Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu; lịch sử gọi là Ngũ Đại.

Nguyên văn Chữ Hán: Tiên hoàng lập quốc dụng văn nho, kỳ sĩ đa vi bút mặc câu.

Sung quân: đưa tội phạm tới vùng biên ải làm lính thú hoặc làm lao dịch, được coi là một tội lưu đầy.

Di chuyển triều đình về miền nam: Ở đây nói việc nhà Tống chuyển kinh đô xuống miền nam: năm 1127, triều đình Bắc Tống bị nhà Kim (một liên quốc ở phía Bắc) tấn công, chiếm kinh đô Khai phong, bắt giam vua. Nhà Tống tiếp tục chống lại nhà kim. Năm 1411 hai bên thỏa thuận nhà Tống cắt toàn bộ miền bắc Trung Quốc cho nhà Kim và chuyển kinh đô xuống miền Nam (Hoàng Châu).

Quách Sĩ Lập là tên chữ hán của Karl Friedrich August Gutzlaff (tên tiếng Anh là Charles Gutzlaff), người Phổ, 1803 - 1851, một trong những nhà truyền đạo Tin Lành đầu tiên sang Viễn Đông truyền giáo. Tại Hong Kong hiện có đường phố Gutzlaff đặt tên ông.

Publius Flavius Vegetius Renatus, 400 AD, có viết một số tác phẩm về đề tài chiến tranh , quân sự.

Lên Lương Sơn: lấy tích trong tiểu thuyết Thủy Hử, do không chịu nổi sự đàn áp và thối nát của triều đình nhà Bắc Tống, 108 hảo hán lên Lương Sơn nhập bọn với nhau khởi nghĩa chiến đấu chống lại triều đình.

Weber: Có nhiều người cùng tên Weber; ở đây có lẽ tác giả muốn nói đến Max Weber, người Đức, 1864 - 1920, một trong ba nhà tiên phong về lý thuyết quản lý cổ điển, người đặt nền móng cho ngành xã hội học.

Machiavelli tức Micolò Machiavelli, 1469 - 1527, nhân vật trung tâm của bộ máy chính trị nước Ý thời kỳ Văn nghệ phục hưng, nhà chính trị nhân văn kiệt xuất kiêm nhà thơ, nhà âm nhạc; có cống hiến lớn về chính trị, quân sự, văn học; nổi tiếng với hai tác phẩm The Prince (Quân vương) và Discourses on Livy (Bàn về chủ nghĩa cộng hòa).

Nguyên tắc 'Bảo đảm hủy diệt lẫn nhau': Mutual assured destruction (M.A.D), một học thuyết chiến lược quân sự và chính sách an ninh quốc gia, trong đó việc hai bên tham gia chiến tranh sử dụng hết mức vũ khí hạt nhân sẽ dẫn tới hậu quả cả hai bên tấn công và phòng ngự đều cùng bị hủy diệt, theo đó những nước có vũ khí hạt nhân không được tấn công nước khác bằng vũ khí hạt nhân bởi điều xảy ra chắc chắn là hai bên cùng hủy diệt.

Phố Wall: Từ dùng để chỉ thế lực tư bản tài chính Mỹ (Phố Wall ở thành phố New York là nơi tập trung nhiều cơ quan đại diện các công ty tài chính Mỹ).

Kim Môn và Mã Tổ là hai quần đảo ở eo biển Đài Loan. Nơi đây là chiến trường chính giữ Đài Loan và Trung Quốc trong những năm 1950 - 1960; cũng là đề tài tranh cãi kịch liệt giữa hai ứng viên Tổng thống Mỹ (Kennedy và Nixon) trong cuộc chạy đua vào nhà Trắng năm

1960 về việc có nên sử dụng vũ khí nguyên tử với Trung Quốc trong trường hợp Đài Loan bị tấn công.

Dự án 'Hai đạn, một vệ tinh': tiếng Trung Quốc là 'Lưỡng đạn nhất tinh': ban đầu là bom nguyên tử, tên lửa và vệ tinh tinh nhân tạo. 'Đạn' thứ nhất là bom nguyên tử, sau diễn biến thành bom nguyên tử và bom khinh khí. 'Đạn' thứ hai là tên lửa. 16/10/1964 Trung Quốc thử thành công nổ quả bom nguyên tử đầu tiên; 17/6/1967 thử thành công nổ bom khinh khí; 24/4/1970 phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên.

Đại cách mạng Pháp lật đổ chế độ quân chủ, lập chế độ quân chủ lập hiến, ngày 20/9/1792 lập chế độ cộng hòa. 10/8/1792, vua Louis và hoàng hậu là Marie Antoinette (người Áo) bị bắt. 17/1/1793, vua Louis bị kết án tử hình với tội danh âm mưu chống lại tự do nhân dân và an ninh chung. Hoàng hậu cũng lên máy chém ngày 16/10.

Sáu nước bị nhà Tần diệt: thời gian 230 - 221 trước Công nguyên, vua nước Tần và Doanh Chính thống nhất 6 nước chư hầu Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Yên, Tề, hoàn thành thống nhất Trung Hoa. Năm 206 tr. CN nhà Tần bị Lưu Bang và Hạng Vũ tiêu diệt.

Một nghèo hai trắng: Nghèo: cơ sở vật chất kém; trắng: văn hóa khoa học lạc hậu. Đây là lời Mao Trạch Đông nói trong bài 'Bàn về 10 mối quan hệ lớn': 'Tôi từng nói, chúng ta một là 'nghèo', hai là 'trắng'. 'Nghèo' là công nghiệp không có bao nhiêu, nông nghiệp cũng không phát triển; 'Trắng' là trang giấy trắng, trình độ văn hóa, trình độ khoa học đều chưa cao.'

Một giàu hai công bằng: một là giàu, hai là phân phối công bằng của cải.

Immanuel Wallerstein: người Mỹ (1930 -), nhà xã hội học, nhà khoa học lịch sử xã hội và nhà phân tích các hệ thống thế giới. Tác phẩm nói ở đây là cuốn The Decline of American Power: The U.S. in a Challenged World.

Suy thoái Hiei là nói sự thoái kinh tế Nhật dưới triều đại Heisei. Heisei (âm Hán Nhật Bình Thành) là tên gọi triều đại Nhật Hoàng do vua Akihito (Minh Nhân) trị vì từ 1989 cho tới nay. Dân tộc Đại hòa: tên gọi theo âm Hán - Nhật của dân tộc Nhật bản.

Nguyên văn chữ Hán trong Kinh Dịch: An nhi bất vong nguy, tồn nhi bất vong công, trị nhi bất vong loạn.

Tư Mã Tương Như: (khoảng 179 trước CN - ?) nhà văn chuyên viết phú (một thể văn vần) nổi tiếng thời Tây Hán Trung Quốc. Nguyên văn chữ Hán câu này là: Minh già viễn kiến vu vị mạnh, nhi trí giả tị nguy vu vô hình.

Orange: tên một gia tộc danh giá ở Châu Âu, nguyên quán tại lãnh địa Orange, nhiều thế hệ cai trị Hà Lan, trong đó William III từng làm vua nước Anh, Scotland và Ireland (1689 - 1702); gia tộc này từ 1815 cho tới nay là hoàng gia cai trị Hà Lan trên danh nghĩa.

Sau các vụ khiêu khích của Anh, ngày 18/6/1812, Mỹ tuyên chiến với Anh đốt nhà Quốc hội Capitol và Nhà Trắng ở thủ đô Washington. Tháng 12/1814, hai nước ký Hòa ước, chấm dứt chiến tranh, lãnh thổ Mỹ giữ nguyên trạng.

Valery Boldin: sinh 1935, năm 1981 tham gia ê kíp Gorbachev, sau làm trợ lý của tổng Bí thư đảng Cộng sản Liên Xô Gorbachev rồi Chánh văn phòng Tổng thống thời Gorbachev. Tác giả cuốn Mười năm rung chuyển thế giới: Thời đại Gorbachev do chánh văn phòng của ông chứng kiến (tiếng Anh: Ten Years that Shook the World: The Gorbachev Era as Witnessed by his Chief of Staff, xuất bản 1994).

Romain Rolland (1866 - 1944): nhà văn, nhà hoạt động xã hội chống chiến tranh, đoạt giải

Nobel Văn học năm 1915.

3\ 'giấu mình chờ thời': Nguyên văn tiếng Trung Quốc - 'thao quang dưỡng hoi', nghĩa là giấu thực lực, chờ ngu giả đại, chờ thời cơ.

4\ Ohmae Kenichi: (sinh năm 1943), tiền sĩ vật lý hạt nhân, nhà quản lý học, nhà bình luận kinh tế nổi tiếng, từng phụ trách công ty Mekin - sey company... Tác phẩm tiêu biểu có: 'Thế giới không biên giới', 'Tương lai lớn của sân khấu toàn cầu'.

5\ 'Khi Trung Quốc thống trị thiên hạ': sự trỗi dậy của Vương quốc trung ương và hồi kết của thế giới phương Tây' tức sách When China Rules the world: The Rise of the Middle Kingdom and the End of the Western World, xuất bản năm 2009. Tác giả Martin Jacques, người Anh, sinh 1945, học giả và nhà báo, hiện là cây bút bình luận của báo The Times, giáo sư thỉnh giảng của Đại học Nhân dân Bắc Kinh.

6\ 'Thời báo Hoàn cầu': Một phụ trương của Nhật Báo Nhân Dân, cơ quan của Trung ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc

7\ Feodor Mikhailovich Dostoevsky, 1821 - 1881, nhà văn người Nga chuyên viết về sự bình đẳng trong xã hội; nổi tiếng với các tác phẩm 'Thằng Ngốc', 'Tội ác và trừng phạt'...; từng bị đày do tham gia cách mạng.

8\ De Gaulle tức Charles André Marie Joseph De Gaulle, 1890 - 1970, người lãnh đạo phong trào 'nước Pháp Tự do' chống Phát xít Đức trong thế chiến thứ II; sau khi nước Pháp được giải phóng từng làm người đứng đầu chính phủ Pháp lâm thời, rồi Thủ tướng (1944 - 1946; 1958), Tổng thống Pháp (1959 - 1969), chủ trương ngoại giao độc lập tự chủ không lệ thuộc Mỹ

Công ty Đông và Tây Ấn Độ: ở đây tác giả muốn nói về công ty Đông và Tây Ấn Độ của Hà Lan (xin chú ý nhầm với công ty Ấn Độ của Anh). Công ty Đông Ấn của Hà Lan, tên tiếng Anh Dutch East India Company (tên đầy đủ là Dutch United East India Company), tiếng Hà Lan Vereenig de Oostindische Compagnie, viết tắt VOC. lập 1602, giải tán 1799, là công ty tư nhân lớn nhất thế giới đương thời, có tính chất một nhà nước. Công ty có quân đội riêng gồm 10 nghìn lính đánh thuê, đội thương thuyền vũ trang 150 tàu, đội chiến thuyền 40 tàu, có cả nhà máy đóng tàu; cổ tức của công ty cao tới 40%. Công ty này năm 1624 phát hiện và lập thương cảng tại Mỹ, đặt tên là New York. Công ty Tây Ấn của Hà Lan (Dutch West India Company, thành lập năm 1621, là một chi nhánh của công ty Đông Ấn) là công ty tư nhân mạnh nhất, hiệu quả nhất thế giới xưa nay (hơn cả Microsoft, IBM, GM thời nay), lợi nhuận cao tới 200 - 300% (ngày nay công ty có lợi nhuận cao nhất là 20 - 30%)

FED: viết tắt từ Federal Reserve System, tức Cơ quan Dự trữ Liên bang, tức Ngân hàng Nhà nước Mỹ.

Trò chơi kết cục bằng số không: tiếng Anh là zero-sum game: các bên tham gia trò chơi cạnh tranh gay gắt với nhau, được của bên này có nghĩa là mất của bên kia, được và mất của hai bên cộng lại thì mãi mãi bằng zero (số không); nói cách khác, không tồn tại khả năng hai bên cộng tác với nhau.

Clausewitz: Karl von Clausewitz, 1780 - 1831, người Đức, nhà lý luận quân sự và sử gia quân sự; tác phẩm chính 'Bàn về chiến tranh' (On war), chủ trương chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị, đề xuất quan niệm chiến tranh tổng thể.

Bismarck: Otto Eduard Bismarck, 1815 - 1898, thủ tướng vương quốc Phổ (1862 - 1890), Tể

tướng đế quốc Đức (1871 - 1890), lãnh đạo lực lượng quân đội đánh bại Pháp, Áo thống nhất nước Đức, còn gọi là 'Thủ tướng thép'.

George Frost Kennan (1904 - 2005), nhà chiến lược Mỹ, người sáng lập học thuyết ngăn chặn Liên Xô, cha đẻ của chiến lược chiến tranh lạnh.

Thanh gươm sắc Damocles: Theo truyền thuyết Hy Lạp cổ, Damocles là một bề tôi nhưng lại muốn làm vua; biết vậy, nhà vua bèn mở tiệc mời Damocles ngồi vào ngai vàng, phía trên có một thanh gươm sắc treo bằng sợi lông bò ngựa (là loại sợi rất dễ đứt), nhằm để Damocles hiểu hoàn cảnh nguy hiểm của kẻ làm vua. Điển tích này dùng để nói tai họa sắp giáng xuống.

Bản gốc tiếng Trung Quốc viết nhầm là 9, người dịch sửa là 8.

Sir Winton Churchill, 1874 - 1965, nhà chính trị, nhà văn, Thủ tướng nước Anh 1940 - 1945, người lãnh đạo nước Anh chống lại Phát xít Đức trong thế chiến thứ II, ông đạt giải Nobel văn học năm 1953

1. (Đơn vị tiền tệ Ấn Độ)

2. Giờ cao điểm

1. Tên con chó - ND

1. Sinh năm 1943, là Tổng tư lệnh Bộ tham mưu của Quân đội Pakistan. Ông lên nắm chức tổng thống thông qua một cuộc đảo chính. Ông lên nắm quyền ngày 12 tháng 10 năm 1999, sau khi lật đổ Nawaz Sharif, Thủ tướng được bầu cử, và từ đó ông nắm quyền đứng đầu cơ quan hành pháp. Sau đó ông giữ chức Tổng thống Pakistan

1. Một công ty địa ốc lớn ở Ấn Độ

2. Một nghi thức truyền thống của người Hindu

1. Tổ chức Y tế Thế giới

1. Một loại nệm đặc trưng của Ấn Độ

1. Thịt Kashmiri và trứng

1. Một lễ hội truyền thống của người Hồi giáo

2. Danh hiệu của Vua chúa

1. Người hành hương tới Mecca - ND

1. Một quần đảo thuộc Ấn Độ

1. Ở đây, tác giả đang đề cập tới món của hội môn mà nhà gái phải cho cô dâu trước khi về nhà chồng theo tập tục của người Ấn

1. Ấn Độ có ba ngôn ngữ chính là tiếng Anh, tiếng Hindi và tiếng Urdu; tác giả là người vùng Peshawar, địa phương sử dụng tiếng Hindko làm ngôn ngữ chính

1. Lễ hội thả diều kéo dài hai ngày, diễn ra ở Lahore, thủ phủ tỉnh Punjab

1. Sau Thế chiến II, Anh trao trả độc lập cho Ấn Độ và phân chia lãnh thổ này dựa trên cơ sở tôn giáo: Tây Pakistan, Đông Pakistan (Hồi giáo) và Ấn Độ (đạo Hindu). Năm 1971, Đông Pakistan tách ra thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Bangladesh. Từ đó, lãnh thổ Pakistan chỉ còn ở miền tây.

2. (1953 - 2007): Cựu Thủ tướng Pakistan, người lãnh đạo Đảng Nhân dân Pakistan (PPP)

3. Hai tác phẩm trường ca cổ của Pakistan

1. Đàn ông

1. (1898 – 1982): nhà thơ Ấn Độ

1. Abe: Abraham Lincoln

Louis Guimbaud: Người mẹ của Victor Hugo.
Louise Barthou: Trung tướng Hugo, tr. 43.
Sđd. tr. 47.
Sđd. tr. 53.
Sainte - Beuve: Chân dung hiện đại, Q.II, tr.179.
Theo Hồi ký của Guttinguer.
Thần kịch nghệ trong huyền thoại Hy Lạp.
Nàng thơ Pháp; Số ra ngày 12 tháng năm 1824.
Về nước Đức.
Léon Séché: Văn đoàn Nàng thơ Pháp, tr.82.
Victor Hugo: Thư từ trao đổi, Q.I, tr. 3061.
Victor Hugo: Gởi cha, tr. 107.
s.đ.d. tr. 106.
Victor Hugo: Thư từ trao đổi. Q.I, tr. 400.
S.đ.d. Q.I, tr. 402.
s.đ.d. Q.I, tr. 403.
s.đ.d. Q.I, tr. 406.
s.đ.d. Q.I, tr. 413.
Victor Hugo: Lễ đăng quang của Charles X, (Thơ ca ngợi và balat, tr. 148).
Victor Hugo, theo lời kể một nhân chứng, của đời ông, Q.II, tr. 138.
s.đ.d. Q.II, tr. 130.
balat (ballade): loại thơ trữ tình gồm bốn đoạn.
Victor Hugo: Thơ ca ngợi và balat, tr. 336.
Sainte - Beuve: Những ngày thứ hai đầu tiên, Q.I, tr.179.
Sainte-Beuve: s.đ.d. Q.I, tr.173.
Victor Hugo: Lại nói với em (Thơ ca ngợi và balat, tr.262)
Sainte-Beuve: Truyện kể cho Adèle, tr.23.
Charles Bruneau: Lịch sử ngôn ngữ Pháp, Q.XII, tr.199-204.
Sainte-Beuve: Thư từ trao đổi, Q.I, tr.78-81. và ánh sáng.
Victor Hugo: Thư từ trao đổi, tr.456.
A fred de Musset: Mardoche, I.
Thành phố Trébizonde và cô gái tóc vàng.
Hoàng hậu và thuyền tatan.
Victor Hugo: Sara người phụ nữ tắm (Nét đẹp phương Đông, tr.690).
Claude Roy: Europe, 2-3-1952, tr.82.
Victor Hugo: Nét đẹp phương Đông, tr.744.
Victor Hugo: Người (Nét đẹp phương Đông, tr.752).
Afred de Vigny: Nhật ký một nhà thơ, tr.892-893.
Victor Hugo: Bài tựa của Nét đẹp phương Đông, tr.615-622.
Armrand Hoog.
Henri Brémond.
Cuộc đời, tư tưởng và thơ của Joseph Delorme, tr. 27.

Vigny.

Frédéric Saulnier. Lorme. Đề từ: Tres par una. Ba người đàn ông cho một

Sainte-Beuve: Khoái lạc (Volupté), Q.I, tr. 59-60.

Sainte-Beuve: An ủi (Consolations), tr. 5-8

Sainte-Beuve: Sách tình (Livre d'amour), tr. 31-32.

Sainte-Beuve: Khoái lạc, Q.I, tr. 108.

Victor Hugo: Thư từ trao đổi, QI, tr. 462.

Achate: nhân vật trong Enneêde (Virgile).

Sainte-Beuve: Toàn bộ thư từ trao đổi, Q.I, tr. 179-180.

Ernest Dupuy.

Sainte-Beuve: Những ngày thứ hai mới, Q.V, tr. 456.

Victor Hugo: Thư từ trao đổi, QI, tr. 472.

Victor Hugo: Lá thu, XIV, tr. 52-53.

S.đ.d, XVII, tr. 58.

Juste Olivier: Paris 1830, tr. 221.

Victor Hugo: Vậy đâu là hạnh phúc? (Lá Thu, XVIII, tr. 61-62.

Victor Hugo: Dọc sau tháng Bảy 1830 (Những khúc ca hoàng hôn).

Sainte-Beuve: Khoái lạc, Q.I, tr. 321.

Quá trình của Nhà Thờ Đức Bà Paris, tr. 448.

Emile Faguet: Thế kỷ XIX, tr. 201.

N.tr

Victor Hugo: Nhà Thờ Đức Bà Paris.

Sainte-Beuve: Toàn bộ thư từ trao đổi QI, tr. 222-223.

Sainte-Beuve: Tuổi thơ của Adèle (Sách tình, IV, tr.8) vãi).

Sémélé: Nữ thần, người yêu của Zeus và mẹ của Dionysos.

Sainte-Beuve: Sách tình, XI, tr.40.

Victor Hugo: Tình yêu - Đồng đá, tr.415.

Victor Hugo theo lời kể một nhân chứng đời ông. Quyển I, tr.31-32.

Louis Guimbaud: Người mẹ của Victor Hugo, tr.175.

Victor Hugo: Tuổi thơ tôi (Thơ ca ngợi và balat, tr. 254)

Victor Hugo theo lời kể một nhân chứng đời ông, Q.I, tr.53.

L.Barthou, Trung tướng Hugo, tr.74-75.

Victor Hugo: Chuyện xảy ra ở ngõ Feuillantines.

Victor Hugo theo lời kể một nhân chứng đời ông, Q.I, tr.55-56.

Victor Hugo: Ngày cuối cùng của một kẻ bị án, tr.681.

Victor Hugo: Rừng Đen, (Trên đường, Q.II, tr.469).

Victor Hugo: Hành vi và lời nói, Q.I, tr.14

Victor Hugo: Pyrénées (Trên đường, Q.II, tr.298).

Léopold Mabilleau: Victor Hugo, tr.8.

Larron: Kẻ cắp. Trên đất nước bị xâm lược.

Victor Hugo: Nghệ thuật làm ông, IX, tr.493-495.

Louis Guimbaud: Người mẹ của Victor Hugo, tr.210.

Victor Hugo: Ngày cuối cùng của người bị án, tr.68.

Léopold Mabilleau: Victor Hugo, tr.8 .

Sainte-Beuve: Sách tình, XIII, tr.93-94.

Hiện nay, đây là quảng trường Vosges, số 6 là viện bảo tàng Victor Hugo.

Victor Hugo: Những tiếng nói nội tâm, tr.415.

Afred de Vigny: tác giả Eloa.

Antony và Emile Deschamps.

Victor Hugo: Về Mirabeau.

Juliette Drouet: Ngàn lẻ một bức thư tình gửi Victor Hugo, tr.40.

s.đ.d. tr.46.

s.đ.d., tr.51.

André Billy: Sainte - Beuve, cuộc đời và thời đại, Q.I, tr.253.

Victor Hugo: Trầm tư, Q.II, tr.90.

Victor Hugo: Nỗi buồn của Olympio (Ánh sáng và bóng tối, tr.631).

Kính gửi đức vua Louis-Philippe, sau bản án tuyên đọc ngày 12 tháng bảy 1839. Nhà vua vừa mất người con gái, Marie, chết ở tuổi hai mươi sáu; 'đứa trẻ hoàng gia' là con trai của quận công d'Orléans.

Paul Souchon: Hai người vợ của Victor Hugo, tr.115-116.

Tiểu thuyết của Théophile Gautier, xuất bản năm 1837.

Nơi Adèle Hugo đang ngồi mẫu cho họa sĩ vẽ.

Ý muốn nói tới vở Ruy Blas vừa được xuất bản.

Léopold Mabilleau: Victor Hugo, tr.74.

Victor Hugo: Sông Rhin.

Charles-Isidore Vacquerie mất một tháng sau đám cưới con trai, tháng ba 1843

Sainte-Beuve: Toàn bộ thư từ trao đổi.

Thư chưa xuất bản.

Thư chưa xuất bản.

Victor Hugo theo lời kể một nhân chứng của đời ông, Q.I, tr.274

Sainte-Beuve: Chân dung hiện đại, Q.I, tr.39

Louis Barthou: Trung tướng Hugo, tr.88.

Victor Hugo: Ngày cuối cùng của một người bị án, tr.682

Victor Hugo: Thư từ trao đổi, Q.I, tr.291

Louis Barthou: Trung tướng Hugo, tr.95.

Louis Barthou: Trung tướng Hugo, tr.99.

Tháng tư 1810, Henry - Francois - Martin - Chopine, chồng của Marguerite Hugo, đã bị giết tại Tây Ban Nha trong một trận phục kích.

Victor Hugo: Những tập thơ Pháp chưa xuất bản (1815-1818), tr.29.

Victor Hugo: Truyền thuyết thế kỷ, Q.I, XXI, tr.490.

Victor Hugo: Tuổi thơ tôi (Thơ ca ngợi và balat, tr.255).

Marcel Proust: Jean Santeuil, Q.I, tr.42.

Victor Hugo: Gửi đồng bào, ngày 26 tháng năm 1848.

Victor Hugo: Những người khôn khổ.

Victor Hugo: Kỷ niệm riêng (Souvenirs personnels, tr. 99).
Victor Hugo: s.đ.d. tr.115.
Victor Hugo: Hành vi và lời nói, Q.I tr. 158.
Victor Hugo: S.đ.d tr. 160.
Victor Hugo: S.đ.d. tr.176.
Victor Hugo: S.đ.d. tr. 651
Victor Hugo: S.đ.d. tr. 182.
Victor Hugo: S.đ.d. t. 212.
Raymond Escholin: Một người tình thiên tài, tr. 351
Raymond Escholier: S.đ.d. tr. 351-353
Louis Guimbaud: Victor Hugo và Juliette Dronet, tr. 169.
Victor Hugo: Hành vi và lời nói, Q.I, tr.351-352.
Victor Hugo: S.đ.d Q.I, tr.255-257.
Victor Hugo: William Shakespeare. tr.476.
Victor Hugo: Những người khốn khổ.
Victor Hugo: Napoléon kẻ tiểu nhân, tr.141-143.
Chuyến đi của một người đàn bà tới Epitzberg, của Léonie d'Aunet.
Jean - Bertrand Barrère: Hugo, con người và tác phẩm, tr.129.
Hồi ký của Pierre Foucher, Paris, 1929.
Gustave Simon: Cuộc đời một người đàn bà.
Juliette Drouet: Ngàn lẻ một bức thư tình gửi cho Victor Hugo.
Juliette Drouet: Ngàn lẻ một bức thư tình gửi cho Victor Hugo.
Paul Berret.
Paul Berret.
Paul Berret.
Tiếng Anh trong nguyên bản.
Tiếng Anh trong nguyên bản.
Victor Hugo và hai con trai.
Victor Hugo: Thư từ trao đổi, Q.I, tr.294.
Victor Hugo: Thư từ trao đổi, Q.I, tr.294-295.
Victor Hugo: Đại dương, LIV, tr. 91.
Victor Hugo: Ba tập thơ Pháp, tr.43-44.
Victor Hugo: Những người khốn khổ, phần I, quyển III, chương 4, tr.121-123.
Victor Hugo theo lời kể một nhân chứng của đời ông, Q.I, trang 378.
sđd. tr.380.
E. Benoît - Levy: Tuổi trẻ của Victor Hugo, tr.199.
Theo Paul Berret.
E. Benoît - Levy: Tuổi trẻ của Victor Hugo, tr.217.
Victor Hugo: Thư từ trao đổi, Q.I, tr.197.
Victor Hugo: Những cuộc già từ tuổi thơ, tr.445.
Theo Louis Barthou.
Victor Hugo: Khát vọng Vinh quang (Đại dương, VI, tr.31).

Victor Hugo: Truyền thuyết thế kỷ, bài tựa.

Victor Hugo: Thư từ trao đổi. Q.II, tr.310.

Nhưng ông không biết rằng bên cạnh ông đang vui tươi hơn hở, những người thân của ông đang ngột ngạt. Bà Hugo càng lúc càng xa rời Guernesey. Bởi không được hạnh phúc, bà cần tiêu khiển và thích, với sự ủy quyền, được đại diện cho vinh quang của chồng tại Pháp hoặc tại Anh.

Julie Foucherm, ba mươi sáu tuổi, muốn rời xa Saint-Denis với ý định lấy chồng.

Aglaé Viénot, con gái của một công chứng viên, mà Emile Deschamps đã cưới năm 1817, chết năm 1855.

Victor Hugo: Những người khốn khổ.

Edmond và Jules de Goncourt: Nhật ký, Q.II, tr.99.

Tức là Cảnh tiên Hauteville nơi nhà thơ đưa Juliette Drouet tới ở khi nàng phải rời 'La Fallue' vì lý do âm ước.

Victor Hugo: Những bài hát về đường phố và rừng, điểm lại việc phê bình, tr.467.

Victor Hugo: S.đ.d. tr. 467.

Juliette Drouet.

Victor Hugo: Thư từ trao đổi, Q.III. tr.105,

Victor Hugo: Thư từ trao đổi, Q.III, tr. 140.

Người cười, tr. 424-425.

Tức là Juju, chỉ Juliette Dronet.

Edmond de Goncourt, Nhật Ký, Q.IV, tr. 93.

Victor Hugo: Diễn văn về chiến tranh đọc tại quốc hội ngày 1 tháng ba 1871.

Victor Hugo: B.đ.d

Edmond de Goncourt: Nhật ký. QIV, tr. 181.

Henri Guillin: Victor Hugo bởi chính ông, tr. 58.

Anacréon: nhà thơ cổ đại Hy Lạp.

Victor Hugo: Trong giấc ngủ, tr. 419.

E. Benoît - Levy: Tuổi trẻ của Victor Hugo, tr. 240.

Victor Hugo: Thư cho người vợ chưa cưới, tr. 14

Victor Hugo: Thư cho người vợ chưa cưới, tr. 12.

S.đ.d. tr. 89

Victor Hugo: Thư cho người vợ chưa cưới, tr. 154-155.

Victor Hugo: Thư cho người vợ chưa cưới, tr. 24.

S.đ.d. tr. 22.

S.đ.d. tr. 23.

Raymond Escholier: Một người tình thiên tài, tr. 80.

S.đ.d. tr. 22.

S.đ.d. tr. 42

Victor Hugo: Nuda (Đại dương, LIX, tr.90).

Georges Hugo: Ông tôi, tr. 31.

Victor Hugo: Nghệ thuật làm ông, tr. 424.

Emile-Constant Rochereuil (1849 - 1891).

Juliette Drouet: Ngàn lẻ một bức thư tình gửi Victor Hugo, tr. 793-795.
Louis Guimbaud: Victor Hugo và Juliette Drouet, tr. 254.
Raymond Escholier: Một người tình thiên tài, tr. 617.
Romain Rolland: Ông lão Orphée, trong tạp chí Europe, tháng hai, ba, 1952.
Mục này vô hiệu, vì Juliette đã chết năm 1883.
Henri Guillemin: Hugo bởi chính ông, tr. 58.
Romain Rolland: Bài viết đã dẫn.
Maurice Barrès: Những con người vong bản, tr. 216.
Romain Rolland: Bài viết đã dẫn.
Henri Mondor: Cuộc đời Mallarmé, tr. 470-471.
Léon-Paul Fargue.
Victor Hugo: Những đoạn phê bình, tr. 38.
Victor Hugo: Trả lời thư gửi nhà vua của ông Ourry.
Victor Hugo: Văn chương và triết học lẫn lộn, tr. 53.
S.đ.d. tr. 53.
S.đ.d. tr. 192.
Afred de Vigny: Nhật ký một nhà thơ.
Victor Hugo theo lời kể một nhân chứng của đời ông, Q. II. tr. 7.
S.đ.d. Q. II tr. 12.
Victor Hugo: Thư cho người vợ chưa cưới, tr. 141.
Sainte - Beuve.
Victor Hugo: Thư cho người vợ chưa cưới, tr. 185.
S.đ.d. tr. 35.
S.đ.d. tr. 36.
S.đ.d. tr. 36.
S.đ.d. tr. 42 - 43.
Victor Hugo: Thư từ trao đổi, Q. I, tr. 322 - 323.
Victor Hugo: Thư từ trao đổi, QI, tr. 327.
Victor Hugo: Thư từ trao đổi, Q. I, tr. 327.
J. - B. Barrère: Nét độc đáo của Victor Hugo, QI, tr. 43.
Victor Hugo: Thư từ trao đổi, Q. I, tr. 330.
Victor Hugo: Theo lời một người chứng của đời ông, Q. II, tr. 51-52.
Victor Hugo: Những người khốn khổ, phần III, Q. V, tr. 391-392.
Victor Hugo: Thư cho người vợ chưa cưới, tr. 123-124.
S.đ.d. tr. 51 và tr. 55.
S.đ.d. tr. 79.
S.đ.d. tr. 84-85.
S.đ.d. tr. 64.
S.đ.d. tr. 81.
S.đ.d. tr. 64.
S.đ.d. tr. 90.
S.đ.d. tr. 90.

S.đ.d. tr. 153.

Louis Barthou: Trung tướng Hugo, tr. 115-116.

Victor Hugo: Thư cho người vợ chưa cưới, tr. 72-73.

S.đ.d. tr. 103.

S.đ.d tr. 103.

S.đ.d tr. 107.

S.đ.d tr. 106.

S.đ.d. tr. 99-101.

S.đ.d. tr. 117-118.

S.đ.d. tr. 148.

S.đ.d. tr. 150.

S.đ.d. tr. 160.

S.đ.d. tr. 163.

S.đ.d. tr. 172.

S.đ.d. tr. 173.

S.đ.d. tr. 216.

S.đ.d. tr. 232.

Tu sĩ P. Dubois: Victor Hugo và những ý tưởng tôn giáo, tr. 318.

Victor Hugo: Những người khốn khổ, Phần V, Q VI, tr. 215.

Victor Hugo: Lá mùa thu, XXIII tr. 70-71.

Victor Hugo: Những người khốn khổ.

Victor Hugo: Promontorium Somnii - Căn bệnh của William Shakespeare tr. 304 và 310-311.